

SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHƯƠNG SỐ 2



Nghệ An, T8/2025

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
1.1. Tên gọi, biểu tượng	1
1.2. Tôn chỉ, mục đích	1
1.3. Căn cứ pháp lý	1
1.4. Cơ cấu tổ chức Nhóm CCR Thanh Chương số 2	2
1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động	4
1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động	4
II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM	4
1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung của Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	4
2. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban quản lý nhóm (Trưởng nhóm)	6
3. Quyền và trách nhiệm của thành viên đại diện (phụ trách xã)	7
4. Quyền và trách nhiệm của các thành viên quản lý Nhóm	7
5. Quyền và trách nhiệm của Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm, đại diện cho các thành viên trong thôn/xóm)	9
6. Quyền và trách nhiệm của các thành viên nhóm chứng chỉ rừng (chủ rừng)	10
III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM	11
3.1. Các quy định chung	11
3.2. Quy định và điều kiện tham gia Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	11
IV. DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC	12
4.1. Điều kiện tiên quyết để chủ rừng xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng	12
4.4. Công nhân (người lao động) và điều lệ an toàn lao động	15
4.5. Qui định về tài liệu và lưu trữ	15
V. CÁC ĐỊNH NGHĨA	16
5.1. Lỗi không tuân thủ lớn (Major car)	16
5.2. Lỗi không tuân thủ nhỏ (Minor car)	16
5.3. Lỗi quan sát (Observer)	16
5.5. Rừng có giá trị bảo tồn cao	16
PHỤ LỤC A: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÓM	18
QTQLN – 01: QUY TRÌNH MỞ RỘNG, KẾT NẠP THÀNH VIÊN VÀO NHÓM	18
QTQLN - 02: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM	26
QTQLN - 03: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI	30
QTQLN – 04: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT NỘI BỘ	36
QTQLN – 05: QUY TRÌNH LẬP, CẬP NHẬT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG	67
QTQLN - 06: QUY TRÌNH THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN	69
QTQLN - 07: QUY TRÌNH KÊ KHAI HỒ SƠ LÂM SẢN VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM COC ...	73
QTQLN – 08: QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ THẦU	92
QTQLN – 09: QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC	95
QTQLN – 10: KIỂM SOÁT, LƯU TRỮ VÀ CẬP NHẬT HỒ SƠ, VĂN BẢN	98
QTQLN 11. QUY TRÌNH, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG; BÒI THƯỜNG TẠI NẠN LAO ĐỘNG, NGHỆ NGHIỆP	103
PHỤ LỤC B: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG	108
QTQLR - 01. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG	108
QTQLR - 02. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG	110
QTQLR - 03. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG	112

QTQLR – 04: QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN.....	114
QTQLR - 05. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG.....	117
QTQLR- 06. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV AN TOÀN HIỆU QUẢ.....	119
QTQLR -07. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG.....	122
QTQLR - 08. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG.....	123
QTQLR – 09: QUY TRÌNH YÊU CẦU VỀ LÁN TRẠI, CHỖ Ở VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM.....	126
QTQLR - 10. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI.....	128
QTQLR -11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI.....	130
QTQLR- 12. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP.....	131
QTQLR -13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG.....	131
QTQLR -15. QUY TRÌNH BẢO VỆ LĂNG MỘ, CÁC ĐỊA ĐIỂM CÓ Ý NGHĨA VỀ MẶT TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG.....	148
QTQLR -16. QUY TRÌNH KIỂM SOÁT LOÀI THỰC VẬT NGOẠI LẠI, XÂM LẤN.....	150
QTQLR -17. QUY TRÌNH SỬ DỤNG MÁY CẮT CỎ.....	156
QTQLR - 18: XỬ LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁI PHÉP HOẶC BẤT HỢP PHÁP TRÊN LÔ RỪNG	161



I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Phải đáp ứng yêu cầu quản lý rừng theo “Danh mục kiểm tra sự tuân thủ FSC” và phù hợp với kế hoạch quản lý rừng của nhóm ít nhất là 5 năm;
- Các thành viên đồng ý để Ban quản lý nhóm (Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương) là đơn vị đại diện xin cấp chứng chỉ FSC, chịu sự kiểm tra giám sát hàng năm của Ban quản lý nhóm.

1.1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2
- Tên tiếng nước ngoài: Thanh Chuong Forest Certification Groups No.2
- Tên viết tắt: TC-FCG-2
- Biểu tượng:



1.2. Tôn chỉ, mục đích

Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 (sau đây gọi tắt là Nhóm) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người trồng rừng và những người hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Nghệ An. Thành viên Nhóm không phân biệt tuổi tác, dân tộc, tôn giáo, nam, nữ, tự nguyện tham gia vì mục đích trồng rừng có chứng chỉ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC.

1.3. Căn cứ pháp lý

- Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 được thành lập theo Quyết định 01/QĐ-LNGTC/2024 ngày 02/02/2024 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương trên cơ sở quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND huyện Thanh Chương về việc mở rộng diện tích bổ sung đơn vị cấp chứng chỉ rừng FSC. Công ty



TNHH Lâm nghiệp Gổ Thanh Chương là đại diện tư cách pháp nhân xin cấp chứng chỉ.

- Công văn 152/UBND-KT ngày 05/08/2025 của UBND xã Hoa Quân về việc tiếp tục triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn xã;

- Công văn số 304/UBND-KT ngày 08/08/2025 của UBND xã Cát Ngạn về việc tiếp tục triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn xã;

- Công văn số 148/UBND-KT ngày 05/08/2025 của UBND xã Tam Đồng về việc tiếp tục triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn xã;

Công văn số 104/UBND-KT ngày 06/08/2025 của UBND xã Hạnh Lâm về việc triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn xã;

Công văn số 206/UBND-KT ngày 06/08/2025 của UBND xã Kim Bảng về việc phối hợp với công ty TNHH Lâm nghiệp gổ Thanh Chương triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn xã;

- Công văn số 203/UBND-KT ngày 07/08/2025 của UBND xã Xuân Lâm về việc triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn xã;

- Công văn số 209/UBND-KT ngày 11/08/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc triển khai thực hiện chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn;

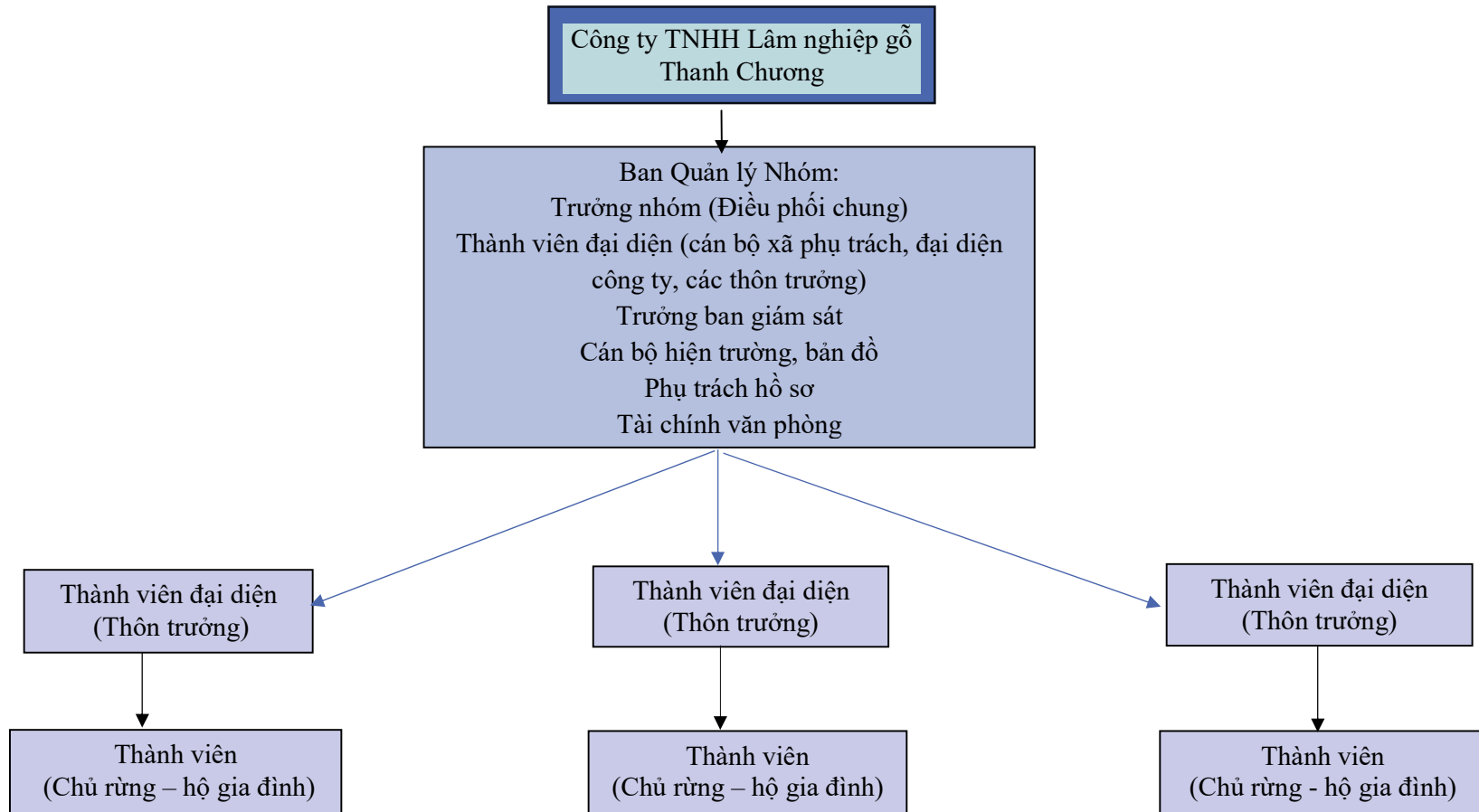
- Công văn số 10/CV - Cty ngày 27/03/2025 của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đô Lương về việc hợp tác phát triển vùng nguyên liệu gổ rừng trồng có chứng nhận FSC.

- Công ty TNHH Lâm nghiệp Gổ Thanh Chương đại diện cho các thành viên trong nhóm giữ chứng chỉ và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng.

Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 thực hiện việc cấp và duy trì chứng chỉ trên địa bàn các xã Cát Ngạn, Hạnh Lâm, Hoa Quân, Tam Đồng, Đại Đồng, Xuân Lâm, Kim Bảng và công ty Lâm nghiệp Đô Lương. Hàng năm tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại trên tỉnh Nghệ An.

1.4. Cơ cấu tổ chức Nhóm CCR Thanh Chương số 2

Để phù hợp trong công tác tổ chức quản lý nhóm và triển khai các hoạt động trong quản lý rừng, Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý nhóm như sau (hình 1):



Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Nhóm CCR Thanh Chương số 2



1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Nhóm hoạt động và mở rộng trên phạm vi các xã của tỉnh Nghệ An, trong lĩnh vực lâm nghiệp.
- Nhóm chịu sự quản lý của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Nhóm theo quy định của pháp luật.

1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Nhóm

II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung của Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

** Nhiệm vụ của Ban quản lý nhóm:*

- Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy của Nhóm. Xây dựng quy chế hoạt động, quản lý Nhóm; hướng dẫn thực hiện các quy chế quản lý Nhóm.
- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra và chỉ đạo mọi hoạt động của Nhóm.
- Xây dựng và hỗ trợ thực hiện các kế hoạch, báo cáo các hoạt động theo tháng, quý và năm.
- Trực tiếp thay mặt Nhóm đón tiếp và đối ứng đơn vị đánh giá cấp chứng chỉ FSC; cung cấp các thông tin về Nhóm, tiến hành các thủ tục để đánh giá cấp chứng chỉ và đánh giá định kỳ; có trách nhiệm duy trì chứng chỉ hàng năm.
- Chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ gỗ nguyên liệu với giá cả có lợi nhất.
- Là người đại diện hỗ trợ các hộ gia đình trong nhóm ký hợp đồng với bên thu mua gỗ có chứng chỉ FSC.
- Cập nhật danh sách thành viên, bản đồ nhóm chứng chỉ theo năm và thảo luận đề điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng của nhóm phù hợp, ổn định và bền vững;
- Thông báo kế hoạch giám sát nội bộ, kế hoạch đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ rừng đến các nhóm cấp xã và thông báo kế hoạch khắc phục lỗi sau đánh giá nội bộ và đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ đến các nhóm cấp xã;



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Lưu trữ ngân hàng dữ liệu: tài liệu, số liệu của nhóm trên hệ thống máy tính, bản cứng nếu cần;

- Trong trường hợp cần phát sinh để sửa đổi Sổ tay hoặc Điều lệ thành viên, Quản lý nhóm sẽ tổ chức một quá trình sửa đổi một cách minh bạch. Các sửa đổi cần được đồng thuận của ít nhất 2/3 số các thành viên của nhóm.

* Lưu trữ hồ sơ: Quản lý nhóm lưu giữ hồ sơ cập nhật về tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn này và Tiêu chuẩn quản lý rừng hiện hành, bao gồm:

- Danh sách tất cả thành viên của nhóm, chi tiết cho từng thành viên:

+ Họ tên và thông tin liên lạc;

+ Ngày tham gia nhóm và ngày rời khỏi nhóm (nếu có) và lý do rời nhóm;

+ Số lượng và diện tích các lô rừng tham gia trong nhóm;

+ Vị trí của từng lô rừng trong nhóm, được hỗ trợ với bản đồ hoặc dữ liệu;

+ Lâm sản khai thác chính

- Tất cả hồ sơ đào tạo cho cán bộ quản lý nhóm và các thành viên nhóm.

- Cam kết đồng ý tuân thủ chứng chỉ của tất cả các thành viên, thể hiện trong Đơn đăng ký tham gia Nhóm.

- Tài liệu và hồ sơ hướng dẫn về thực hành quản lý rừng.

- Hồ sơ giám sát nội bộ nhóm, các lỗi không tuân thủ và các hành động khắc phục

- Hồ sơ về điều tra trữ lượng hoặc ước tính hàng năm của nhóm và sản lượng bán có khai báo FSC thực tế hàng năm của nhóm.

- Tất cả các hồ sơ, tài liệu phải được lưu giữ ít nhất 5 năm.

* Quyền hạn của Ban quản lý Nhóm:

- Tuyên truyền mục đích của Nhóm về phát triển rừng trồng sản xuất có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC.

- Đại diện cho các thành viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Nhóm.

- Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Nhóm theo quy định.

- Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; được tham gia học tập nâng cao chuyên môn.

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Nhóm.

- Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.



2. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban quản lý nhóm (Trưởng nhóm)

• Quyền của Trưởng nhóm:

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cấp chứng chỉ rừng và ký hợp đồng đánh giá cấp chứng chỉ rừng;
- Kết nạp thành viên mới, mở rộng nhóm và hai trừ thành viên ra khỏi nhóm.

• Trách nhiệm Trưởng nhóm:

- Lãnh đạo, điều hành chung mọi hoạt động của Nhóm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhóm. Chịu trách nhiệm trước UBND các xã và Công ty TNHH Lâm nghiệp Gõ Thanh Chương về kết quả cấp chứng chỉ rừng.
- Trực tiếp đại diện và chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch phát triển cấp chứng chỉ rừng FSC cho các hộ dân trong Nhóm, trình Công ty TNHH Lâm nghiệp Gõ Thanh Chương và UBND các xã xem xét phê duyệt chủ trương; ký các văn bản hướng dẫn, phối hợp giữa Công ty và các bên liên quan.
- Chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cam kết của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cấp chứng chỉ rừng FSC.
- Phối hợp với các tổ chức có liên quan có liên quan trong quá trình đánh giá, thực hiện việc cấp chứng chỉ rừng FSC đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.
- Chủ trì họp Nhóm và quyết định những vấn đề thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhóm; phối hợp với các cơ quan, ban ngành của tỉnh, xã để chỉ đạo thực hiện việc quản lý và liên kết quản lý cấp chứng chỉ rừng FSC cho các hộ trên địa bàn các xã.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch công tác của Nhóm, kế hoạch phối hợp, kiểm tra, giám sát. Và hướng dẫn thực hiện chương trình, chuẩn bị nội dung cho các kỳ họp, hội nghị.
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc các công việc của thành viên đại diện phụ trách cấp xã và các thành viên Nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Chủ trì các cuộc họp, các cuộc tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao kiến thức cho các trưởng thôn/thành viên đại diện diện và các hộ gia đình.
- Quản lý Quy trình mở rộng gia nhập Nhóm, thủ tục xin ra và khai trừ khỏi Nhóm, đại diện ký các quyết định kết nạp và khai trừ thành viên Nhóm.
- Quản lý Quy trình khiếu nại, tố cáo, xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị của các thành viên hộ gia đình trong Nhóm và ngoài nhóm có liên quan.
- Thực hiện việc lưu trữ các hồ sơ tài liệu của Nhóm hộ



- Liên hệ với các bên liên quan và tìm kiếm các đối tác thu mua gỗ có chứng chỉ FSC cho các chủ rừng.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi về hồ sơ thủ tục để người dân trồng, khai thác và bán gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện công tác theo dõi và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động của các nhóm cấp xã.
- Ủy quyền cho thành viên đại diện phụ trách cấp xã thực hiện các nhiệm vụ khi vắng mặt.

3. Quyền và trách nhiệm của thành viên đại diện (phụ trách xã, công ty LN)

Phụ trách xã được UBND xã cử làm đại diện cấp chính quyền/đơn vị và nằm trong Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng với chức danh Thành viên đại diện phụ trách cấp xã.

• Quyền của thành viên đại diện (phụ trách xã):

- Thảo luận cùng thành viên để điều tiết kế hoạch quản lý rừng cấp xã để đảm bảo tính ổn định và bền vững trong sản xuất kinh doanh rừng chứng chỉ. Ví dụ: điều chỉnh tỷ lệ khai thác rừng hàng năm trong xã để có diện tích khai thác bình quân phù hợp cho các năm.

• Trách nhiệm của thành viên đại diện (phụ trách xã):

- Chủ trì và điều phối các hoạt động chung của Nhóm, tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất khi được Trưởng Ban quản lý nhóm ủy quyền.
- Hỗ trợ các thành viên trong Ban quản lý nhóm để triển khai các hoạt động, tiếp nhận các đề xuất hoạt động, trình trưởng Ban quản lý nhóm quyết định để triển khai.
- Cập nhật danh sách thành viên, kế hoạch quản lý rừng cấp xã dựa trên kế hoạch quản lý rừng cấp thôn cùng các bên liên quan;
- Là đầu mối tham vấn các bên có liên quan về các kế hoạch hoạt động của Nhóm, phối hợp với các tổ chức có liên quan trong quá trình đánh giá, thực hiện cấp chứng chỉ rừng FSC đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Hỗ trợ Nhóm chuẩn bị đánh giá định kỳ và khắc phục các lỗi trong quá trình đánh giá.
- Hỗ trợ thành viên hộ gia đình liên kết với các thị trường đầu vào và thị trường đầu ra, kết nối với đơn vị thu mua gỗ để bao tiêu sản phẩm có chứng chỉ.
- Theo dõi, giải quyết các khiếu nại đối với thành viên nhóm thôn/xóm;
- Lưu trữ hồ sơ: Danh sách thành viên nhóm xã; kế hoạch quản lý rừng cấp xã; bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng cấp xã; lịch giám sát và kết quả các đợt giám sát; báo cáo đánh giá của tổ chức cấp chứng chỉ rừng; yêu cầu hành động khắc phục lỗi.

4. Quyền và trách nhiệm của các thành viên quản lý Nhóm

4.1. Thành viên phụ trách hồ sơ FSC



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng nhóm phân công.
- Thực hiện hướng dẫn kỹ thuật lâm nghiệp cho Nhóm về QLRBV theo các nguyên tắc FSC.
- Hỗ trợ công tác điều tra, rà soát hiện trạng rừng trồng trước khi gia nhập nhóm.
- Hỗ trợ lập kế hoạch quản lý rừng của Nhóm.
- Hỗ trợ Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 về công tác giám sát, chuẩn bị đánh giá và khắc phục lỗi.
- Hỗ trợ giám sát các thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) giám sát các lô rừng thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật và tuân thủ các nguyên tắc QLRBV FSC.
- Chủ trì liên hệ với các thành phần để tổ chức các cuộc họp có hiệu quả. Chuẩn bị tài liệu và thu thập biên bản các cuộc họp lưu trữ hồ sơ FSC.
- Hỗ trợ công tác theo dõi và báo cáo tài chính, kết quả hoạt động của Nhóm.
- Tổng hợp các tài liệu liên quan do các thành viên phụ trách địa bàn xã cung cấp.

4.2. Thành viên phụ trách kỹ thuật bản đồ, hiện trường

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến tài nguyên đất, và hỗ trợ điều tra các đánh giá tác động môi trường.
- Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính: Bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ các lô rừng FSC (bản đồ QLRBV).
- Hướng dẫn chủ rừng và thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) sử dụng bản đồ FSC và thực địa.
- Hằng năm cập nhật bổ sung các diễn biến rừng trên bản đồ như khai thác, trồng mới...
- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến bản đồ Nhóm.

4.3. Trưởng ban giám sát

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về QLRBV và chứng chỉ rừng FSC nâng cao nhận thức cho người dân. Vận động, hướng dẫn những hộ diện tích trồng rừng trên đất lâm nghiệp trên địa bàn viết đơn đăng ký tham gia CCR FSC.
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với các thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm), hộ gia đình thực hiện các nội dung quản lý, giám sát theo tiêu chuẩn QLRBV. Trực tiếp phúc kiểm việc giám sát các lô rừng của các thành viên hộ gia đình trong Nhóm do mình phụ trách và các hành động khắc phục lỗi nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn QLRBV FSC.
- Hàng năm tổ chức giám sát và kiểm tra giám sát các hoạt động trên lô rừng, các hoạt động bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ các loài động vật, thực vật, HCVPs nếu có



trong vùng... của chủ rừng và thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) và các hành động khắc phục lỗi.

- Lập và quản lý các kế hoạch cho lô rừng: khai thác, trồng mới, chăm sóc, tỉa thưa...trong Nhóm.
- Giám sát chuỗi hành trình sản phẩm COC
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng nhóm phân công.

4.4. Thành viên phụ trách tài chính văn phòng

Phụ trách các công việc liên quan đến tài chính và hoạt động của văn phòng.

5. Quyền và trách nhiệm của Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm, đại diện cho các thành viên trong thôn/xóm)

- Thành viên đại diện là các trưởng thôn/xóm đã được bầu bởi người dân và có sự chấp thuận Ban quản lý nhóm.

• Quyền của Trưởng nhóm cấp thôn/xóm:

- Điều phối các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp thôn/xóm;
- Giám sát/phối hợp giám sát và yêu cầu các hành động khắc phục lỗi khi phát hiện;

• Trách nhiệm Trưởng nhóm cấp thôn/xóm:

- Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung quản lý và cấp chứng chỉ rừng FSC cho các thành viên hộ gia đình thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhóm.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng nhằm nâng cao nhận thức cho người dân.
- Vận động, hướng dẫn các hộ trồng rừng sản xuất lập hồ sơ, viết đơn xin gia nhập nhóm, kiểm tra các điều kiện ban đầu trước khi cho thành viên gia nhập nhóm; hoàn thiện các biểu điều tra trong phạm vi phụ trách.
- Làm công tác truyền thông trong cộng đồng và giải thích các vấn đề thắc mắc cho thành viên nhóm về QLRBV - FSC;
- Là cầu nối tiếp nhận các thông tin về Kế hoạch quản lý rừng của Nhóm để áp dụng và yêu cầu các hộ gia đình thành viên phải tuân thủ.
- Ghi chép và báo cáo kết quả các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và giám sát quản lý rừng lên Phụ trách xã (thành viên đại diện) hàng tháng, hàng quý;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban quản lý nhóm về sự tuân thủ các hộ gia đình trong thôn.
- Tổng hợp chi phí - doanh thu - lợi nhuận của thành viên trong chu kỳ kinh doanh rừng;



- Cùng Trưởng nhóm xã, thành viên đàm phán giá bán gỗ với khách hàng và ký hợp đồng bán gỗ khi được thành viên ủy quyền;

* Lưu trữ hồ sơ: Các tài liệu hồ sơ liên quan đến thành viên và nhóm cấp thôn/xóm, bao gồm: Danh sách thành viên; kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp thôn/xóm theo năm; báo cáo kết quả các đợt giám sát trong năm; bản photo hồ sơ của thành viên nhóm (sổ đỏ, các chứng từ mua cây giống, phân bón,...).

6. Quyền và trách nhiệm của các thành viên nhóm chứng chỉ rừng (chủ rừng)

Tham gia nhóm chứng chỉ rừng là sự tự nguyện của các chủ rừng, để đảm bảo công tác tổ chức nhóm được ổn định và chặt chẽ, tất cả thành viên nhóm chứng chỉ rừng đều phải có trách nhiệm đối với sự tồn tại và phát triển của nhóm.

• Quyền của thành viên:

- Được Nhóm bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật. Người trồng rừng khi tham gia với tư cách thành viên Nhóm sẽ được Nhóm hỗ trợ năng lực cần thiết để đạt các tiêu chuẩn và tiêu chí quốc tế về quản lý rừng bền vững. Khi được công nhận là thành viên trong nhóm chứng chỉ rừng đạt tiêu chuẩn FSC, hộ thành viên có cơ hội tiếp cận với các thị trường gỗ và lâm sản có giá trị sản phẩm cao hơn so với gỗ thông thường.

- Được cung cấp các thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Nhóm; được tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và kinh doanh rừng bền vững; cập nhật thông tin thị trường, thông tin chính sách liên quan đến sản xuất tiêu thụ gỗ có chứng nhận FSC.

- Được lựa chọn mục tiêu kinh doanh rừng, tham gia đàm phán giá cả khi bán gỗ;

- Được hưởng lợi toàn bộ sản phẩm từ rừng, sau khi đã hoàn thành đóng góp các khoản phí theo thỏa thuận giữa thành viên với nhóm (nếu có);

- Được tham gia chia sẻ thông tin trong xây dựng kế hoạch giám sát, giám sát chéo các thành viên khác trong công tác quản lý rừng;

- Được bầu và bãi nhiệm Thành viên đại diện (Trưởng thôn).

• Trách nhiệm của thành viên:

- Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành quy định của Nhóm.

- Tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC và điều lệ thành viên nhóm;

- Cam kết các diện tích rừng của thành viên được đưa vào nhóm, sẽ không được đưa vào một chứng chỉ FSC nào khác;



- Đồng ý cho phép Quản lý nhóm, cơ quan cấp chứng chỉ FSC và ASI được thực hiện công việc kiểm tra và trách nhiệm của họ;
- Đồng ý rằng Quản lý nhóm sẽ thay mặt làm người liên hệ với cơ quan cấp chứng chỉ;
- Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Nhóm; đoàn kết, hợp tác với các thành viên khác để xây dựng Nhóm phát triển vững mạnh.
- Thực hiện đúng, đủ các hoạt động trong kế hoạch quản lý rừng theo lô;
- Lưu trữ hồ sơ: Sổ đỏ hoặc hợp đồng thuê đất lâm nghiệp; các chứng từ mua bán cây giống, phân bón, thuốc BVTV.

III. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM

3.1. Các quy định chung

- Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 phải xây dựng, thực hiện và cập nhật các quy định để quản lý nhóm bằng văn bản, bao gồm các yêu cầu của Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC, theo quy mô và sự phức tạp của nhóm:
- Quy định về điều kiện để trở thành thành viên của nhóm (Mục 3.2)
- Quy định về kết nạp các thành viên mới vào nhóm (QTQLN – 01, mục 1)
- Các quy định về khai trừ hoặc đình chỉ thành viên ra khỏi nhóm (QTQLN-02);
- Hệ thống giám sát, đánh giá của nhóm (QTQLN -04);
- Quy trình khắc phục lỗi không tuân thủ được phát hiện trong đánh giá nội bộ và đánh giá bởi tổ chức cấp chứng chỉ, bao gồm thời hạn khắc phục và hậu quả nếu lỗi không được khắc phục (QTQLN – 04, Mục 4.5);
- Quy trình giải quyết khiếu nại từ các bên liên quan đến các thành viên trong nhóm (QTQLN - 03);
- Hệ thống theo dõi và truy xuất các lâm sản có chứng chỉ FSC do thành viên nhóm khai thác và vận chuyển (CoC) (QTQLN – 07);
- Các quy định về sử dụng các nhãn hiệu FSC và mã số FSC.

3.2. Quy định và điều kiện tham gia Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Điều 1: Điều kiện tham gia nhóm

Để đảm bảo tính thống nhất khi kết nạp thành viên vào nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, tất cả chủ rừng có nhu cầu tham gia nhóm phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chủ rừng trồng phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
- Tự nguyện tham gia và có tinh thần đoàn kết, tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau;



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Tất cả các lô rừng đăng ký tham gia nhóm phải được kiểm tra điều kiện ban đầu và hoàn thành khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo yêu cầu của nhóm; quản lý nhóm các cấp;
- Khi có những mâu thuẫn, các thành viên cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp giải quyết mang tính xây dựng đối với những người có liên quan;
- Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp đầy đủ các khoản phí (nếu có) theo quy định của nhóm.

Điều 2: Kết nạp thành viên mới vào nhóm (*Xem QTQLN – 01: Mở rộng, kết nạp thành viên vào nhóm*)

Điều 3: Xin ra khỏi nhóm

- Những thành viên đã cam kết tham gia nhóm lâu dài nên chỉ có thể xin ra khỏi nhóm với những trường hợp ngoại lệ sau:
 - + Khi tham gia vào nhóm chứng chỉ khác hoặc làm chứng chỉ riêng;
 - + Khi rừng trồng thay đổi chủ sở hữu;
 - + Khi rừng trồng bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ diện tích.
- Thành viên xin ra khỏi nhóm phải thông báo và nêu lý do bằng văn bản cho Trưởng nhóm xóm/trạm và không được hoàn lại bất kỳ khoản đóng góp từ trước nếu có (trừ trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ rừng trồng).

Điều 4: Khai trừ thành viên ra khỏi nhóm

Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương bởi lý do:

- Không chấp hành Điều lệ nhóm;
- Không cho Quản lý nhóm, đại diện tổ chức cấp chứng chỉ hoặc tổ chức FSC vào rừng trồng để giám sát và đánh giá;
- Không khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo Nguyên tắc và tiêu chí FSC trong thời hạn được thỏa thuận;
- Các thành viên khiếu kiện sai, sử dụng sai tên hoặc biểu tượng FSC của nhóm;
- Làm thiệt hại đến quyền lợi chung của nhóm hoặc của một thành viên trong nhóm mà không bồi thường đầy đủ thiệt hại sẽ bị khai trừ và bị truy tố theo pháp luật;
- Không tham gia họp nhóm định kỳ và đóng góp các khoản phí hội viên hoặc những khoản khác mà đã thống nhất trong nhóm.
- Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm không được hoàn lại bất kỳ các khoản đóng góp.

IV. DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC

4.1. Điều kiện tiên quyết để chủ rừng xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng

- Có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc đất sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);



- Rừng trồng được thành lập trên đất trống hoặc không phải là rừng được chuyển đổi từ rừng tự nhiên trước năm 1994;
- Kế hoạch trồng rừng của chủ rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đất được các cơ quan chức năng phê duyệt;

4.2. Tuân thủ thực hiện đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC)

Cộng đồng địa phương được hướng dẫn, cung cấp thông tin về các quyền của mình trước khi tham gia nhóm, được thông báo về nội quy của nhóm và tự nguyện đăng ký tham gia, gắn kết. Khi đạt chứng chỉ rừng, chủ rừng (thành viên) có quyền thỏa thuận trước với người mua tại địa phương về giá trị lâm sản trước khi bán. Việc mua bán là hoàn toàn tự nguyện. Họ có toàn quyền quyết định mua, bán hoặc thực hiện các hoạt động quản lý trên các lô rừng mà họ đăng ký tham gia nhóm.

Cộng đồng địa phương, chủ rừng (thành viên nhóm) có quyền được thông báo và tham gia đóng góp ý kiến về các giá trị kinh tế, môi trường, xã hội, các nguồn tài nguyên mà họ xem xét trao quyền kiểm soát; được quyền từ chối hoặc điều chỉnh các hoạt động quản lý dự kiến ở mức cần thiết để bảo vệ quyền và tài nguyên của họ. Và các kế hoạch quản lý của Nhóm được công khai, các thành viên nhóm, cộng đồng địa phương dễ dàng tiếp cận.

*** Các định nghĩa trong FPIC**

- Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) có thể tổng quát là việc thừa nhận quyền tự quyết. FPIC đem đến quy trình cụ thể về văn hóa nhằm đảm bảo quyền của người dân địa phương. Quá trình FPIC dựa trên cơ sở thực tế rằng người dân địa phương có quyền thương thảo điều kiện đối với bất kỳ dự án nào có ảnh hưởng trực tiếp tới lối sống hay sinh kế của người dân, trong đó có cả quyền sử dụng đất và tài nguyên đất.
- “Tự nguyện” trong FPIC nghĩa là các quyết định được đưa ra trong quá trình FPIC không bị ép buộc. Một quyết định tự nguyện tùy thuộc vào sự lựa chọn của các cá nhân liên quan cũng như vào tình huống cụ thể họ cần ra quyết định.
- “Trước” trong FPIC đề cập đến một tình huống trong đó sự đồng thuận được tìm kiếm một cách đầy đủ trước khi phê duyệt dự án và trước khi các nguồn tài chính, trang thiết bị và nhân lực được phân bổ cho dự án đó. “Trước” cũng đề cập đến sự cần thiết phải xem xét thời gian cần cho việc tìm kiếm một thỏa thuận. Người dân địa phương cần có đủ thời gian để nghiên cứu, xử lý thông tin và trải qua quá trình ra quyết định đã được thống nhất. Điều quan trọng là cần cho người dân đủ thời gian để phân tích và tìm kiếm thêm thông tin. Việc thống nhất về thời gian cho quá trình ra quyết định cũng rất cần thiết.
- “Được thông tin đầy đủ” có nghĩa là người dân địa phương được cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng và đầy đủ bằng ngôn ngữ họ sử dụng. Những thông tin liên quan có thể bao gồm phạm vi, mục tiêu, thời gian, nguồn lực tài chính và con người của dự án,



diện tích đất bị ảnh hưởng và quá trình FPIC sẽ thực hiện. Trước khi đưa ra một quyết định, người dân địa phương cần phải hiểu được các tác động của dự án lên môi trường, kinh tế và xã hội, lợi ích và thách thức đối với các nhóm người khác nhau của cộng đồng. Tác động lên quyền sở hữu đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên và sinh kế, bao gồm biện pháp giảm thiểu/bồi thường, là những nhân tố quan trọng nhất cần cân nhắc trong quy trình chia sẻ thông tin. Ngoài ra, thông tin cung cấp cho người dân địa phương cần mang tính không thiên vị, có nghĩa là thông tin cần phải trung lập, rõ ràng và đầy đủ.

- Người dân địa phương có quyền chấp nhận hay từ chối một dự án được đề xuất. Theo quy trình ra quyết định mà người dân lựa chọn, họ có quyền tham gia vào các thỏa thuận cho phép triển khai dự án cũng như từ chối dự án ở bất kỳ giai đoạn nào. Nói cách khác, họ có thể chấp thuận hoặc từ chối đồng thuận.

4.3. Các điều bắt buộc đối với quản lý rừng:

- Ranh giới giữa đất rừng trồng sản xuất với đất lâm nghiệp sử dụng mục đích khác phải được thể hiện rõ trên hiện trường bằng các dấu mốc cây tự nhiên hoặc trụ bê tông. Và được khoanh vẽ trên bản đồ hiện trạng;
- Nguồn gốc của cây giống trồng rừng cần tài liệu hóa cho tất cả các lô rừng được trồng sau khi tham gia nhóm (cây giống trồng rừng phải có phiếu xuất vườn, hoặc hóa đơn/chứng từ mua cây giống để chứng minh nguồn gốc);
- Không sử dụng các chất hóa học và phân bón đã bị cấm bởi FSC và quy định của Việt Nam;
- Các hoạt động trồng, chăm sóc, tía thưa nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và khai thác rừng phải được xây dựng trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;
- Toàn bộ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã phải được lập từ việc tổng hợp kế hoạch kinh doanh rừng theo lô của các thành viên nhóm và được sự đồng ý Quản lý nhóm;
- Trong trường hợp đất bị xói mòn, các hoạt động phục hồi đất cần được chú trọng;
- Động, thực vật nguy cấp và có nguy cơ, không phân biệt là ở trong hay ngoài diện tích rừng quản lý, không được phép săn bắt và sưu tầm bởi các thành viên trong nhóm;
- Thu gom rác thải phải được thực hiện thường xuyên qui định bảo vệ môi trường của địa phương và của nhóm Chứng chỉ rừng;
- Việc đổ dầu, nhớt cần phải được ngăn chặn, đặc biệt nơi gần vùng nước. Theo đó, máy cưa và máy cắt cỏ phải được thay/đổ dầu bên ngoài vùng đệm;
- Một vùng đệm dọc theo hai bên dòng sông, suối có nguồn nước cố định hoặc suối cạn, không có nước thường xuyên và các vùng giáp ranh giữa rừng trồng của nhóm với rừng tự nhiên là môi trường sống của các loài bản địa thì phải được quản lý như sau:
- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;



- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;
- Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;
- Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.
- Đối với vùng đệm rừng trồng của nhóm giáp ranh với các khu vực rừng đặc dụng hoặc khu bảo tồn có giá trị đa dạng sinh học cao thì phải chừa lại ít nhất 100m, trong trường hợp giáp ranh với các khu vực có cây tự nhiên hoặc khu rừng có giá trị đa dạng thấp thì chừa lại ít nhất 5m.
- Độ rộng hành lang ven suối tại các khu vực có thể thay đổi tùy theo hiện trạng khu vực cũng như phù hợp với văn hoá, thực trạng canh tác tại địa phương, mà vẫn đảm bảo sự ổn định của dòng chảy sông, suối và độ đa dạng loài của khu vực này.

4.4. Công nhân (người lao động) và điều lệ an toàn lao động

- Sử dụng bảo hộ lao động là yêu cầu bắt buộc đối với người lao động cho tất cả các vị trí làm việc trong phạm vi Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.
- Phải đảm bảo đúng quy trình về an toàn trong lao động và sử dụng thiết bị an toàn lao động, đặc biệt trong trường hợp sử dụng cưa máy, người khai thác phải mặc bảo hộ lao động và mang theo đồ sơ cứu;
- Không sử dụng lao động đang bị quản thúc hay ở dạng khác của tổ chức bán lao động;
- Không sử dụng trẻ em dưới 15 tuổi trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng;
- Chủ rừng phải hướng dẫn cho người làm thuê những yêu cầu liên quan đến FSC;
- Nam, nữ phải có bình đẳng giới về việc làm và thu nhập.

4.5. Qui định về tài liệu và lưu trữ

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm của thành viên nhóm, trong danh mục kiểm tra chủ rừng cần tuân thủ yêu cầu về tài liệu và lưu trữ như sau:

- Tất cả hợp đồng bán gỗ, mua cây giống, phân bón cần phải được photo chuyển cho Trưởng nhóm lưu trữ;
- Trong trường hợp sử dụng thuốc BVTV cần được báo cáo cho Trưởng nhóm xóm/trạm cụ thể về tên thuốc, liều lượng và ngày được sử dụng;
- Các vụ tai nạn trong sản xuất lâm nghiệp cần được thông báo cho Trưởng nhóm xóm/trạm hoặc trực tiếp cho Ban quản lý nhóm;
- Các lô rừng có kế hoạch khai thác hoặc trồng mới đều phải báo cho thành viên đại diện ít nhất trước 1 tuần.
- Khai thác trắng liền kề lớn hơn 20 ha phải được thống nhất bằng văn bản với Quản lý nhóm (liên quan đến các điều luật bảo vệ môi trường).



V. CÁC ĐỊNH NGHĨA

5.1. Lỗi không tuân thủ lớn (Major car)

Lỗi không tuân thủ lớn có thể là lỗi riêng biệt hay kết hợp với các lỗi không tuân thủ thuộc các chỉ số khác mà nó dẫn đến kết quả một thất bại cơ bản để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC tại một (hoặc nhiều) đơn vị quản lý rừng trong phạm vi nhóm. Lỗi không tuân thủ lớn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

Không ban hành các tài liệu hướng dẫn hoặc không có hồ sơ chứng minh theo đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn FSC;

Có ban hành tài liệu hướng dẫn theo đúng quy định, nhưng thực tế hầu hết các chủ rừng không thực hiện theo (Tức văn bản này không có hiệu lực tại chủ rừng);

Vi phạm các yêu cầu luật định (Liên quan đến phạm vi chứng nhận);

Lỗi nhỏ không được khắc phục của lần đánh giá trước sẽ tự động nâng lên lỗi lớn.

5.2. Lỗi không tuân thủ nhỏ (Minor car)

Lỗi không tuân thủ nhỏ xảy ra trong các trường hợp sau:

- Là các điểm không thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hồ sơ nhưng mang tính không hệ thống, tính liên kết có thể bị phá vỡ và chỉ xảy ra tại một hoạt động hoặc một số nơi;

- Lỗi quan sát không có giải pháp ngăn ngừa sẽ tự động lên lỗi nhỏ.

5.3. Quan sát (Observer)

Là các điểm không vi phạm bất cứ yêu cầu nào như luật định, hệ thống tài liệu hoặc hồ sơ hoặc các yêu cầu khách hàng nhưng nó cần thiết cho hoạt động quản lý rừng được cải thiện tốt hơn nhằm gia tăng hiệu quả áp dụng hệ thống.

5.4. Đa dạng sinh học

Sự đa dạng của tất cả các loài sinh vật thuộc về các hệ sinh thái trên mặt đất, biển và các hệ sinh thái dưới nước khác và các tổ hợp sinh thái mà các sinh vật là một thành phần; bao gồm sự đa dạng về loài và hệ sinh thái (Công ước Đa dạng sinh học).

5.5. Rừng có giá trị bảo tồn cao

Rừng có giá trị bảo tồn cao là rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

- Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: Các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú);

- Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những biểu chuẩn tự nhiên;

- Rừng thuộc về những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp;



- Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: Phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn);
- Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ: Sinh kế, sức khỏe);
- Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó)/.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÓM

- QTQLN – 01: Mở rộng, kết nạp thành viên vào nhóm
- QTQLN – 02: Quy trình xin ra khỏi nhóm và khai trừ nhóm
- QTQLN - 03: Quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại
- QTQLN – 04: Quy trình giám sát, đánh giá nội bộ
- QTQLN – 05: Quy trình lập kế hoạch, cập nhật kế hoạch quản lý rừng
- QTQLN - 06: Tham vấn các bên liên quan
- QTQLN – 07: Quy trình kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm CoC
- QTQLN – 08: Quy trình quản lý nhà thầu
- QTQLN – 09: Quy trình sử dụng nhãn mác FSC
- QTQLN – 10: Quy trình kiểm soát, lưu trữ và cập nhật văn bản
- QTQLN – 11: Quy Trình quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động; bồi thường tai nạn lao động, nghề nghiệp

PHỤ LỤC B: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG

- QTQLR – 01: Quy trình xử lý thực bì và trồng rừng
- QTQLR – 02: Quy trình chăm sóc và bảo vệ rừng trồng
- QTQLR – 03: Quy trình phòng chống cháy rừng/quản lý lửa rừng
- QTQLR – 04: Quy trình quản lý và sử dụng phân bón
- QTQLR – 05: Quy trình quản lý sâu bệnh hại rừng trồng
- QTQLR – 06: Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thuốc bvtv an toàn hiệu quả
- QTQLR – 07: Quy trình điều tra tăng trưởng rừng
- QTQLR – 08: Quy trình khai thác gỗ rừng trồng
- QTQLR – 09: Quy trình yêu cầu về lán trại, chỗ ở và vệ sinh an toàn thực phẩm
- QTQLR – 10: Quy trình quản lý và xử lý rác thải
- QTQLR – 11: Đánh giá tác động môi trường, xã hội



- QTQLR – 12: Quy trình an toàn lao động trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp
- QTQLR – 13: Sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động
- QTQLR – 14: Quản lý hành lang ven sông suối
- QTQLR – 15: Quy trình bảo vệ lăng mộ
- QTQLR – 16: Quy trình kiểm soát loài sinh vật ngoại lai xâm hại
- QTQLR – 17: Quy trình sử dụng máy cắt cỏ
- QTQLR – 18: Quy trình xử lý các hoạt động trái phép hoặc bất hợp pháp trên lô rừng

PHỤ LỤC A: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÓM

QTQLN – 01: QUY TRÌNH MỞ RỘNG, KẾT NẠP THÀNH VIÊN VÀO NHÓM

Căn cứ vào nhu cầu của thị trường, với diện tích của Nhóm hiện tại là 7194.73 ha, 3314 hộ, Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 xác định quy mô mở rộng nhóm đến 2029 là 7.500 ha và ước tính khoảng 4.500 hộ gia đình trên địa bàn các xã còn lại của tỉnh Nghệ An.

1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới của từng xã đã có chứng chỉ

Ban quản lý nhóm sẽ xem xét/ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt các đơn xin gia nhập nhóm của các hộ dân trong các nhóm thôn/xóm đã tồn tại cho các lô rừng mới vào nhóm, tập trung mỗi năm một lần (Có thể thực hiện các trường hợp ngoại lệ, ví dụ cho một diện tích lớn). Cần tuân thủ quy trình sau đây:

- Các hộ dân nhận biểu đơn, điền thông tin và nộp đơn (**Biểu 1A**) đến Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm). Thành viên đại diện sẽ hỗ trợ người nộp đơn điền thông tin vào Phiếu thu thập thông tin diện tích rừng trồng của hộ gia đình và thực hiện một cuộc kiểm tra các điều kiện ban đầu gia nhập nhóm theo biểu (**Biểu 3**). Nếu trong quá trình kiểm tra, phát hiện các lỗi chưa tuân thủ theo Tiêu chuẩn QLRBV FSC thì người kiểm tra thông báo cho người nộp đơn biết các lỗi, giải thích các biện pháp khắc phục và thông nhất thời hạn để thực hiện các hành động khắc phục;
- Hàng năm, Ban QLN nhóm phúc kiểm 10% mẫu kiểm tra điều kiện ban đầu của tổng số các lô rừng nộp đơn xin gia nhập nhóm. Trong trường hợp lo ngại về chất lượng của việc kiểm tra điều kiện ban đầu, Ban QLN cần kiểm tra toàn bộ các lô rừng mới gia nhập và yêu cầu Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) phải cải thiện chất lượng. Trường hợp vẫn còn lo ngại về chất lượng, Ban QLN cần có các hành động phù hợp (ví dụ như tổ chức tập huấn nâng cao, hoặc thay Thành viên đại diện;
- Sau khi các chủ rừng hoàn thành hành động khắc phục lỗi và được Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) kiểm tra, Thành viên đại diện sẽ đưa vào danh sách thành viên và cập nhật các lô rừng đó vào kế hoạch quản lý rừng cấp xã. Kế hoạch này sẽ được gửi lên



quản lý cấp xã (các Thành viên đại diện phụ trách cấp xã) và Ban quản lý nhóm để nắm kế hoạch quản lý chung. Các thành viên mới này sẽ được tiếp tục hướng dẫn hoàn thành các công việc tiếp theo.

- Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) sẽ gửi một danh sách các hộ xin gia nhập cùng hiện trạng đánh giá các điều kiện ban đầu, kết quả hành động khắc phục đã được hoàn thành và đơn xin gia nhập bản chính của các hộ đăng ký tham gia cho Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã) và Ban quản lý Nhóm để xin phê duyệt;

- Trước khi có phê duyệt cuối cùng cho các thành viên mới, Ban quản lý nhóm cần thông báo cho tổ chức cấp chứng chỉ danh sách thành viên mới được cập nhật, bao gồm cả những thành viên mới kết nạp và bị khai trừ. Những thành viên mới cần phải được đánh giá và công nhận “đạt yêu cầu” từ tổ chức cấp chứng chỉ;

- Ban quản lý nhóm sẽ ký hoặc ủy quyền ký toàn bộ các biểu đơn gia nhập, lưu tại hồ sơ quản lý nhóm 1 bản và gửi lại Trưởng nhóm xã giữ một bản. Sau đó các chủ rừng xin gia nhập nhóm sẽ được Ban quản lý nhóm thông báo chính thức là thành viên nhóm;

- Ban quản lý nhóm cần cập nhật hàng năm toàn bộ danh sách nhóm bao gồm: Gia nhập mới và rời bỏ nhóm của các thành viên.

Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) cần phát các tài liệu liên quan đến QLRBV FSC và tổ chức tập huấn cho các thành viên mới.

2. Kết nạp xóm và xã mới

2.1. Xóm/ xã mới đã được đánh giá tiềm năng về cấp chứng chỉ rừng

- Nếu các xóm trong xã mới hoặc xã mới có nhu cầu tham gia Nhóm chứng chỉ đã được đánh giá tiềm năng thì Ban QLN cần có các hoạt động hỗ trợ về công tác tổ chức và hướng dẫn kỹ thuật QLRBV FSC thông qua các hoạt động theo Quy trình sau:

- Tổ chức Hội nghị Giới thiệu về Chứng chỉ rừng, triển khai kế hoạch cấp chứng chỉ rừng cho xã, thành phần bao gồm:

- + Lãnh đạo UBND xã, cán bộ nông lâm, kiểm lâm địa bàn;

- + Đại diện Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên,...

- + Các Trưởng thôn/xóm trưởng;

- + Toàn bộ các chủ rừng trong xã có nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ.

- Sau thời gian hội nghị, có thể 2 tuần hoặc 4 tuần xã sẽ tổng hợp đơn xin gia nhập nhóm chứng chỉ rừng của các chủ rừng. Ban QLN sẽ phối hợp cùng các Trưởng thôn/xóm, phụ trách xã (phụ trách xã) của xã mới tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về Công tác tổ chức quản lý nhóm và hướng dẫn kỹ thuật quản lý rừng.

- Các lớp tập huấn về Tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng, bao gồm:

- + Chứng chỉ rừng và Cơ cấu tổ chức nhóm;

- + Kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng chứng chỉ;



- + Điều tra rừng, đánh giá tác động môi trường và xã hội;
- + Phòng trừ sâu bệnh hại và phòng chống cháy rừng;
- + Khai thác tác động thấp và Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm;
- + Xây dựng kế hoạch quản lý rừng cấp xóm, cấp xã;
- + Giám sát, đánh giá nội bộ công tác quản lý nhóm và quản lý rừng.
- Hoàn thiện hồ sơ thành viên, hồ sơ nhóm cấp xóm, cấp xã
- Hồ sơ thành viên bao gồm: Sổ đỏ (hoặc lâm bạ, hợp đồng thuê đất); đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ (Biểu 1A); Phiếu thu thập thông tin diện tích rừng trồng của hộ gia đình, kiểm tra điều kiện ban đầu (Biểu 3); các chứng từ mua cây giống, phân bón, thuốc BVTN (nếu có);
- Hồ sơ cấp thôn/xóm bao gồm: Danh sách thành viên thôn/xóm; giám sát hàng năm (Biểu 8B); phiếu đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) nếu có, kế hoạch quản lý rừng cấp thôn; các năm tiếp theo sẽ cập nhật bổ sung các loại biểu biểu liên quan đến giám sát khai thác, vận chuyển phiếu CoC,...;
- Hồ sơ nhóm cấp xã bao gồm: Danh sách thành viên nhóm xã; báo cáo chuyên đề về đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng HCVF (nếu có); kế hoạch quản lý rừng cấp xã; bản đồ hiện trạng rừng chứng chỉ;
- Ngoài ra, thành viên đại diện (Trưởng thôn/xóm), Phụ trách xã (phụ trách xã) của xã mới phải lưu toàn bộ các tài liệu hướng dẫn quản lý nhóm, quản lý rừng và các tài liệu tập huấn kỹ thuật liên quan khác.

2.2. Đối với các xã chưa được đánh giá tiềm năng cấp chứng chỉ rừng

- Đánh giá tiềm năng cho cấp chứng chỉ rừng là hoạt động rà soát tất cả các lĩnh vực về tình hình kinh tế - xã hội - môi trường dựa trên Bộ tiêu chuẩn QLRBV FSC để lựa chọn. Từ kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng sẽ được lập kế hoạch sát với thực tế và hiệu quả.
- Sau khi có kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ sẽ được thực hiện tương tự như phần trên. Có thể dựa vào thực tế, các hoạt động được chi tiết hơn hoặc đơn giản hơn.



Biểu 1A. Đơn đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 202...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA

QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CCR FSC

Kính gửi: Ban Quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Tôi tên là:..... Sinh ngày:Dân tộc :

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD: Ngày cấp :

Số điện thoại:

Diện tích đăng ký tham gia CCR FSC:

Tôi tự nguyện đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC và cam kết như sau:

1. Tôi đã có sổ đỏ (hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương về quyền sử dụng đất) cho rừng trồng và cam kết quản lý rừng trồng của tôi lâu dài phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC.
2. Tôi đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC ít nhất một chu kỳ kinh doanh rừng trồng.
3. Tôi đồng ý để người thuộc Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, tổ chức chứng nhận FSC, ASI hoặc bất kỳ người nào quan tâm mà đã được BQL Nhóm CCR cho phép vào rừng trồng của tôi và tham khảo kế hoạch quản lý rừng bất kỳ lúc nào với mục đích giám sát và kiểm tra.
4. Tôi sẵn sàng trình bày tóm tắt kế hoạch quản lý và kết quả giám sát rừng của tôi cho bất kỳ người nào được đơn vị quản lý chứng chỉ cho phép.
5. Tôi đồng ý để Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 đại diện xin cấp chứng chỉ QLRBV FSC.
6. Tôi đã nắm vững và nhất trí tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số mà FSC quy định.
7. Tôi cam kết tham gia Nhóm chứng chỉ rừng FSC này và không đăng ký tham gia bất kỳ một nhóm chứng chỉ rừng FSC nào khác.

Trân trọng./.

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH												
Tổng số diện tích hiện có (ha)												
Diện tích đăng ký vào CCR/FSC (ha)												
TT	Tên lô rừng	Thửa đất	Tờ bản đồ	Khoản h	Tiểu khu	Loài cây	Diện tích (ha)	Năm trồng	Năm dự kiến khai thác	Tình trạng sổ đỏ 0=chưa, 1=có, 2=giấy khác.	Tên chủ sử dụng (chủ bìa đỏ)	Giáp khe suối 1=có, 0=không
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
Tổng												



Mẫu 3: KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU

1. Tên chủ rừng				
2. Địa chỉ				
3. Số sổ đỏ/Lâm bạ/QĐ...				
4. Điện thoại số				
5. Cán bộ kiểm tra/giám sát				
6. Nội dung kiểm tra				
STT	Nội dung chi tiết	Hiện trạng		Diễn giải/Bằng chứng
		Có	Không	
1	Tên người nộp đơn tham gia có cùng tên trong sổ đỏ hay trong giấy xác nhận của chính quyền địa phương về lô rừng xin tham gia đỏ không?			
2	Rừng trồng được thiết lập trên đất trống (Diện tích đất không phải thuộc rừng tự nhiên từ sau năm 1994)			
3	Kế hoạch trồng rừng có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất ở địa phương?			
4	Diện tích rừng trồng có phát sinh mâu thuẫn với các hộ dân xung quanh?			
5	Ranh giới giữa các lô rừng: Rõ ràng và dễ nhận biết?			
6	Cây giống trồng rừng có nguồn gốc rõ ràng (nơi bán/ngày mua)			
7	Có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật? Liều lượng từng loại?			
8	Có áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh? (Chăm sóc, tỉa thưa, tỉa cành...)			
9	Diện tích rừng trồng có liền kề với khe suối? Vùng đai xanh? Vùng đệm?			
10	Có sự tồn tại của rừng tự nhiên hoặc vùng sinh thái dễ tổn thương trong các lô rừng hoặc vùng lân cận hay không?			
11	Có phát hiện thấy sự xuất hiện của động vật, thực vật quý hiếm, nguy cấp cấm khai thác, săn bắt không?			
12	Hộ gia đình có sử dụng những lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức không?			



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

13	Có xảy ra tai nạn lao động? (Mức độ thế nào? Có tài liệu ghi chép nào không?)			
7. Hoạt động khắc phục (nếu có)				
TT	Những điểm cần khắc phục và Giải pháp		Ngày hoàn thiện	
Một số giải pháp đề xuất:				
Cán bộ kiểm soát (Ký và ghi rõ họ tên)		, ngày tháng năm 202... Chủ rừng (Ký và ghi rõ họ tên)		



Biểu 1B: THƯ THÔNG BÁO CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THƯ THÔNG BÁO
CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC**

Kính gửi: UBND xã.....

(Kèm theo danh sách thành viên)

Tôi rất vui mừng được thông báo với Quý Ông/ Bà rằng đơn xin tham gia Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 của Ông /Bà chính thức được chấp nhận là thành viên của Nhóm. Ông/ bà sẽ được hưởng các quyền lợi từ chứng chỉ rừng của Nhóm. Tôi xin lưu ý với ông/ bà rằng thực hiện đúng những cam kết trách nhiệm của một thành viên như đã nêu trong đơn. Ngoài ra, kính mong ông/ bà phối hợp cùng thực hiện các nội dung sau để duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ rừng ngày càng lớn mạnh:

1. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau;
2. Tham gia công tác quản lý, giám sát rừng và sinh hoạt nhóm theo đúng kế hoạch;
3. Sẵn sàng chia sẻ các thông tin liên quan đến quản lý rừng bền vững FSC cho các chủ rừng trong địa bàn thôn, xã nhằm mở rộng nhóm;

Trong quá trình hoạt động nhóm, mọi thắc mắc của ông/ bà liên quan đến chứng chỉ rừng FSC cần được giải đáp xin liên hệ với tôi.

Trân trọng!.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Ban quản lý Nhóm CCR Thanh Chương số 2

(Ký, ghi rõ họ tên)



QTQLN - 02: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM

1. Xin ra khỏi nhóm

Một thành viên có thể rời khỏi nhóm nếu người đó không còn nhu cầu tiếp tục tham gia nhóm. Thành viên này phải thông báo cho Thành viên đại diện (Trưởng thôn/xóm) bằng văn bản về quyết định xin ra khỏi nhóm và nêu rõ lý do cho việc đó (**Biểu 1C**). Thành viên đại diện chuyển thông tin này cho Trưởng cấp xã (phụ trách xã) và Ban Quản lý nhóm.

Ban quản lý nhóm phải trả lời bằng thư cho thành viên đó về ngày chấm dứt tư cách thành viên của họ. Thời gian không quá 1 tháng kể từ ngày nhận được đơn xin ra khỏi nhóm.

Khi thành viên đã thông báo cho Thành viên đại diện (Trưởng thôn/xóm) về ý định xin ra khỏi nhóm thì thành viên này không được tiếp thị sản phẩm đã được chứng chỉ hoặc có các đòi hỏi liên quan đến chứng chỉ. Ngày Ban quản lý nhóm thông báo cho thành viên ra khỏi nhóm thì Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã) đưa thành viên đó ra khỏi danh sách hội viên.

Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã) và Ban quản lý nhóm sẽ:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ;
- Cập nhật danh sách thành viên kể cả ngày rời khỏi nhóm;
- Gửi thông tin cập nhật đó cho Tổ chức cấp chứng chỉ và các thành viên còn lại trong nhóm cấp xóm (Quản lý nhóm sẽ thực hiện việc này);
- Đưa thành viên đó ra khỏi lịch giám sát.

2. Khai trừ khỏi nhóm

Một thành viên có thời gian 3 tháng để hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục lỗi lớn (đã được định nghĩa trong **Mục V: Các định nghĩa**) hoặc trong trường hợp đặc biệt được chấp nhận tới 6 tháng. Trong trường hợp khắc phục lỗi lớn được xác định trong khoảng thời gian ít hơn 3 tháng trước khi đánh giá FSC, Ban quản lý nhóm sẽ gửi văn bản đến Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã), Thành viên đại diện (trưởng thôn/xóm) để thông báo chi tiết về phương pháp và thời hạn khắc phục cần được hoàn thành. Nếu thành viên không thực hiện các hoạt động yêu cầu khắc phục trong thời hạn đã thỏa thuận trước thì một quy trình khai trừ đối với thành viên đó sẽ phải triển khai.

Thành viên đại diện phụ trách cấp xã sẽ gửi cho thành viên này thư khai trừ theo **biểu 1D** và nêu rõ lý do khai trừ và các thủ tục tiếp theo.

Khi thủ tục khai trừ bắt đầu triển khai thì thành viên này không được tiếp thị hoặc bán bất kỳ sản phẩm nào có chứng chỉ hoặc đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào về quản lý rừng trồng được cấp chứng chỉ.

Thành viên này có 30 ngày để phản đối quyết định khai trừ. Nếu Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã) không nhận được đơn kháng cáo trong vòng 30 ngày thì thành viên đó bị khai trừ. Nếu thành viên nộp đơn kháng cáo thì quy trình kháng cáo được thực hiện theo quy trình được trình bày trong Thủ tục khiếu nại và kháng cáo.



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Khi thành viên bị khai trừ thì Thành viên đại diện (Trưởng thôn/xóm) phải ghi vào hồ sơ hội viên rằng thành viên đó không còn trong nhóm và ghi ngày hiệu lực cho việc này

Thành viên đại diện phụ trách cấp xã và Ban quản lý nhóm phải:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ và;
- Cập nhật danh sách thành viên và đưa tên của thành viên đó khỏi danh sách các thành viên và bổ sung vào danh sách những thành viên bị khai trừ.



Biểu 1C. Đơn xin ra khỏi nhóm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN RA KHỎI NHÓM

Kính gửi: - Thành viên đại diện Thôn/xóm:
- Ban Quản lý Nhóm CCR Thanh Chương số 2

Tôi tên là:

Diện tích tham gia FSC ha; ký hiệu lô rừng , thuộc xóm
....., xã, tỉnh Nghệ An.

Tôi viết đơn này để xin ra khỏi Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Lý do:

Tôi mong Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 giải quyết theo nguyện vọng của cá nhân tôi.

Tôi chân thành cảm ơn và trân trọng.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 1D: THƯ THÔNG BÁO KHAI TRỪ NHÓM VIÊN

Kính gửi:

Thay mặt cho Ban Quản lý Nhóm CCR Thanh Chương số 2, sau khi cân nhắc kỹ, tôi rất tiếc phải thông báo rằng Ông/Bà đã bị khai trừ khỏi Nhóm hộ CCR FSC Thanh Chương 2. Việc khai trừ này là kết quả của việc không tuân thủ các quy định của nhóm, cụ thể:

<nêu lý do >

Việc khai trừ này có hiệu lực ngay lập tức và Ông/Bà không còn quyền lợi như là thành viên Nhóm chứng chỉ hoặc có rừng trồng được quản lý phù hợp với yêu cầu của Nhóm và Tiêu chuẩn FSC nữa.

Nếu Ông/Bà muốn kháng nghị quyết định này thì viết đơn khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo này. Đơn khiếu nại của Ông/Bà sẽ gửi trực tiếp cho Ban quản lý nhóm. Nếu mà Ông/Bà muốn có bản sao về thủ tục khiếu nại, Nhóm sẽ sẵn sàng cung cấp.

Nếu Ông/Bà có điều gì cần làm rõ, xin vui lòng liên hệ với Ban quản lý Nhóm.

Trân trọng.!

....., ngày.....tháng.....năm 2025

BQL Nhóm CCR Thanh Chương số 2

(Ký, ghi rõ họ tên)



QTQLN - 03: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI

I. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

1. Mục đích

Kịp thời tiếp nhận và xử lý các tranh chấp quyền sử dụng và lấn, chiếm rừng và đất rừng. Từ đó có các phản hồi, phương án giải quyết minh bạch, khách quan.

Hướng dẫn thực hiện các bước công việc, thủ tục cần thiết để giải quyết các vấn đề tranh chấp về quyền sử dụng đất trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích đơn vị được giao quản lý.

Quy trình được xây dựng dựa vào các quy định của Pháp luật Việt Nam, các tiêu chuẩn của FSC. Đảm bảo lợi ích của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 và các bên liên quan (người dân địa phương, các cơ quan, tổ chức khác...) về quyền sử dụng đất không bị xâm hại đúng theo quy định của Pháp luật.

Hướng dẫn đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo cán bộ các Phòng, Trạm, các đơn vị trực thuộc, hộ nhận khoán và người dân có thể đọc hiểu và khai thác sử dụng có hiệu quả.

2. Căn cứ

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ban hành ngày 19/11/2013.
- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;
- Luật bảo vệ môi trường của Nước CHXHCN Việt Nam số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2013/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư: 05/2021/TT-CP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố giác, đơn phản ánh;
- Căn cứ Tiêu chuẩn FSC-STD-VN.01-2018 The FSC National Forest Stewardship Standard of Vietnam.
- Tình hình quản lý sử dụng đất tại các xã có tham gia chứng chỉ FSC và tập quán canh tác của nhân dân trên địa bàn.

3. Giải thích từ ngữ



- Tranh chấp đất đai: Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong lĩnh vực sử dụng đất đai.

- Lấn đất: Là việc tổ chức hoặc cộng đồng dân cư đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

- Chiếm đất: Là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chủ sử dụng đất cho phép sử dụng hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất nhưng hết thời hạn tạm giao, mượn đất nhưng không trả lại đất.

4. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và lấn chiếm rừng và đất rừng:

a. Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

- Tổ chức và cộng đồng dân cư có đơn thư khiếu nại về quyền sử dụng đất hoặc quá trình kiểm tra, tác nghiệp của một hay nhiều bên phát hiện có việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai thì bên được coi là bị tranh chấp yêu cầu bên được coi là tranh chấp tạm ngừng mọi hoạt động trên diện tích đất tranh chấp.

- Ban quản lý Nhóm CCR phối hợp cùng với chính quyền địa phương và tổ chức hoặc cá nhân tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra ngoài thực địa những diện tích đất tranh chấp. Đồng thời yêu cầu tạm ngừng ngay mọi hoạt động nơi xảy ra tranh chấp nếu nhận thấy mức độ tương đối nghiêm trọng hoặc xảy ra trong thời gian tương đối lâu hoặc có liên quan đến lợi ích của nhiều bên cho đến khi giải quyết xong.

- Sau khi có biên bản kiểm tra, các bên liên quan (bao gồm chính quyền địa phương, đại diện nhóm chứng chỉ, các cá nhân liên quan) họp và giải quyết như sau:

+ Trường hợp thứ nhất: Một trong hai bên tranh chấp đồng thuận về trách nhiệm và sai phạm đã được xác minh: Bên sai phạm thỏa thuận bồi thường cho hộ gia đình bị sai phạm.

+ Trường hợp thứ hai: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì khởi kiện ra tòa án dân sự. Quyết định của tòa án là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp.

Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

b. Lấn, chiếm đất rừng:

1. Đối với tổ chức hoặc cá nhân không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi xảy ra vụ việc: Ban quản lý nhóm lập hồ sơ giải quyết tranh chấp theo mức độ.

- Mức độ vi phạm hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý theo Nghị định 91/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Nghị định 35/2019/NĐ-CP của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

- Mức độ hình sự: Theo quy định hiện hành của pháp luật.



2. Đối với cộng đồng dân cư địa phương sống ven rừng các thành viên nhóm Chứng chỉ rừng.

+ Ban quản lý nhóm yêu cầu ngừng ngay mọi hoạt động tại khu vực có xảy ra sự lấn chiếm nếu nhận thấy nếu nhận thấy mức độ tương đối nghiêm trọng hoặc xảy ra trong thời gian tương đối lâu hoặc có liên quan đến lợi ích của nhiều bên cho đến khi giải quyết xong.

+ Ban quản lý Nhóm chứng chỉ, chính quyền địa phương tiến hành điều tra xác minh và lập biên bản trên diện tích đất bị lấn chiếm.

+ Yêu cầu cá nhân, tổ chức làm cam kết không được mở rộng diện tích. Không tiếp tục ảnh hưởng đến tài nguyên rừng của thành viên nhóm chứng chỉ.

+ Ban quản lý Nhóm cùng mời chính quyền địa phương tổ chức đánh giá mức độ thiệt hại, ảnh hưởng kinh tế đến nhóm thành viên, triển khai giải quyết tranh chấp theo luật định. Tổ chức hòa giải giữa các hộ gia đình.

- Nhóm chứng chỉ rừng kết hợp với chính quyền địa phương, thôn/bản tuyên truyền vận động người dân không xâm phạm, lấn chiếm rừng rừng trái phép.

- Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

II. QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp 2013,

- Luật Khiếu nại 02/2011/QH13,

- Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn luật, là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2013/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Thông tư: 05/2021/TT-CP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố giác, đơn phản ánh;

- Căn cứ Tiêu chuẩn FSC-STD-VN.01-2018 The FSC National Forest Stewardship Standard of Vietnam.

2. Tổng quan chung:

* *Khiếu nại* là việc công dân đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* *Giải quyết khiếu nại* là việc thụ lý, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân được pháp luật quy định trong Hiến pháp, Luật khiếu nại, Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn luật, đó là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện



quyền và nghĩa vụ công dân của mình, đảm bảo thực thi tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Người dân có quyền khiếu nại về những vấn đề liên quan đến:

- Công tác giao đất: quy trình giao đất, quy trình - thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác quản lý đất đai,...
- Công tác giao và khoán rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao khoán,...
- Công tác quản lý và bảo vệ rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao quản lý bảo vệ,...
- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: đối tượng, mục đích, cách thức chi trả,...
- Công tác tăng cường luật pháp và quản lý lâm sản: tuân thủ lâm luật, quản lý tài nguyên rừng,
- Quyền lợi của người dân địa phương, cộng đồng (người dân tộc, bản địa) trong việc sử dụng rừng và khai thác lâm sản phục vụ cho nhu cầu của họ trong quá trình tham gia quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại các công ty lâm nghiệp,...
- Các hoạt động quản lý của thành viên nhóm (khai thác, vận chuyển, làm đường, trồng mới, chăm sóc...) có ảnh hưởng tiêu cực đến người dân địa phương hoặc cộng đồng (người dân tộc, bản địa) sinh sống trong hoặc gần khu vực rừng trồng của nhóm.
- Vấn đề bình đẳng giới trong tham gia thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững.

4. Phạm vi áp dụng

Tất cả các thành viên nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, các nhà thầu phụ liên quan.

5. Quy trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại

5.1. Trình tự

Ưu tiên giải quyết đơn thư khiếu nại thông qua gặp gỡ thương lượng, tự hòa giải trên tinh thần động viên khuyến khích các bên tự nguyện tuân theo các chuẩn mực đạo đức, phong tục tập quán địa phương hoặc tuân thủ theo những quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp hai bên không tự giải quyết được mâu thuẫn thì cần sự can thiệp của bên thứ ba để giải quyết theo trình tự tăng dần:

- + Ban hòa giải, chính quyền địa phương cấp thôn, xã
- + Tòa án cấp khu vực.
- + Nếu tòa án khu vực giải quyết chưa thỏa đáng thì một trong hai bên có thể kiện lên tòa án cấp cao hơn.
- + Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân thủ.
- + Cường chế theo phán quyết của tòa án là biện pháp cuối cùng.

5.2 Thời gian giải quyết

Kể từ thời gian tiếp nhận đơn thư khiếu nại, Ban quản lý quản lý nhóm sẽ xác minh và giải quyết vấn đề tranh chấp trong thời gian 15 ngày trong phạm vi chức năng quyền hạn của Nhóm.

5.3 Thực hiện



5.3.1 Tiếp nhận đơn khiếu nại

- Đơn thư khiếu nại được gửi thông qua các thành viên đại diện – là các xóm trưởng ở các xóm.
- Hoặc đơn được gửi qua dịch vụ bưu chính: địa chỉ Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương, địa chỉ văn phòng đại diện: xóm 6, xã Hoa Quân, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Hoặc gọi điện hoặc nhắn tin trực tiếp đến Zalo Trưởng nhóm giải quyết đơn thư khiếu nại, ông Lê Phùng Diệu - 0986 828 968.

Khi nhận được một khiếu nại của một thành viên nào đó trong Nhóm thì trưởng nhóm phải chịu trách nhiệm triệu tập cuộc họp các thành viên để thảo luận rồi chỉ đạo thực hiện trực tiếp giải quyết khiếu nại.

Các thông tin khiếu nại được ghi lại vào sổ theo dõi theo những nội dung sau:

- + Tên người khiếu nại
- + Tên người liên quan
- + Nội dung khiếu nại
- + Ngày nhận đơn
- + Người được giao nhiệm vụ xác minh

5.3.2. Quy trình giải quyết:

Bước 1: Khi nhận được đơn khiếu nại của hộ gia đình. Trưởng nhóm ra thông báo cho người khiếu nại và người bị khiếu nại biết về nhân sự được phân công điều tra và giải quyết vụ việc (trong thời hạn 2 ngày làm việc)

Về phân cấp giải quyết khiếu nại: Nếu thành viên hộ gia đình khiếu nại một thành viên hộ gia đình khác thì Trưởng xóm/đội hoặc chỉ định người trong BQL nhóm giải quyết. Nếu khiếu nại các thành viên BQL nhóm thì Trưởng nhóm giải quyết. Nếu khiếu nại cả Ban quản lý Nhóm thì Ban lãnh đạo Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương giải quyết (Giám đốc công ty phân công).

Bước 2: Người được phân công giải quyết sẽ gửi cho người khiếu nại một mẫu thư về khiếu nại. Chi tiết của việc khiếu nại sẽ được người được phân công giải quyết khiếu nại điền vào sổ đăng ký khiếu nại. Nội dung điền vào sổ như sau:

- Họ và tên cùng các chi tiết liên quan đến người hoặc tổ chức khiếu nại (người khiếu nại);
- Mô tả vấn đề bao gồm tên của thành viên, tên của lô rừng trồng và vấn đề khiếu nại, bất kỳ những chứng cứ khách quan nào đều phải được ghi rõ;
- Ngày nhận được khiếu nại;
- Tên người được giao việc điều tra khiếu nại.

Thành viên bị khiếu nại cũng phải được thông báo bằng văn bản với những chi tiết của việc khiếu nại và tên của người sẽ thực hiện đi điều tra. Thông thường cũng nên cho Nhóm viên bị khiếu nại biết tên người khiếu nại, trừ khi người khiếu nại yêu cầu giấu tên.

Bước 3: Người được giao điều tra khiếu nại thì phải bắt đầu điều tra ngay gồm 2 giai đoạn:

- Thứ nhất: Xác định những vấn đề khiếu nại có nằm trong Điều lệ nhóm không (như liên quan đến nhóm)



- Thứ hai: Thu thập các bằng chứng khách quan có thể ủng hộ khiếu nại hoặc bác đơn khiếu nại.

Quy trình này được thực hiện trong vòng 7 ngày sau khi nhận được đơn khiếu nại và có kết luận trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được khiếu nại trừ khi Nhóm có những ngoại lệ, trong trường hợp này thì phải thông báo cho người khiếu nại bằng văn bản.

Bước 4: Sau khi có Kết quả điều tra phải ghi vào tài liệu và thảo luận với những người có liên quan. Các bên liên quan có thể họp, cùng đại diện chính quyền địa phương, đưa ra các giải pháp để giải quyết khiếu nại.

- Các hành động của bên bị khiếu nại cần phải được giám sát để đảm bảo rằng các hành động đó đang được thực hiện đầy đủ và thích hợp để có thể giải quyết được vấn đề. Nếu nhận được ý kiến phản hồi từ người khiếu nại thì cần phải đưa vào để hỗ trợ cho quá trình giám sát.

- Cần phải điền các thông tin chi tiết về các hành động được tiến hành và ngày kết thúc vụ khiếu nại.

- Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với những hoạt động đã làm họ có thể kháng cáo lại theo quy định dưới đây.

- Trong trường hợp người khiếu nại và bên bị khiếu nại trong một thời gian 2 tháng không tìm được giải pháp chung thì việc này có thể đưa ra tòa án để giải quyết.

- Nếu tranh chấp, khiếu nại xảy ra ở mức nghiêm trọng, trong thời gian lâu và ảnh hưởng đến nhiều bên thì phải ngừng hoạt động đến khi giải quyết xong.

5.4. Giải quyết thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn từ phía cộng đồng:

5.4.1. Thu nhận ý kiến thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn:

Ban quản lý tiếp nhận tất cả những thắc mắc, khiếu nại bằng văn bản hoặc bằng lời. Tuy nhiên, cần khuyến khích các bên đưa ra những thắc mắc, khiếu nại ở dạng văn bản. Nếu người thắc mắc, khiếu nại không thể trình bày được ở dạng văn bản, người nhận ý kiến thắc mắc, khiếu nại (của Ban quản lý) phải ghi lại những thắc mắc, khiếu nại đó bằng văn bản và chuyển đến hội đồng xử lý đơn thư khiếu nại.

5.4.2. Xử lý đơn thư thắc mắc, khiếu nại và mâu thuẫn:

Cá nhân (hoặc nhóm) chịu trách nhiệm xử lý sẽ thông báo cho tổ chức, cá nhân có thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn. Và luôn dành cơ hội cho tổ chức, cá nhân nêu ra bối cảnh của thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn. Hoặc chính BQL nhóm trình bày các nguyên nhân, lập trường của mình về mâu thuẫn, thắc mắc, khiếu nại. Việc này có thể được thực hiện bằng lời trong gặp gỡ các bên hoặc bằng văn bản.

5.5. Giải quyết thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn từ phía nhóm CCR rừng:

Trường hợp thắc mắc, khiếu nại, mâu thuẫn do tài sản và quyền lợi của nhóm bị gây thiệt hại, quá trình xử lý cũng qua các bước:

- Cá nhân chịu trách nhiệm xử lý sẽ thông báo đến người gây thiệt hại về những hành vi gây hại và đề nghị họ điều chỉnh hành vi của mình trong một thời hạn nhất định tùy mức độ vi phạm.



- Nếu người vi phạm không điều chỉnh hành vi và tiếp tục gây thiệt hại cho nhóm thì 2 bên cùng sắp xếp gặp nhau và bàn bạc, giải quyết mâu thuẫn theo trình tự giải quyết mâu thuẫn như nêu trên.

5.6. Kháng cáo:

Kháng cáo nộp bởi:

- Người khiếu nại hoặc người bị khiếu nại khi không thỏa mãn với kết quả điều tra khiếu nại.
- Đơn kháng cáo phải được gửi trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo chính thức về kết quả của khiếu nại.
- Đơn cáo phải được xử lý tại cuộc họp của Ban quản lý với ít nhất là 3 thành viên tới dự. Cuộc họp này phải được chủ trì bởi Trưởng nhóm hoặc phó Ban quản lý.
- Cuộc họp về đơn kháng cáo phải được tổ chức trong vòng 30 ngày từ khi Trưởng nhóm nhận được kháng lại bằng văn bản.
- Nếu đơn cáo liên quan đến đơn khiếu nại thì người khiếu nại, người bị khiếu nại và những người chống lại khiếu nại có thể được yêu cầu giải trình các thông tin bằng văn bản hoặc tham gia vào cuộc họp để trả lời một số câu hỏi. Ban quản lý cũng yêu cầu có những bản sao văn bản hoặc những thư từ giao dịch từ bộ phận quản lý hồ sơ.
- Quyết định của Ban quản lý phải được ghi thành văn bản hoàn chỉnh như là phần của cuộc họp và được tất cả những người có mặt ký tên.

6. Lưu hồ sơ

Việc lưu hồ sơ được thực hiện bởi ban quản lý trong thời gian 05 năm, hoặc khi có văn bản thay thế, bổ sung.

QTQLN – 04: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT

Quy trình này quy định/hướng dẫn Nhóm thực hiện công tác giám sát và đánh giá hệ thống quản lý của Nhóm, bao gồm 03 hoạt động chính: GIÁM SÁT THƯỜNG XUYỀN; PHÂN TÍCH, BÁO CÁO, CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ.

Các yêu cầu thực hiện cho mỗi hoạt động theo quy trình như sau:

I. GIÁM SÁT THƯỜNG XUYỀN

1. Nội dung giám sát

Giám sát các hoạt động của Kế hoạch quản lý rừng; Các tác động và các thay đổi môi trường của hoạt động quản lý; Các tác động xã hội của hoạt động quản lý theo các quy định/quy trình của hệ thống quản rừng/quản lý nhóm đã ban hành.

2. Tần suất giám sát

Thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục với bất cứ khi nào có hoạt động/sự việc nào diễn ra trên lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ rừng FSC.

3. Đối tượng giám sát

- Các lô rừng có hoạt động trong năm (tính theo chu kỳ đánh giá chứng nhận của tổ chức đánh giá độc lập).



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Hàng năm, từ đầu năm BQL nhóm sẽ xác định và thông báo số lô rừng, diện tích của lô rừng hoạt động cần giám sát để phân công trách nhiệm giám sát trong năm (**Biểu 01, kèm theo danh sách lô, diện tích giám sát**).

- Lô hoạt động là các lô rừng diễn ra các hoạt động trong năm, bao gồm: Khai thác rừng, trồng rừng, chăm sóc.

- Các lô rừng không hoạt động (không có hoạt động diễn ra, chỉ có hoạt động theo dõi quản lý, bảo vệ với tần suất thấp) sẽ thực hiện kiểm tra, giám sát ít nhất 1 lần/năm thông qua các phương pháp: trao đổi thông tin, điện thoại, ảnh vệ tinh, các kết hợp khác....

4. Phương pháp giám sát

- Kiểm tra hiện trường, quan sát, ghi chép vào biểu giám sát đã thiết kế sẵn cho các nội dung giám sát.

- Thông qua thu nhận, trao đổi thông tin với các bên liên quan;

5. Người thực hiện giám sát

Tổ giám sát chuyên trách của BQL nhóm, thành viên đại diện và thành viên Nhóm sẽ thực hiện giám sát. (**Có quyết định giao nhiệm vụ bằng văn bản**)

6. Các bước thực hiện giám sát

Bước 1: Thành viên nhóm báo cáo cho thành viên đại diện về thời gian cụ thể của các hoạt động/sự việc sẽ diễn ra tại lô rừng FSC do mình sở hữu.

Bước 2: Sau khi có thông tin từ thành viên nhóm, thành viên đại diện sẽ báo cáo cho cán bộ giám sát chuyên trách của BQL Nhóm để thực hiện giám sát lô rừng đã báo cáo.

Bước 3: Tùy theo tính chất mức độ của các hoạt động/sự việc diễn ra trên lô rừng, tổ cán bộ giám sát chuyên trách của Nhóm sẽ quyết định/giao nhiệm vụ cho người thực hiện giám sát lô rừng.

Bước 4: Người được giao nhiệm vụ giám sát (có thể là cán bộ giám sát chuyên trách hoặc thành viên đại diện hoặc thành viên nhóm) thực hiện giám sát theo quy định.

7. Quy định lập biên bản kết quả giám sát và lưu trữ hồ sơ

Kết quả giám sát thường xuyên sẽ được ghi nhận và xử lý như sau:

- Đối với lô rừng hoạt động:

▪ Lập biên bản/phiếu giám sát và yêu cầu khắc phục đối với các lô rừng có phát hiện các điểm không phù hợp với các quy định của Nhóm trong quá trình giám sát, Hồ sơ giám sát được lưu trữ vào hồ sơ quản lý của Nhóm. (**Biểu 02 đến Biểu 07 đính kèm**).

▪ Đối với các lô rừng không có phát hiện bất thường/vi phạm quy định của Nhóm trong quá trình giám sát thường xuyên thì không yêu cầu lập biên bản/phiếu giám sát, chỉ ghi chú là đã thực hiện giám sát vào danh sách lô giám sát theo kế hoạch năm đã lập (**Biểu 08**).

- Đối với các lô rừng không hoạt động: Không cần thiết lập biên bản/phiếu giám sát trừ khi các lô rừng có xảy ra các trường hợp/sự vụ đột xuất như cháy rừng, sạt lở do thiên tai, bão đổ, sâu bệnh dịch hại...

8. Tổng hợp kết quả giám sát, khắc phục điểm không phù hợp

Định kỳ 6 tháng một lần, **tổ giám sát** sẽ tổng hợp các kết quả giám sát, các kết quả khắc phục điểm không phù hợp và hồ sơ giám sát các lô rừng của xã mình quản lý; báo cáo cho Trưởng ban giám sát và Ban quản lý nhóm để theo dõi, phân tích tính hiệu quả giám sát trong quá trình quản lý vận hành hệ thống. (**Biểu 09, biểu 10, biểu 11**).



II. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIÁM SÁT HÀNG NĂM

1. Phân tích, lập báo cáo kết quả giám sát hàng năm

- Trưởng ban quản lý nhóm sẽ thành lập/giao nhiệm vụ bằng văn bản cho **bộ phận kỹ thuật/hồ sơ FSC** của nhóm để thực hiện phân tích/lập báo cáo kết quả giám sát hàng năm.
- Để phục vụ viết báo cáo, phân tích kết quả giám sát hàng năm, **bộ phận kỹ thuật/hồ sơ FSC** có thể phúc tra các kết quả giám sát của Tổ giám sát nếu cần thiết, kết quả phúc tra được lập theo **Mẫu 12** đính kèm quy trình này.
- **Bộ phận kỹ thuật/hồ sơ FSC thực hiện** phân tích/lập báo cáo kết quả giám sát, hoàn thành Báo cáo giám sát hàng năm theo **Mẫu 13** quy định tại Quy trình này. Thực hiện công khai kết quả giám sát hàng năm theo quy định tại II.2 của Quy trình này.

2. Công khai kết quả giám sát

Báo cáo kết quả giám sát hàng năm được công khai cho:

- Thành viên Ban ban lý Nhóm chứng chỉ rừng FSC;
- Tất cả các thành viên đại diện, thành viên nhóm;
- Trên website của nhóm chứng chỉ rừng FSC
- Các bên quan tâm/liên quan khác và các bên có yêu cầu khác.

III. ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

1. Nội dung đánh giá

Đánh giá chất lượng hệ thống theo quản lý rừng theo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn QLR FSC Việt Nam FSC-STD-VN-01-2018 và tiêu chuẩn quản lý nhóm FSC-STD-30-005 V2.1

2. Tần suất đánh giá

Tối thiểu 1 lần/năm, thời điểm đánh giá do BQL nhóm quyết định.

3. Hình thức đánh giá

Nhóm tự tổ chức hoặc thuê chuyên gia/tổ chức độc lập bên ngoài để đánh giá nội bộ. Trường hợp nhóm tự tổ chức đánh giá nội bộ thì **Đoàn đánh giá nội bộ do BQL nhóm ra Quyết định thành lập, giao nhiệm vụ.**

4. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá tài liệu theo tiêu chuẩn FSC (Tiêu chuẩn QLR FSC Việt Nam FSC-STD-VN-01-2018 và tiêu chuẩn quản lý nhóm FSC-STD-30-005 V2.0).
- Kiểm tra hiện trường, bao gồm các khía cạnh:
 - + Các khu vực bảo vệ; khu khai thác; trồng rừng; chăm sóc rừng trồng; chỗ ở và sinh hoạt của người lao động; lưu vực sông suối; đường vận xuất, vận chuyển; sử dụng và bảo quản hóa chất, phân bón; các khu rừng có giá trị bảo tồn cao...
 - + Trao đổi, phỏng vấn các bên liên quan/ thành viên nhóm

5. Quy định chọn mẫu đánh giá nội bộ

- Đối với lô rừng có hoạt động (active)

$$X = 0,6 * \sqrt{y}$$

- Đối với các lô rừng không có hoạt động (inactive)



$$X = 0,1 \cdot \sqrt{y}$$

Trong đó: X = số lượng mẫu cần đánh giá, y = tổng số ĐVQLR

Lưu ý: Đoàn đánh giá sẽ quyết định số lượng mẫu đi giám sát, đặc biệt là đối với các trường hợp lô rừng có đặc điểm: giáp ranh rừng tự nhiên, lưu vực cung cấp nước, rừng có giá trị văn hóa...

6. Tiêu chuẩn đánh giá

- Tiêu chuẩn quản lý rừng: FSC-STD-VN-01-2018
- Tiêu chuẩn quản lý nhóm FSC-STD-30-005 V2.1

7. Xác định các điểm không phù hợp

a) Một điểm không phù hợp được xem là lớn nếu, xét riêng lẻ hoặc kết hợp với các điểm không phù hợp khác, nó dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến sự thất bại cơ bản trong việc đạt được mục tiêu của yêu cầu liên quan trong phạm vi đánh giá. Những thất bại cơ bản như vậy có thể được biểu hiện qua các điểm không phù hợp:

- Kéo dài trong một khoảng thời gian dài, hoặc
- Mang tính hệ thống, hoặc
- Ảnh hưởng đến phạm vi sản xuất rộng, hoặc
- Ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của hệ thống FSC, hoặc
- Không được khách hàng khắc phục hoặc xử lý đầy đủ sau khi đã được xác định.

b) Một điểm không phù hợp được xem là nhỏ nếu:

- Đó là sự thiếu sót tạm thời, hoặc
- Đó là tình huống bất thường/không mang tính hệ thống, hoặc
- Tác động của điểm không phù hợp bị giới hạn về thời gian và quy mô trong phạm vi tổ chức, và
- Nó không dẫn đến sự thất bại cơ bản trong việc đạt được mục tiêu của yêu cầu liên quan.

8. Báo cáo đánh giá

Kết quả đánh giá nội bộ sẽ được Đoàn đánh giá nội bộ xây dựng và hoàn thành sau 1 tuần kể từ ngày kết thúc đánh giá chính thức, mẫu báo cáo đánh giá nội bộ theo **Mẫu 14** kèm theo Quy trình này.

9. Khắc phục điểm không phù hợp

- Sau khi nhận được báo cáo chính thức của Đoàn đánh giá, BQL Nhóm tiến hành họp cán bộ chủ chốt của đơn vị để phổ biến, đồng thời xây dựng kế hoạch khắc phục những điểm không phù hợp lớn, nhỏ trong báo cáo đã xác định.

- Yêu cầu về thời gian khắc phục điểm không phù hợp:

+ Điểm không phù hợp lớn phải được chỉnh sửa trong thời hạn tối đa 3 tháng, bắt đầu từ ngày thực hiện đánh giá, khi lỗi bị phát hiện;

+ Điểm không phù hợp nhỏ phải được chỉnh sửa trong thời hạn tối đa 12 tháng.

- Bản kế hoạch khắc phục điểm không phù hợp phải đầy đủ chi tiết, bao gồm các mục: những việc làm cụ thể, thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện, kinh phí, vật tư cần thiết.

10. Giám sát khắc phục lỗi

Báo cáo kết quả khắc phục điểm không phù hợp kèm theo các bằng chứng, kết quả khắc phục được QBL nhóm chấp nhận/thông qua.



Biểu 01: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT NĂM 2025

NHÓM CCR HUYỆN THANH CHƯƠNG SỐ 2

Nội dung giám sát	THÁNG TRONG NĂM											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Giám sát các hoạt động của Kế hoạch quản lý rừng; Các tác động và các thay đổi môi trường của hoạt động quản lý; Các tác động xã hội của hoạt động quản lý.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Phân tích, báo cáo và công khai kết quả giám sát			x					x				
3. Đánh giá nội bộ								x				

Người phê duyệt

Ngày tháng năm

Người lập kế hoạch



BIỂU 02: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....

Loài cây: Diện tích: (ha):

Địa hình: Sự hiện diện HLVS, vùng đệm:

Hoạt động	Nội dung	Kết quả kiểm tra
Xử lý thực bì	Thời tiết	
	Hình thức xử lý thực bì	
Trồng rừng	Phương pháp cuộc hố	Thủ công ☐ Bằng máy ☐
	Mật độ trồng	cây/ha
	Nguồn gốc cây giống	
	Giống cây (Mô/hom/hạt)	
	Chất lượng cây giống	
	Có sử dụng phân bón không?	- Chủng loại: - Liều lượng: kg/hố
	Có trồng xen loài khác không?	
Nhân công lao động	Nguồn lao động (thuê/lao động gia đình/đội công)	
	Có lao động dưới 16 tuổi không?	
	Có sử dụng lao động cưỡng bức không?	
	Công nhân có sử dụng bảo hộ lao động phù hợp không?	
Tác động môi trường	Rò rỉ/tràn đổ dầu máy trên rừng không?	
	Các phương tiện cơ giới có gây nén đất hay gây sạt lở đường không?	
	Có tình trạng xói mòn đất hay không? Mức độ nhiều hay ít?	
	Có rác thải tại hiện trường không?	
	Thực bì, rác đổ vào suối không?	



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Tác động xã hội	Lô rừng trồng có đang tranh chấp/lấn chiếm/khiếu nại gì không?	
	Việc trồng rừng có tác động với giá trị văn hóa địa phương (ví dụ: đền thờ, lăng mộ) nào không?	
	Các quyền pháp lý/tập quán của người dân tộc thiểu số và/hoặc cộng đồng địa phương có bị ảnh hưởng không?	
	Có ảnh hưởng cộng đồng địa phương không (Ví dụ: do vận chuyển đi lại)?	
	Có tai nạn lao động nào xảy ra không?	
Các nội dung khác	Có thay đổi nào về quyền sử dụng đất, mua bán, chuyển đổi gần đây không?	
	Ranh giới lô rừng rõ ràng không?	
	Các loài cây ngoại lai có xâm lấn không?	

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát



Biểu 03: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC RỪNG

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu: Năm trồng:

Loài cây: Diện tích: (ha):

Địa hình: Sự hiện diện HLVS, vùng đệm:

Hoạt động	Nội dung	Có	Không	Mô tả
Thông tin về sự phát triển của lô rừng	Tình trạng sâu bệnh, dịch hại trên lô rừng?			
	Thiệt hại do thiên tai (bão, hạn hán, lũ lụt, sạt lở...)?			
	Tình trạng xói mòn, rửa trôi, thoái hóa đất?			
	Tình trạng thực bì có cạnh tranh với cây trồng chính?			
	Có sử dụng các loài sinh vật biến đổi gen không?			
	Các loài cây ngoại lai có xâm lấn?			
	Có chăn thả gia súc trong lô không?			
Hoạt động chăm sóc	Lần chăm sóc (lần....)			
	Phát chăm sóc: dùng dao hay máy cắt cỏ?			
	Xới, vun gốc?			
	Sử dụng phân bón?			- Chung loại: - Liều lượng:
	Có sử dụng thuốc BVTV?			
	Có tia cảnh, tia thưa không?			
Nhân công lao động	Số người tham gia:			Nam: người Nữ: người
	Có người dân tộc thiểu số tham gia không?			 người
	Có sử dụng lao động dưới 16 tuổi không?			
	Có sử dụng lao động cường bức không?			
	Bảo hộ lao động có phù hợp không?			



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

	Có tai nạn lao động xảy ra không?			
Tác động môi trường	Rác thải trên lô rừng không?			
	Chất lượng nguồn nước có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động chăm sóc?			
	Tác động đến đất (xói mòn, sạt lở)			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát



BIỂU 04: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ RỪNG

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:..... Năm trồng:

Loài cây: Diện tích: (ha):

Địa hình: Sự hiện diện HLVS, vùng đệm:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả (tốt/xấu... ghi cụ thể)
1	Lấn, chiếm đất đai (diện tích/mức độ)	
2	Cháy rừng (diện tích, mức độ)	
3	Khai thác trái phép (số lượng, diện tích)	
4	Săn bắt động vật trái phép	
5	Sâu, bệnh hại rừng (tỷ lệ cây bị bệnh/mô tả)	
6	Rừng bị gia súc phá hoại (tỷ lệ, mức độ)	
7	Các loại biến nội quy/biến bảo bảo vệ	
8	Dấu hiệu xói mòn đất (nhiều/ít)	
9	Vùng đệm khe suối bị tác động	
10	Có người vào rừng lấy lâm sản ngoài gỗ (Có/Không; Số lượng)	
11	Loài thực vật ngoại lai xâm hại?	

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát



BIỂU 05: BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRƯỜNG TRƯỚC KHAI THÁC

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:..... Diện tích: (ha)

Loại cây: Năm trồng:

Địa hình: Sự hiện diện HLVS, vùng đệm m:

SL ước tính (tân):

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Có	Không	Mô tả
Nguy cơ an toàn	Đường dây điện băng qua lô rừng không?			
	Đường giao thông công cộng sát rừng chuẩn bị khai thác không?			
	Lô rừng chuẩn bị khai thác có nằm sát khu vực nhiều người qua lại hoặc sát cộng đồng dân cư hay không?			
	Địa hình phức tạp, nguy hiểm không?			
Các yếu tố tự nhiên, bảo tồn	Có hiện tượng làm tổ/sinh sản của các loài động vật không?			
	Có sự hiện diện của các giống loài hiếm và bị đe dọa trong rừng không?			
	Có sự hiện diện của di tích, mộ phần, địa điểm có ý nghĩa lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng trong rừng không?			
Các nội dung khác	Cơ sở y tế gần nhất			
	Nguồn lao động khai thác từ đâu? Đã được tập huấn ATLĐ chưa?			
	Có xây dựng lán trại không?			
	Ranh giới lô rừng chuẩn bị khai thác có rõ ràng không?			
	Đã đánh dấu khu vực bảo vệ, hành lang bảo vệ không khai thác chưa?			



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

	Đường vận chuyển có sẵn hay mở mới?			
	Đường vận chuyển bằng cắt các nguồn nước/dòng nước không?			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát



Biểu 06: BIỂU GIÁM SÁT HIỆN TRƯỜNG KHAI THÁC (Trong khai thác)

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....

Diện tích: (ha)

Loài cây:

Năm trồng:

Địa hình:

Sự hiện diện HLVS, vùng đệm m:

Đường kính bình quân (cm):

Chiều cao bình quân (m)

SL ước tính (tấn):

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Có	Không	Mô tả
Nhân công lao động	Có thuê nhà thầu khai thác không?			
	Lao động là người địa phương hay từ nơi khác đến?			
	Có sử dụng lao động trẻ em không?			
	Có sử dụng lao động cưỡng bức không?			
	Có hợp đồng lao động không?			
	Số tiền công trả cho lao động có phù hợp và kịp thời không?			
An toàn vệ sinh lao động	Có sử dụng bảo hộ lao động phù hợp khi làm việc không?			
	Có hộp sơ cấp cứu tại hiện trường không?			
	Công nhân có được tập huấn về ATLĐ và sơ cấp cứu không?			
	Nhân công có thông tin về cơ sở y tế gần nhất/có phương tiện liên lạc và di chuyển không?			
	Vệ sinh lán trại/điều kiện dinh dưỡng /nguồn nước có đảm bảo không?			
	Biển cảnh báo an toàn (với các lô khai thác giáp đường lâm sinh hay nơi đông đúc)?			
	Có tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc không?			



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Các tác động môi trường	Có các biện pháp chiết rót/tiếp nạp nhiên liệu/dụng cụ chống tràn đổ tránh tác động đến môi trường không?			
	Có rác thải trên lô rừng không?			
	Có xói mòn/sạt lở không?			
	Chất lượng nguồn nước có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khai thác không?			
	Môi trường sống (tổ) của động vật có bị tàn phá không?			
	Cây bản địa có bị chặt hạ không?			
Tác động xã hội	Lô rừng có đang bị tranh chấp, khai thác trái phép không?			
	Cộng đồng địa phương có bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác không?			
	Các địa điểm có ý nghĩa lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh có bị ảnh hưởng không?			
Các nội dung kiểm tra khác	Có nguy cơ xảy ra cháy rừng không?			
	Có thêm rừng liên kề không tham gia nhóm đang khai thác đồng thời không?			
	Có gây thiệt hại nào nào cho diện tích liên kề đang khai thác đồng thời không?			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Đề xuất biện pháp khắc phục:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát



BIỂU 07: BIỂU GIÁM SÁT HIỆN TRƯỜNG SAU KHAI THÁC

Chủ rừng:	Ngày kiểm tra:
Thôn/đội:	Xã/Ban:

Thông tin chung:

Địa điểm: Lô....., khoảnh, tiểu khu:.....

Diện tích: (ha)

Loài cây:

Năm trồng:

Địa hình:

Sự hiện diện HLVS, vùng đệm m:

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Có	Không	Mô tả
Trong khu vực khai thác	Sản lượng khai thác được?			
	Gốc chặt để lại có phù hợp ko?			
	Thực bì/cành nhánh, ngọn có được gom lại theo dải sau khai thác?			
Trên đường vận xuất và vận chuyển	Hiện tượng sạt lở, xói mòn có xảy ra không?			
	Hoạt động khai thác có ảnh hưởng đến các lô rừng khác không?			
	Các nguồn nước có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động vận xuất, vận chuyển không?			
Môi trường	Đai xanh, vùng đệm, hành lang ven sông suối... và các sinh cảnh dễ bị tổn thương khác có được bảo vệ nguyên vẹn không?			
	Dòng sông, suối, khe... có bị tắc nghẽn dòng chảy, ô nhiễm hay không?			
	Có rác thải sau khai thác trên lô rừng không?			
	Có vệ sinh lán trại sau khi rời đi không?			
	Tình trạng xăng dầu, nhớt động cơ bị đổ lên mặt đất không?			

Lỗi không tuân thủ phát hiện:

.....

.....

Thời gian khắc phục:

Người giám sát



Biểu 08: BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ GIÁM SÁT
KHÔNG PHÁT HIỆN ĐIỂM CHƯA TUÂN THỦ
Xóm, xã, tỉnh Nghệ An

TT	Chủ rừng	Tên lô rừng	Năm trồng	Hoạt động giám sát	Người giám sát
----	----------	-------------	-----------	-----------------------	----------------



Biểu 09: BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ RỪNG, LỖI KHÔNG TUÂN THỦ

Xóm:, xã:.....

TT	Chủ rừng	Lô	Lỗi phát hiện	Hoạt động	Ngày giám sát	Ngày hoàn thành khắc phục lỗi
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						



Biểu 10:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

V/v: Khắc phục lỗi không tuân thủ theo kết quả giám sát hàng năm

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại

Chúng tôi gồm có:

Đại diện tổ giám sát (bên A)

Ông (bà) : Chức vụ:

Ông (bà) : Chức vụ:

Đại diện hộ thành viên gia đình (chủ rừng) (bên B)

Ông (bà):

Hai bên cùng thống nhất các nội dung sau:

Theo hồ sơ giám sát lô rừng, diện tích ha, ngày/...../20....., của chủ rừng....., cán bộ giám sát phát hiện lỗi không tuân thủ như sau:

.....
.....
.....

Và đã yêu cầu chủ rừng có hành động khắc phục lỗi:

.....

Thời hạn khắc phục :

Đại diện Tổ giám sát kiểm tra hoạt động khắc phục lỗi và ghi nhận

.....
.....

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Biểu 11: BIỂU TỔNG HỢP GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG KHẮC PHỤC

Xóm:, xã:

Cập nhật ngày:

TT	Chủ rừng	Địa điểm (tên lô)	Lỗi không tuân thủ	Hoạt động khắc phục	Thời gian hoàn thành so với yêu cầu	Kết luận của việc sửa lỗi/Đề xuất

Đánh giá chung:

Đề xuất:

Người tổng hợp



Biểu 12: BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÚC TRA GIÁM SÁT

Cán bộ giám sát:

TT	Chủ rừng	Tên lô	Nội dung kiểm tra	Kết quả giám sát của tổ giám sát/thành viên đại diện		Kết quả giám sát của cán bộ BQL Nhóm		
				Kết quả kiểm tra (lỗi không tuân thủ)	Yêu cầu khắc phục đối với chủ rừng	Kết quả kiểm tra	Yêu cầu hoạt động khắc phục đối với chủ rừng/xóm trưởng	Thời gian h thành
1								
2								
3								
4								
5								



Biểu 13: BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Quý .../202...

Phần 1: Thành phần tham gia phân tích, báo cáo kết quả giám sát gồm:

- 1.....
.....
- 2.....
.....
- 3.....
.....

Phần 2: Các nội dung phân tích, báo cáo kết quả giám sát

I. Kết quả đã thực hiện các hoạt động theo kế hoạch quản lý rừng

1. Khai thác
2. Trồng rừng
3. Chăm sóc
4. Hoạt động khác:

II. Kết quả thực hiện giám sát

1. Số lô, diện tích được giám sát
2. Các điểm chưa tuân thủ
3. Khắc phục các điểm chưa tuân thủ
4. Phân tích, đánh giá chung

III. Phân tích kết quả giám sát

1. Ưu điểm
2. Nhược điểm

IV. Đề xuất các giải pháp cải thiện hệ thống.

Phần 3: Thông qua báo cáo kết quả giám sát.



Mẫu 14: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHƯƠNG NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHƯƠNG 2

....., ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ NĂM 20..... NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHƯƠNG 2

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

II. HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức đánh giá

2. Phương pháp đánh giá:

- Kiểm tra, đánh giá tài liệu theo các tiêu chuẩn FSC
- Kiểm tra hiện trường, bao gồm các khía cạnh: Khu vực bảo vệ; tia thưa; khai thác; trồng rừng; chăm sóc rừng trồng; chỗ ở và sinh hoạt của người lao động; lưu vực sông suối; đường vận xuất, vận chuyển; sử dụng và bảo quản hóa chất, phân bón; các khu rừng có giá trị bảo tồn cao tiềm năng.
- Trao đổi, phỏng vấn đại diện thành viên nhóm, thành viên đại diện và các bên liên quan khác.

3. Thời gian đánh giá

III. PHẠM VI, ĐẶC ĐIỂM CỦA KHU VỰC ĐÁNH GIÁ

1. Cơ sở pháp lý tổ chức thực hiện

- a) Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương
- b) Văn bản của địa phương

2. Cơ cấu tổ chức của Nhóm chứng chỉ FSC

3. Diện tích rừng của nhóm chứng chỉ

5. Mục tiêu của Kế hoạch quản lý rừng

IV. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ MẪU KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

1. Tiêu chuẩn sử dụng

2. Phương pháp chọn và danh sách ô mẫu được chọn kiểm tra hiện trường

- Phương pháp chọn mẫu:

Đối với các lô đang có hoạt động (active management): $X = 0,6 \times \sqrt{y}$

Đối với các lô không có hoạt động (inactive management): $X = 0,1 \times \sqrt{y}$



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Trong đó: X: là số lô mẫu thực hiện đánh giá (*Số lô lấy mẫu (X) sẽ được làm tròn đến số nguyên lớn hơn.*)

y: là tổng số lô rừng của nhóm

Số lô hoạt động được kiểm tra tối thiểu:

Số lô không hoạt động được kiểm tra tối thiểu:

- Danh sách ô mẫu được

chọn:.....

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá theo nguyên tắc và tiêu chí FSC

1.1 Nguyên tắc và tiêu chí FSC Việt Nam:

Nguyên tắc #1: Tuân thủ pháp luật		Kết quả
1.1	Chủ rừng phải có tư cách pháp nhân, có hồ sơ đăng ký pháp lý rõ ràng, còn hiệu lực và được phê duyệt bằng văn bản bởi một cơ quan có thẩm quyền đối với các hoạt động quản lý rừng.	
1.2	Chủ rừng phải chứng minh rằng tình trạng pháp lý của Đơn vị quản lý, bao gồm các quyền quản lý và sử dụng đất, và có ranh giới được xác định rõ ràng.	
1.3	Chủ rừng phải có các quyền hợp pháp để hoạt động trong Đơn vị Quản lý, phù hợp với tình trạng pháp lý của Chủ rừng và của Đơn vị quản lý, và phải tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý theo các luật và quy định hiện hành của Nhà nước và chính quyền địa phương. Các quyền hợp pháp cho phép khai thác sản phẩm và/hoặc cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái từ Đơn vị Quản lý. Chủ rừng phải chi trả các loại thuế và phí theo luật định liên quan đến những quyền và nghĩa vụ đó.	
1.4	Chủ rừng phải xây dựng và thực hiện các biện pháp, và/hoặc phải phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, để bảo vệ Đơn vị Quản lý một cách hệ thống khỏi các hoạt động sử dụng tài nguyên, định cư trái pháp luật, và các hoạt động phi pháp khác.	
1.5	Chủ rừng phải tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành, các công ước quốc tế được phê chuẩn và quy phạm thực thi bắt buộc, liên quan đến việc vận chuyển và thương mại lâm sản cả ở trong và từ Đơn vị Quản lý, và/hoặc đến điểm bán hàng đầu tiên.	
1.6	Chủ rừng phải xác định, ngăn ngừa và giải quyết những tranh chấp liên quan đến các vấn đề về luật pháp hoặc luật tục, một cách kịp thời có thể giải quyết ngoài tòa án, với sự tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng.	
1.7	Chủ rừng phải công bố công khai một cam kết không đưa hoặc nhận hối lộ bằng tiền hoặc bất kỳ hình thức tham nhũng nào khác và phải tuân thủ pháp luật về phòng chống tham nhũng (nếu có). Trong trường hợp chưa có luật về phòng chống tham nhũng, Chủ rừng phải thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng tương xứng với quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý và rủi ro của tham nhũng.	
1.8	Chủ rừng phải chứng minh một cam kết dài hạn tuân thủ các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC trong Đơn vị quản lý và các Chính sách và Tiêu chuẩn FSC liên quan. Một bản tuyên bố cam kết này phải được công khai có sẵn,	



	có thể được tiếp cận tự do.	
Nguyên tắc #2: Các quyền của người lao động và điều kiện làm việc		
2.1	Chủ rừng phải đảm bảo các nguyên tắc và quyền tại nơi làm việc như đã được xác lập trong Tuyên bố ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) dựa trên 8 Công ước cốt lõi về lao động của ILO.	
2.2	Chủ rừng phải thúc đẩy bình đẳng giới trong hoạt động tuyển dụng, các cơ hội đào tạo, trao hợp đồng, các quá trình tham gia vào các hoạt động quản lý.	
2.3	Chủ rừng phải thực hiện các hoạt động về chăm sóc sức khỏe và an toàn nhằm bảo vệ người lao động khỏi các nguy hiểm đối với sức khỏe và an toàn của người lao động. Những hoạt động này phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, phải đáp ứng bằng hoặc vượt những khuyến nghị của Quy tắc thực hành ILO về An toàn và Sức khỏe trong lâm nghiệp.	
2.4	Chủ rừng phải chi trả tiền lương đáp ứng hoặc cao hơn mức lương/ hoặc thỏa thuận lương tối thiểu của ngành lâm nghiệp đã được công nhận, hay bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu theo quy định pháp luật. Nếu không có những quy định như vậy, Chủ rừng phải cùng với người lao động xây dựng những cơ chế để xác định mức tiền lương tối thiểu.	
2.5	Chủ rừng phải chứng minh rằng người lao động được đào tạo và giám sát theo công việc cụ thể để thực hiện một cách an toàn và hiệu quả Kế hoạch Quản lý và tất cả các hoạt động quản lý khác	
2.6	Chủ rừng thông qua sự tham gia của người lao động phải duy trì các cơ chế giải quyết khiếu nại và thực hiện bồi thường công bằng cho người lao động đối với những tổn thất hoặc thiệt hại về tài sản, bệnh hoặc thương tật nghề nghiệp	
Nguyên tắc #3: Các quyền của người bản địa		
3.1	Chủ rừng phải xác định người dân tộc đang sinh sống trong Đơn vị Quản lý hoặc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý. Sau đó, Chủ rừng thông qua sự tham gia của người dân tộc, phải xác định quyền của họ về quyền hưởng dụng, quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng và các dịch vụ hệ sinh thái, các quyền và nghĩa vụ truyền thống và hợp pháp của họ trong Đơn vị Quản lý. Chủ rừng cũng phải xác định những khu vực nơi mà các quyền này còn đang tranh cãi.	
3.2	Chủ rừng phải công nhận và duy trì các quyền hợp pháp và quyền truyền thống của người dân tộc để duy trì sự kiểm soát đối với các hoạt động quản lý bên trong hoặc liên quan đến Đơn vị Quản lý ở mức độ cần thiết nhằm bảo vệ các quyền, tài nguyên và vùng đất và vùng lãnh thổ của người dân tộc. Việc ủy quyền của người dân tộc cho một bên thứ ba trong việc kiểm soát các hoạt động quản lý đòi hỏi thông qua một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước	
3.3	Trong trường hợp ủy quyền kiểm soát đối với các hoạt động quản lý, một thỏa thuận ràng buộc giữa Chủ rừng và Người dân tộc phải được ký kết thông qua hình thức một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước. Thỏa thuận này phải xác định thời hạn, các quy định về đàm phán lại, gia hạn, chấm dứt, các điều kiện kinh tế và các điều khoản và điều kiện khác.	



	Thỏa thuận phải quy định việc giám sát của người dân dân tộc về sự tuân thủ của Chủ rừng với các điều khoản và điều kiện trong thỏa thuận.	
3.4	Chủ rừng phải công nhận và duy trì các quyền, phong tục và văn hóa của Người dân tộc được xác định trong Tuyên bố của LHQ về Quyền của Người bản địa (2007) và Công ước ILO 169 (1989)	
3.5	Chủ rừng thông qua sự tham gia của người dân tộc phải xác định các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc và nơi mà người dân tộc nắm giữ quyền hợp pháp hoặc quyền truyền thống. Những địa điểm này phải được Chủ rừng và các nhà quản lý công nhận, và/hoặc việc bảo vệ các điểm đó phải được nêu trong thỏa thuận thông qua sự tham gia của người dân tộc.	
3.6	Chủ rừng phải duy trì các quyền của người dân tộc để bảo vệ và sử dụng kiến thức truyền thống của họ, và phải chi trả cho cộng đồng địa phương khi sử dụng kiến thức và sở hữu trí tuệ của họ. Một thỏa thuận ràng buộc như được nêu trong Tiêu chí 3.3 phải được ký kết giữa Chủ rừng và người dân tộc cho phép sử dụng các kiến thức này thông qua hình thức một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước và phải phù hợp với việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ.	
Nguyên tắc #4: Quan hệ cộng đồng		
4.1	Chủ rừng phải xác định các cộng đồng địa phương sống bên trong Đơn vị Quản lý và những cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý. Chủ rừng sau đó, thông qua sự tham gia của những cộng đồng địa phương phải xác định các quyền của họ về quyền hưởng dụng, quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng, các dịch vụ hệ sinh thái, các quyền truyền thống và quyền và nghĩa vụ hợp pháp của cộng đồng địa phương trong Đơn vị quản lý.	
4.2	Chủ rừng phải công nhận và duy trì các quyền hợp pháp và quyền truyền thống của cộng đồng địa phương để duy trì sự kiểm soát đối với các hoạt động quản lý bên trong hoặc liên quan đến Đơn vị Quản lý ở mức độ cần thiết để bảo vệ các quyền, tài nguyên, vùng đất và vùng lãnh thổ của họ. Sự ủy quyền bởi cộng đồng địa phương cho các bên thứ ba về việc kiểm soát các hoạt động quản lý đòi hỏi thông qua một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước.	
4.3	Chủ rừng phải cung cấp những cơ hội hợp lý về tuyển dụng, đào tạo và các dịch vụ khác cho cộng đồng địa phương, các nhà thầu và các nhà cung cấp địa phương tương xứng với quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý của Chủ rừng.	
4.4	Chủ rừng phải thực hiện các hoạt động bổ sung thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, để đóng góp vào sự phát triển xã hội và kinh tế địa phương, tương xứng với quy mô, cường độ và tác động kinh tế - xã hội từ các hoạt động quản lý của Chủ rừng.	
4.5	Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, Chủ rừng phải có các hoạt động để xác định, tránh và giảm những tác động tiêu cực đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội từ các hoạt động quản lý đến các cộng đồng bị ảnh hưởng. Các hành động đưa ra phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động và các tác động tiêu cực.	



4.6	Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, Chủ rừng phải có các cơ chế giải quyết khiếu nại và cung cấp bồi thường công bằng cho cộng đồng địa phương và các cá nhân liên quan do những tác động tiêu cực bởi các hoạt động quản lý của Chủ rừng gây ra.	
4.7	Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương, Chủ rừng phải xác định các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hoặc tâm linh đối với cộng đồng địa phương có các quyền hợp pháp hoặc quyền truyền thống. Các địa điểm này phải được công nhận bởi Chủ rừng, và các hoạt động quản lý và/hoặc bảo vệ của chủ rừng phải được đồng ý thông qua hình thức thỏa thuận có sự tham gia của cộng đồng địa phương.	
4.8	Chủ rừng phải duy trì các quyền của cộng đồng địa phương để bảo vệ và sử dụng kiến thức truyền thống của họ và phải bồi thường cho cộng đồng địa phương khi sử dụng kiến thức và sở hữu trí tuệ của họ. Một thỏa thuận ràng buộc như được nêu trong Tiêu chí 3.3 phải được ký kết giữa Chủ rừng và cộng đồng địa phương về việc cho phép sử dụng các kiến thức này thông qua một Thỏa thuận tự nguyện, được thông tin trước, trước khi sử dụng và phải phù hợp với việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ.	
Nguyên tắc #5: Các lợi ích từ rừng		
5.1	Chủ rừng phải xác định, kiến tạo, hoặc nâng cao sức sản xuất tạo ra những lợi ích và/hoặc những sản phẩm đa dạng, dựa trên các tài nguyên và dịch vụ hệ sinh thái có trong Đơn vị Quản lý để tăng cường và đa dạng hóa kinh tế địa phương tương xứng với quy mô và cường độ của các hoạt động quản lý.	
5.2	Chủ rừng phải khai thác sản phẩm và dịch vụ từ đơn vị quản lý ở mức bằng hoặc thấp hơn mức bền vững để duy trì được sức sản xuất bền vững.	
5.3	Chủ rừng phải chứng tỏ rằng những ngoại ứng tích cực và tiêu cực được đưa vào trong Kế hoạch Quản lý.	
5.4	Chủ rừng phải sử dụng các cơ sở chế biến và dịch vụ địa phương sẵn có nếu đáp ứng các yêu cầu của Chủ rừng, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro. Nếu không sẵn có ở địa phương, Chủ rừng phải có nỗ lực hợp lý để giúp tạo ra những dịch vụ này.	
5.5	Chủ rừng phải chứng tỏ bằng việc lập kế hoạch và dự toán kinh phí tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro, và với cam kết ổn định kinh tế lâu dài.	
Nguyên tắc #6: Các giá trị và tác động môi trường		
6.1	Chủ rừng phải đánh giá các giá trị môi trường trong Đơn vị Quản lý và những giá trị bên ngoài Đơn vị Quản lý có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý. Đánh giá này phải được thực hiện với một quy mô, tần suất và mức độ chi tiết, tương ứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, đủ để ra quyết định về các biện pháp bảo tồn cần thiết, để phát hiện và theo dõi giám sát những tác động tiêu cực có thể có của những hoạt động này.	
6.2	Trước khi bắt đầu các hoạt động có thể gây tác động tại hiện trường, Chủ rừng phải xác định và đánh giá quy mô, cường độ và rủi ro của các tác động từ các hoạt động quản lý đến các giá trị môi trường đã được xác định.	



6.3	Chủ rừng phải xác định và thực hiện các hành động hữu hiệu để ngăn ngừa các tác động tiêu cực của hoạt động quản lý đến các giá trị môi trường và thực hiện giảm thiểu và sửa chữa những tác động tiêu cực đã xảy ra, tương xứng quy mô, cường độ và rủi ro của những tác động này .	
6.4	Chủ rừng phải bảo vệ các loài quý hiếm, các loài bị đe dọa và môi trường sống của chúng trong Đơn vị Quản lý thông qua những vùng bảo tồn, khu bảo vệ, hành lang kết nối và/hoặc (khi cần) có các biện pháp trực tiếp đảm bảo cho sự tồn tại và khả năng sinh tồn của chúng. Những biện pháp này phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và phù hợp với tình trạng bảo tồn và các yêu cầu sinh thái của các loài quý hiếm và bị đe dọa. Chủ rừng phải tính đến phạm vi địa lý và các yêu cầu sinh thái của các loài quý hiếm và bị đe dọa bên ngoài ranh giới của Đơn vị Quản lý khi xác định các biện pháp tiến hành bên trong Đơn vị Quản lý.	
6.5	Chủ rừng phải xác định và bảo vệ các khu vực mẫu đại diện của các hệ sinh thái bản địa và/hoặc khôi phục chúng trở thành điều kiện gần tự nhiên hơn. Nơi không tồn tại khu vực mẫu đại diện, Chủ rừng phải khôi phục một phần trong Đơn vị Quản lý hướng tới các điều kiện tự nhiên hơn. Kích thước của các khu vực này và các biện pháp đưa ra để bảo vệ và khôi phục phải tương xứng với tình trạng bảo tồn và giá trị của hệ sinh thái ở cấp cảnh quan, và phù hợp quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý.	
6.6	Chủ rừng phải duy trì một cách hiệu quả sự tồn tại liên tục của các loài và các kiểu gen bản địa xuất hiện tự nhiên và ngăn ngừa việc mất đa dạng sinh học, đặc biệt thông qua quản lý sinh cảnh trong Đơn vị Quản lý. Chủ rừng phải chứng tỏ rằng có các biện pháp hữu hiệu để quản lý và kiểm soát săn bắn, câu cá, đặt bẫy và thu hái.	
6.7	Chủ rừng phải bảo vệ hoặc khôi phục các dòng chảy, mặt nước, các khu vực ven sông suối và vùng kết nối của chúng. Chủ rừng phải tránh các tác động tiêu cực đến chất lượng và sản lượng nước, giảm thiểu và khắc phục nếu chúng xảy ra.	
6.8	Chủ rừng phải quản lý cảnh quan trong Đơn vị quản lý để duy trì và/hoặc khôi phục sự đa dạng phân bố của các loài, kích thước, độ tuổi, quy mô không gian và chu kỳ tái sinh thích hợp với các giá trị cảnh quan trong khu vực đó, và để cải thiện khả năng phục hồi về kinh tế và môi trường.	
6.9	Chủ rừng không được chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng, hoặc rừng tự nhiên hay rừng trồng ở nơi trước đây là rừng tự nhiên sang các mục đích sử dụng đất không có rừng khác, trừ trường hợp: a) Ảnh hưởng lên một tỷ lệ diện tích rất nhỏ của Đơn vị quản lý; b) Tạo ra các lợi ích bảo tồn rõ ràng, to lớn, bổ sung, được đảm bảo lâu dài trong Đơn vị quản lý; và c) Không làm thiệt hại hay đe dọa các giá trị bảo tồn cao hay bất kỳ khu vực hoặc nguồn tài nguyên cần thiết để duy trì hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đó.	



6.10	Các đơn vị quản lý có rừng trồng được thiết lập trên diện tích chuyển đổi từ rừng tự nhiên sau tháng 11 năm 1994 sẽ không đủ tiêu chuẩn để được cấp chứng chỉ, ngoại trừ trường hợp: a) Cung cấp bằng chứng rõ ràng và đầy đủ rằng Chủ rừng không chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc chuyển đổi đó; hoặc b) Việc chuyển đổi chỉ ảnh hưởng tới một tỷ lệ rất nhỏ về diện tích của Đơn vị Quản lý và đang tạo ra các lợi ích bảo tồn rõ ràng, đáng kể, bổ sung, an toàn, lâu dài trong Đơn vị Quản lý.	
Nguyên tắc #7: Lập kế hoạch quản lý		
7.1	Chủ rừng phải đặt ra các chính sách (bao gồm tầm nhìn và giá trị) và các mục tiêu quản lý, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và thân thiện môi trường, lợi ích xã hội và ổn định kinh tế. Một bản tóm tắt về các chính sách và các mục tiêu này của chủ rừng phải được đính kèm vào Kế hoạch Quản lý và công bố công khai.	
7.2	Chủ rừng phải có và thực hiện một Kế hoạch Quản lý cho Đơn vị Quản lý, kế hoạch quản lý nhất quán hoàn toàn với các chính sách và mục tiêu như được đặt ra tuân thủ Tiêu chí 7.1. Kế hoạch Quản lý phải mô tả các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có trong Đơn vị Quản lý và cách thức mà kế hoạch đáp ứng được các yêu cầu cấp chứng chỉ FSC. Kế hoạch Quản lý phải bao gồm lập kế hoạch quản lý rừng và lập kế hoạch quản lý xã hội, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động theo kế hoạch.	
7.3	Kế hoạch Quản lý phải bao gồm các mục tiêu có thể kiểm chứng để có thể đánh giá được việc thực hiện đối với từng mục tiêu quản lý.	
7.4	Chủ rừng phải cập nhật và điều chỉnh định kỳ Kế hoạch Quản lý và các tài liệu quy trình thủ tục dựa trên những kết quả từ giám sát và đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan hoặc thông tin khoa học và kỹ thuật mới, cũng như để phù hợp với các thay đổi của hoàn cảnh kinh tế, xã hội và môi trường.	
7.5	Chủ rừng phải làm một bản tóm tắt của Kế hoạch Quản lý có sẵn công khai miễn phí. Ngoại trừ các loại thông tin bảo mật, các yếu tố khác liên quan của Kế hoạch Quản lý phải có sẵn để cung cấp cho các bên liên quan bị ảnh hưởng theo yêu cầu, và chỉ với mức phí sao in ấn và vận chuyển.	
7.6	Chủ rừng phải căn cứ vào quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, chủ động khuyến khích các bên liên quan bị ảnh hưởng tham gia vào Lập Kế hoạch Quản lý và các quá trình giám sát, và phải khuyến khích các bên liên quan có quan tâm tham gia khi có yêu cầu.	
Nguyên tắc #8: Giám sát và Đánh giá		
8.1	Chủ rừng phải giám sát việc thực hiện Kế hoạch Quản lý của mình, bao gồm các chính sách và mục tiêu quản lý, tiến độ của các hoạt động theo kế hoạch, và kết quả đạt được theo các mục tiêu có thể kiểm chứng.	
8.2	Chủ rừng phải giám sát và đánh giá tác động môi trường và xã hội của các hoạt động được thực hiện trong các Đơn vị quản lý và những thay đổi về môi trường.	
8.3	Chủ rừng phải phân tích các kết quả giám sát đánh giá và cập nhật định kỳ các kết quả này vào việc sửa đổi kế hoạch quản lý.	



8.4	Chủ rừng phải công bố công khai một bảng tóm tắt kết quả giám sát, miễn phí, ngoại trừ các thông tin mật.	
8.5	Chủ rừng phải có và thực hiện một hệ thống theo dõi và truy xuất tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý, để chứng tỏ rằng nguồn gốc và khối lượng tỷ lệ tương ứng với sản lượng đầu ra dự kiến cho từng năm, đối với tất cả các sản phẩm có chứng chỉ FSC khai thác từ Đơn vị quản lý được đưa ra thị trường.	
Nguyên tắc #9: Các giá trị bảo tồn cao		
9.1	Chủ rừng thông qua sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng, các bên liên quan có quan tâm và các phương tiện và nguồn thông tin khác, phải đánh giá và báo cáo về sự xuất hiện và tình trạng của các giá trị bảo tồn cao có trong Đơn vị Quản lý, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các tác động của hoạt động quản lý và sự xuất hiện của Các giá trị bảo tồn cao: HCV 1 - Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu. HCV 2 - Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên. HCV 3 - Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp. HCV 4 - Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương. HCV 5 - Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc. HCV 6 - Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.	
9.2	Chủ rừng phải phát triển các chiến lược hữu hiệu để duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đã phát hiện thông qua sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng, các bên liên quan có quan tâm, và các chuyên gia.	
9.3	Chủ rừng phải thực hiện các chiến lược và hoạt động duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đã được xác định. Các chiến lược và hoạt động này phải thực hiện tiếp cận phòng ngừa và tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý.	



9.4	Chủ rừng phải chứng minh rằng thực hiện việc theo dõi định kì để đánh giá những thay đổi về tình trạng của các giá trị bảo tồn cao, và phải điều chỉnh thích ứng chiến lược quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ hiệu quả các giá trị đó. Việc giám sát phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và phải có sự tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng và các bên liên quan có quan tâm và các chuyên gia.	
Nguyên tắc #10: Thực hiện các hoạt động quản lý		
10.1	Sau khi khai thác hoặc thực hiện hoạt động theo Kế hoạch Quản lý, Chủ rừng phải nhanh chóng phục hồi độ che phủ thảm thực vật như trạng thái trước khi khai thác hoặc gần với tự nhiên hơn bằng phương pháp tái sinh tự nhiên hoặc tái sinh nhân tạo.	
10.2	Chủ rừng phải sử dụng các loài để tái sinh phù hợp với điều kiện lập địa và với các mục tiêu quản lý. Chủ rừng phải sử dụng các loài và các kiểu gen bản địa để tái sinh, nếu sử dụng các loài khác phải có biện minh rõ ràng và thuyết phục cho việc sử dụng.	
10.3	Chủ rừng chỉ được sử dụng các loài ngoại lai khi có kiến thức và/hoặc kinh nghiệm cho thấy có các biện pháp có thể kiểm soát và loại trừ hữu hiệu được các tác động xâm hại.	
10.4	Chủ rừng không được sử dụng các sinh vật biến đổi gen trong Đơn vị Quản lý.	
10.5	Chủ rừng phải sử dụng các biện pháp lâm sinh phù hợp về mặt sinh thái, phù hợp với đặc điểm của thảm thực vật, loài, điều kiện lập địa và các mục tiêu quản lý.	
10.6	Chủ rừng phải tránh hoặc giảm thiểu việc sử dụng phân hóa học. Chủ rừng phải chứng minh việc sử dụng phân hóa học mang lại lợi ích kinh tế và môi trường hơn so với việc áp dụng các phương thức lâm sinh không yêu cầu sử dụng phân hóa học. Nếu sử dụng phân hóa học phải ngăn ngừa, giảm thiểu và/ hoặc sửa chữa thiệt hại đối với các giá trị môi trường và đất.	
10.7	Chủ rừng phải sử dụng các hệ thống quản lý dịch hại tổng hợp và các phương pháp lâm sinh để tránh hoặc nhằm loại trừ việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học. Chủ rừng không được sử dụng bất kỳ thuốc trừ sâu hóa học nào bị cấm theo quy định của FSC. Khi sử dụng thuốc trừ sâu, Chủ rừng phải ngăn ngừa, giảm thiểu và/ hoặc sửa chữa thiệt hại tới các giá trị môi trường và sức khỏe của con người.	
10.8	Chủ rừng phải giảm thiểu, giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt việc sử dụng các tác nhân kiểm soát sinh học tuân thủ các nghị định thư được khoa học công nhận. Khi sử dụng các tác nhân kiểm soát sinh học, Chủ rừng phải ngăn ngừa, giảm thiểu, và/hoặc sửa chữa thiệt hại tới các giá trị môi trường.	
10.9	Chủ rừng phải đánh giá các rủi ro và thực hiện các hoạt động làm giảm các tác động tiêu cực tiềm năng từ các thiên tai tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro.	
10.10	Chủ rừng phải quản lý việc phát triển cơ sở hạ tầng, các hoạt động giao thông vận tải và lâm sinh để bảo vệ tài nguyên nước và đất, và các ảnh hưởng/ nhiễu loạn và thiệt hại đối với các loài quý hiếm và bị đe dọa, sinh	



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

	cảnh, các hệ sinh thái, và các giá trị cảnh quan được ngăn ngừa, giảm nhẹ và/hoặc khắc phục.	
10.11	Chủ rừng phải quản lý các hoạt động gần với khai thác và vận xuất gỗ và các lâm sản ngoài gỗ so cho không tổn hại đến các giá trị môi trường, giảm tỷ lệ tổn thất gỗ, và tránh những thiệt hại tới các sản phẩm và dịch vụ khác.	
10.12	Chủ rừng phải xử lý chất thải một cách thích hợp với môi trường.	

1.2 Tiêu chuẩn quản lý nhóm: FSC-STD-30-005 V2.1: Tuân thủ or Không tuân thủ

2. Mô tả các điểm không tuân thủ và yêu cầu khắc phục

Điểm không tuân thủ lớn/nhỏ01	
Tên/mô tả	
Tiêu chuẩn	
Chỉ số	
Tiêu chuẩn yêu cầu	
Mô tả lỗi không tuân thủ	
Thời hạn khắc phục	

VI. KẾT LUẬN

1) Điểm mạnh

2) Tồn tại, hạn chế

3) Yêu cầu khắc phục

....., tháng ... năm 20...

T.M ĐOÀN ĐÁNH GIÁ



QTQLN – 05: QUY TRÌNH LẬP, CẬP NHẬT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG

1. Quy trình lập kế hoạch quản lý rừng theo từng xã

Trên cơ sở tổng hợp các lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ, Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã) tổ chức cuộc họp nhóm với mục đích thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng theo lô cho tất cả thành viên trong nhóm, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác trắng với diện tích lớn liền kề không vượt quá 20 ha – đối với địa hình có độ dốc lớn và có hành lang ven suối, đồng thời điều tiết diện tích rừng nhiều cấp tuổi trong nhóm để hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm xã được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Rà soát, thảo luận với thành viên nhóm để thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng của họ;

Bước 2: Phân loại các lô rừng theo từng cấp tuổi hoặc nhóm cấp tuổi, loài cây để làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng của nhóm;

Bước 3: Lập kế hoạch các hoạt động quản lý rừng của nhóm nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các tiêu chí về kỹ thuật, môi trường và đạt hiệu quả kinh tế, như: trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh hại, phòng chống cháy rừng và khai thác rừng. Kế hoạch sẽ được xác định rõ cho từng hoạt động đối với từng diện tích và thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện.

Bước 4: Mô tả kế hoạch quản lý rừng theo cấp cảnh quan và dự báo về khả năng phát triển mở rộng diện tích rừng/ tiềm năng sẵn có.

Thành viên đại diện phụ trách cấp xã sẽ tổng hợp kế hoạch kinh doanh các lô rừng các hộ từ các xóm vào bảng kế hoạch quản lý rừng cấp xã, lập bản đồ hiện trạng rừng của xã. Sau khi có kế hoạch quản lý rừng cấp xã, bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng cấp xã, Thành viên đại diện phụ trách cấp xã trình Ban quản lý nhóm phê duyệt. Kết quả tóm tắt kế hoạch quản lý rừng cấp xã/ và bản đồ hiện trạng xã sẽ được công bố trên bảng tin của các xóm và xã, để tất cả thành viên nhóm và các bên liên quan nắm bắt thông tin về hoạt động chứng chỉ rừng.

Căn cứ vào kế hoạch quản lý rừng cấp xã, Ban quản lý Nhóm hộ CCR FSC Thanh Chương 2 lập kế hoạch giám sát hàng năm và thông báo lịch giám sát hàng năm cho các cấp quản lý trong nhóm để thực hiện.

2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng

- Kế hoạch quản lý rừng là kim chỉ nam của mọi hoạt động. Tất cả các lô rừng mới tham gia, các lô được khai thác và trồng lại mới cũng như các lô bị thay đổi hiện trạng mà không được báo trước (dịch bệnh, bão đổ) cần được tổng hợp cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hàng năm. Ban quản lý nhóm sẽ phê duyệt bất kỳ thay đổi quan trọng trong quản lý lô rừng. Lý do cho sự thay đổi này cần được giải thích rõ ràng trong sổ nhật ký quản lý lô rừng và cập nhật trong kế hoạch quản lý rừng cấp xã.



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Các thay đổi quan trọng cho kế hoạch quản lý rừng cấp thôn/xóm, xã cần phải được tham vấn với các bên liên quan theo cách phù hợp.
- Ban quản lý nhóm có trách nhiệm thường xuyên tìm hiểu, cập nhật những văn bản Pháp quy về hướng dẫn thực hiện trong công tác QLRBV của Việt Nam và của Hội đồng quản trị rừng quốc tế FSC. Ban quản lý nhóm cần thông báo các văn bản đó, tập huấn cho các thành viên và cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hoặc vào kế hoạch sửa đổi.



QTQLN - 06: QUY TRÌNH THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Mục đích

- Góp ý, chia sẻ thông tin trên tinh thần xây dựng các nội dung cần lấy ý kiến của các bên liên quan đảm bảo công bằng, minh bạch đảm bảo không ảnh hưởng đến cộng đồng người dân địa phương.

2. Các bên liên quan được mời tham vấn:

- Cơ quan quản lý nhà nước: Sở NN&PTNT, Chi cục kiểm lâm, UBND tỉnh, UBND xã, BQL rừng phòng hộ, Hạt Kiểm lâm vv....
- Cộng đồng người dân địa phương: hộ gia đình, trưởng thôn sống gần rừng ...
- Các cơ quan, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước
- Chuyên gia, nhà khoa học: trường đại học, viện nghiên cứu...

3. Nội dung tham vấn các bên liên quan:

- Kế hoạch quản lý rừng bền vững tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước như UBND huyện, UBND các xã, các trưởng thôn/xóm có tham gia chứng chỉ rừng, các chuyên gia khoa học, hạt kiểm lâm.
- Đánh giá Báo cáo đa dạng sinh học và rừng có giá trị bảo tồn cao, Báo cáo điều tra động vật, thực vật tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước như Chi cục kiểm lâm tỉnh, Hạt kiểm lâm, các chuyên gia khoa học, các tổ chức phi chính phủ liên quan, cộng đồng người dân địa phương.
- Báo cáo tác động xã hội và môi trường tham vấn đến các cơ quan quản lý nhà nước như UBND cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan tổ chức phi chính phủ liên quan, chuyên gia khoa học, hạt kiểm lâm.
- Các vấn đề khác như cơ chế chia sẻ lợi ích, cơ chế hợp tác với người dân, cộng đồng, phương án phòng chống cháy rừng sẽ được tham vấn cộng đồng người dân địa phương và cơ quan quản lý nhà nước.

4. Các hình thức tham vấn:

Ban quản lý Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 sẽ chọn một trong các hình thức sau (phù hợp với từng nội dung tham vấn cụ thể) để thực hiện tham vấn các bên liên quan:

- Tổ chức họp, hội thảo: Ban quản lý Nhóm gửi giấy mời tham gia đến các bên liên quan ít nhất 07 ngày trước khi tổ chức họp, hội thảo tham vấn, lấy ý kiến.



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Công văn, thư điện tử: Ban quản lý Nhóm gửi thư điện tử, thư tham vấn đến các bên liên quan về các vấn đề cụ thể và yêu cầu các bên liên quan gửi phản hồi trong khoảng thời gian xác định (01-02 tuần).
- Thông báo tuyên truyền trên loa phát thanh, phỏng vấn trực tiếp các hộ thành viên nhóm chứng chỉ hoặc gián tiếp qua Thành viên đại diện phụ trách cấp xã, Thành viên đại diện và các bên liên quan tại địa phương. Tổ chức các cuộc họp thảo luận lấy ý kiến góp ý vào những vấn đề cần tham vấn.
- Hàng năm ít nhất một lần hoặc Tham vấn đột xuất khi có những thay đổi lớn về kế hoạch quản lý rừng, hoặc khi có phát sinh các vấn đề xã hội và môi trường bất thường. Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng tổ chức lấy ý kiến tham vấn gửi cho các bên liên quan đề nghị các bên liên quan góp ý phản hồi và cập nhật những diễn biến, thay đổi về các quy định, tiêu chuẩn trong và ngoài nước về quản lý rừng bền vững. Hoạt động này được thực hiện qua email hoặc qua đường công văn thư tín.
- Các nội dung được tham vấn cần phản hồi lại trong vòng 10 ngày làm việc kể từ nhận được thông tin tham vấn.

Trên đây là nội dung cơ bản quy trình tham vấn các bên liên quan áp dụng cho Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.



Biểu 14. MẪU THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN
Nội dung: Tham vấn ý kiến của các bên liên quan về sự phù hợp của
các nội dung trong các báo cáo sau:

I. Thông tin đơn vị tham vấn:

1. Đơn vị:
2. Địa chỉ:.....
3. Người trả lời tham vấn:.....
4. Người đứng đầu:.....
5. Chức vụ:.....

II. Nội dung tham vấn

1. Kế hoạch Quản lý Rừng bền vững (QLRBV) của Nhóm Thanh Chương số 2 giai đoạn 2024 - 2029:

Các nội dung trong Kế hoạch QLRBV của nhóm có phù hợp với thực trạng và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của các xã hay không?

- Phù hợp: ☐

- Chưa phù hợp: ☐

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:

- Một số đề xuất để hoàn thiện Kế hoạch

2. Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (EIA)

Các nội dung trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhóm có phù hợp với hiện trạng của địa phương không? và các biện pháp giảm thiểu tác động đã đầy đủ để hạn chế các tác động xấu do hoạt động sản xuất lâm nghiệp gây ra với môi trường không?

- Phù hợp: ☐

- Chưa phù hợp: ☐

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:

- Một số đề xuất để hoàn thiện Báo cáo



3. Báo cáo Đánh giá tác động xã hội (SIA)

Các nội dung trong Báo cáo Đánh giá tác động xã hội của nhóm có phù hợp với hiện trạng của địa phương không? Và các biện pháp giảm thiểu tác động đã đầy đủ để hạn chế các tác động xấu do hoạt động sản xuất lâm nghiệp gây ra với các vấn đề xã hội tại địa phương không?

- Phù hợp: ☐

- Chưa phù hợp: ☐

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:

- Một số đề xuất để hoàn thiện Báo cáo

4. Báo cáo Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV)

Các nội dung trong Báo cáo Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV) của nhóm có phản ánh đúng với hiện trạng của địa phương không? và các giải pháp đề xuất nhằm bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH) trên diện tích rừng nhóm quản lý cũng như khu vực xung quanh đã đầy đủ để hạn chế các tác động đến ĐDSH?

- Phù hợp: ☐

- Chưa phù hợp: ☐

Nếu chưa phù hợp, quý ông/bà vui lòng cho biết:

- Những vấn đề chưa phù hợp:

- Một số đề xuất để hoàn thiện Báo cáo

Ban quản lý Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 trân trọng cảm ơn Quý ông/bà và Đơn vị đã cho ý kiến tham vấn.

....., ngày.....tháng.....năm

Người đứng đầu đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



QTQLN - 07: QUY TRÌNH KÊ KHAI HỒ SƠ LÂM SẢN VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM COC

1. Quy định chung

- Toàn bộ sản phẩm khai thác (gỗ tròn, gỗ xẻ....) phải được kê khai chi tiết cho từng lô khai thác.
- Hồ sơ khai thác bao gồm: Hồ sơ khai thác (Đơn đăng ký khai thác, bảng tổng hợp điều tra trữ lượng, thuyết minh khai thác), hợp đồng mua bán, hợp đồng khai thác, hóa đơn bán hàng phải được lưu lại ở cả bên mua và bên bán để giải trình cho chuỗi hành trình sản phẩm CoC của sản phẩm gỗ có chứng chỉ

2. Quy trình kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm CoC

Công đoạn	Yêu cầu kỹ thuật
Trước khai thác	Đơn đăng ký khai thác rừng trồng mới theo mô hình QLBVR (Biểu mẫu 15) Hợp đồng mua bán (Biểu mẫu 17) Hợp đồng vận chuyển gỗ keo (Biểu mẫu 22)
Khai thác	Bảng kê lâm sản (Biểu mẫu 18) Phiếu cân (Biểu mẫu 19)
Sau khai thác	Hóa đơn bán hàng (Biểu mẫu 16) Biên bản nghiệm thu hợp đồng (Biểu mẫu 22) Bảng kê thu mua hàng hóa không có hóa đơn (Biểu mẫu 21) Phiếu chi (Biểu mẫu 20)



Biểu 15: Đơn đăng ký khai thác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC
RỪNG TRỒNG THEO MÔ HÌNH QLRBV & CHỨNG CHỈ RỪNG FSC

Kính gửi:

- Ban quản lý Nhóm CCR

- Nhóm chứng chỉ rừng FSC/FM xã (Ban)

- Tên tôi là:

Là thành viên thuộc Nhóm CCR, Mã số chứng nhận:

- Địa chỉ.....

Tôi làm đơn này để đăng ký khai thác các lô rừng của gia đình tôi, thuộc phạm vi rừng trồng theo mô hình QLRBV & chứng chỉ rừng FSC. Thông tin cụ thể như sau:

ST T	Tên lô	Khoảnh	Tiểu khu	Loài cây (tên thông thườn g)	DT FSC (ha)	DTHLVS (ha)	DT khai thác (ha)	Năm trồng	Số cây/ lô	Tổng trữ lượng điều tra (m ³)	Sản lượng gỗ dự kiến khai thác	
											M ³	Tấ n
1												
2												
Tổng cộng												

Kính mong Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương xem xét, cho phép khai thác và cấp Mã số đăng ký khai thác để tôi hoàn thiện các thủ tục khai thác.

Nghệ An, ngày ...tháng....năm..

CHỦ RỪNG

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng

Căn cứ đơn xin cấp phép khai thác gỗ rừng trồng của Ông/bà ngày

Ban đại diện Nhóm chứng chỉ rừng phê duyệt, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng có chứng nhận FSC năm của, diện tích ha tương đương với sản lượng khai thác dự kiến là tấn ($\pm 5\%-10\%$)

Mã số cấp phép khai thác:/FSC-.....

Nghệ An, ngày

Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 16 Hóa đơn bán hàng

Hóa đơn bán hàng

Số: .../HĐBH

(Áp dụng cho gỗ chứng nhận FSC 100%)

Nội dung	Người bán	Người mua			
Tên:					
Địa chỉ:					
Mã số chứng chỉ					
Mã số cấp phép khai thác					
Đặc điểm sản phẩm					
Số	Tên hàng hóa	Yêu cầu FSC	Khối lượng (tấn)	Đơn giá (đ/tấn)	Thành tiền (đ)
1	Gỗ tròn keo lai (Acacia hybrid)	FSC 100%			
Tổng tiền chưa thuế					
Thuế giá trị gia tăng					
Tổng					
Bằng chữ:					
Chữ ký người bán:		Chữ ký người thanh toán:			
Nghệ An, ngày Xác nhận của Ban đại diện Nhóm chứng chỉ rừng					



Biểu 17: HỢP ĐỒNG MUA BÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: ... HĐMB/FSC-....

“V/v: Mua bán gỗ rừng trồng”

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày tháng năm tại Văn phòng Công ty, chúng tôi gồm:

BÊN A: (Bên mua)

Tên công ty

Địa chỉ

Điện thoại

Mã số thuế

Mã số chứng nhận

Đại diện

Chức vụ

BÊN B: (Bên bán)

Ông (bà) :

Địa chỉ :

Số CMND/CCCD

Ngày cấp

Nơi cấp

Sau khi bàn bạc cụ thể, hai bên thống nhất ký hợp đồng mua bán gỗ rừng trồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

1.1. Tên mặt hàng:



1.2. Địa chỉ lô rừng:

1.3. Quy cách, phẩm chất: Gỗ keo tròn, đường kính từ 6 cm trở lên, chiều dài từ 2m đến 4m, cắt phẳng hai đầu, gỗ không bị mục nát hoặc bị cháy.

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Số lượng: 150 tấn ($\pm 10\%$).

2.2. Giá thanh toán:

- Theo đơn giá thông báo áp dụng ở thời điểm mua, được công khai minh bạch tại cổng Công ty
- Giá thanh toán nêu trên có thể tăng hoặc giảm tùy theo giá thị trường. Nếu giá thanh toán có thay đổi bên A sẽ áp dụng ngay và thông báo cho bên B bằng văn bản hoặc qua điện thoại.

2.3. Hình thức thanh toán: Nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản

2.4. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Thời gian giao hàng
- Địa điểm giao nhận hàng:

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Giải phóng gỗ xuống xe kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho bên B.
- Chịu chi phí bốc gỗ xuống xe tại nhà máy của bên A.
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho bên B theo thỏa thuận ghi nhận tại Hợp đồng.
- Phát hành và hướng dẫn điền thông tin các loại giấy tờ, hồ sơ liên quan cho bên B theo đúng quy trình COC.
- Trong các trường hợp phát hiện nguy cơ cao, sẽ tổ chức đào tạo về kiến thức an toàn lao động, khai thác rừng tác động thấp và tập huấn kiến thức về Quản lý rừng bền vững cho người lao động của bên B.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Bàn giao hàng đúng thời gian, địa điểm và quy cách như đã nêu ở điều 1 và điều 2.
- Cử người cùng với bên A để giao nhận và xuống hàng tại nhà máy của bên A.
- Cung cấp bảng kê lâm sản và các giấy tờ liên quan cho bên A tại thời điểm giao hàng
- Cam kết trung thực, chính xác của thông tin mà bên B đã đưa ra và đảm bảo sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với những sự việc phát sinh từ tính trung thực, chính xác của những thông tin này.
- Bồi thường thiệt hại xảy ra cho bên A nếu có thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm của bên B.
- Tuân thủ và đảm bảo các điều kiện về an toàn lao động, quyền của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái như sau:



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- + Khai thác đúng lô, khoảnh, ranh giới đã được phê duyệt trong đơn đăng ký khai thác.
- + Phổ biến những quy định của FSC cho những người lao động làm việc trên lô rừng. Phải đảm bảo tất cả người lao động đều có kiến thức về an toàn lao động, sơ cấp cứu và các quy định của tiêu chuẩn FSC thực hiện tại lô rừng.
- + Trong diện tích mà bên B có quyền sử dụng chỉ trồng cây keo. Trường hợp bên B phát hiện được loài cây khác không thể nhận dạng, phải có trách nhiệm báo cho bên A để phối hợp tham vấn các bên liên quan để đưa ra giải pháp phù hợp. (Ví dụ: Báo cho Kiểm lâm, chính quyền địa phương...)
- + Không săn bắt, vận chuyển trái phép các loài động vật tự nhiên.
- + Không sử dụng hóa chất (bao gồm tất cả các loại thuốc BVTV và hóa chất) ngoài danh mục đăng ký trong suốt quá trình nuôi trồng, chăm sóc và khai thác.
- + Không để xăng, dầu, hóa chất khác (phục vụ cho phương tiện khai thác) bị rò rỉ ra ngoài môi trường tại vùng nguyên liệu.
- + Thực hiện đúng quy trình khai thác tác động thấp, không làm tổn hại, gây ô nhiễm, làm lệch dòng chảy của nguồn nước, không có các hoạt động dẫn đến xói mòn đất đai ở vùng nguyên liệu; không phá hủy vùng đai xanh, vùng đệm, hành lang ven suối.
- + Không xả đổ rác thải, thường xuyên tổ chức dọn dẹp môi trường tại vùng nguyên liệu.
- + Thực hiện triệt để các yêu cầu về phòng chống cháy rừng mà địa phương và các bên hữu quan yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.
- + Tuân thủ chính sách chống cưỡng bức, không phân biệt giới tính và dân tộc khi thuê mướn người lao động. Tuyệt đối không sử dụng Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.
- + Chi trả tiền công đủ, đúng kỳ hạn giao kèo. Tiền công mà bên B trả cho người lao động không được thấp hơn mức lương cơ bản vùng mà Nhà nước quy định. Trong trường hợp tai nạn liên quan đến công việc dẫn đến không có khả năng tiếp tục công việc, người sử dụng lao động có trách nhiệm hỗ trợ một khoản kinh phí thỏa đáng cho người lao động.
- + Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động để tham gia các khóa đào tạo ATLĐ, PCCC, các buổi tập huấn về QLRBV mà bên A hoặc các cơ quan hữu quan tổ chức, nhằm nâng cao nhận thức và đảm bảo an toàn, sức khỏe, tính mạng của người lao động.
- Chấp nhận cho Tổ chức chứng nhận và tổ chức ASI có quyền đánh giá khi cần thiết.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Không bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, mất mát đã gây ra cho bên còn lại;



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và đúng theo các điều khoản trong hợp đồng này. Mọi thay đổi đối với hợp đồng, hai bên cùng nhau bàn bạc và xác nhận bằng văn bản cụ thể;
- Trường hợp tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trước hết hai bên phải thỏa thuận để dàn xếp. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và ràng buộc 2 bên. Chi phí Tòa án và các khoản chi phí khác liên quan do bên thua kiện chịu;

ĐIỀU 5: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi có một trong các căn cứ sau:

- Hai bên có thỏa thuận chấm dứt thực hiện hợp đồng;
- Hợp đồng không thể thực hiện do có vi phạm pháp luật;
- Hợp đồng không thể thực hiện do Nhà nước cấm thực hiện;
- Một bên có hành vi vi phạm các điều khoản được ghi nhận trong Hợp đồng này và bên còn lại có yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này hết hiệu lực khi các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình, hoặc có thỏa thuận chấm dứt và không thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Biểu mẫu 18: Bảng kê lâm sản

.....
.....

Số :/...../BKLS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tờ số : Tổng số tờ:

BẢNG KÊ LÂM SẢN

1. Thông tin chủ lâm sản:

- Tên chủ lâm sản:
- Số CCCD/CMND:.....
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:, Địa chỉ Email:

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Số GCN/MSDN:.....
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:, Địa chỉ Email:

3. Thông tin về lâm sản:

- Tên loài: Keo lai - Acacia hybrid Nhóm loài: Thông thường
- Nguồn gốc: Gỗ rừng trồng.
- Giá trị (nếu có):.....
- Khối lượng: (m³), Bằng chữ: mét khối.
- Thông tin về lô khai thác: Kinh độ: , Vĩ độ:
- Thông tin khác có liên quan (nếu có): có chứng nhận FSC, Mã số:

4. Thông tin chi tiết:

TT	Số hiệu gỗ	Tên gỗ			Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên khoa học	Nhóm loài		Dài	Rộng	Đường kính/ chiều dày		
1		Keo lai	Acacia hybrid	TT						
2		Keo lai	Acacia hybrid	TT						
3		Keo lai	Acacia hybrid	TT						
Tổng:										

5. Thông tin vận chuyển (nếu có): Biển kiểm soát/số hiệu phương tiện:.....

Thời gian vận chuyển: ngày; từ ngày tháng năm đến ngày tháng ... năm

Vận chuyển từ: Lô/thửa....., khoảnh/tờ bản đồ....., tiểu khu: Xã....., tỉnh..... (địa danh khai thác) Đến:

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin./.

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

Tổ chức/cá nhân lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Biểu mẫu 19: Phiếu cân

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHƯƠNG

Địa chỉ:

SĐT :

PHIẾU CÂN XE
Số phiếu :

Hàng hoá :

Khách hàng :

Địa chỉ :

Số xe :

TL xe và hàng :

TL xe :

TL hàng :

Ghi chú :

Ngày in phiếu :

Tên lái xe :

Ngày, giờ cân :

Ngày, giờ cân :

Kiểu cân :

NGƯỜI LÁI XE

NV PHÒNG CÂN



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Biểu mẫu 20: Phiếu chi

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP THANH CHUƠNG
P506, toà nhà VCCI, số 1 đường Lê Nin, P.Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số 02 - TT

*(Ban hành theo Thông
tư số 200/2014/TT-*

PHIẾU CHI

Ngàytháng năm ...

Quy

Số: PC2504013

Nợ: 33111

Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền:

Viết bằng chữ:

Kèm theo: chứng từ gốc

Trường mở rộng:

ngày... tháng ... năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người
(Ký, họ

Người nhận
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Mẫu số: **01/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
78/2014/TT-BTC của Bộ Tài
chính)

Biểu mẫu 21:

BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN

Ngày tháng năm

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:

- Người phụ trách thu mua:

Mã số thuế:

Ngày tháng năm mua hàng	Người bán			Hoàng hóa thu mua				Ghi chú
	Tên người bán	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	Tên mặt hàng	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đ/tấn)	Tổng giá thanh toán (đ)	Số phiếu Cân
1	2	3	4	5	6	7	8	9
				Gỗ Tròn Keo Lai (Acacia hybrid) FSC 100%				
				Gỗ Tròn Keo Lai (Acacia hybrid) FSC 100%				
Cộng						X		

Tổng giá trị hàng hóa mua vào:.....

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngàythángnăm

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu mẫu 22: Biên bản nghiệm thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

- Căn cứ theo Hợp đồng mua bán số/HĐMB/FSC-202. ngày ... tháng năm
- Căn cứ khối lượng gỗ được giao nhận tại từ ngày..... đến ngày.....

Hôm nay, ngày..... tại văn phòng Công ty, chúng tôi gồm có:

BÊN A: (Bên mua)

Tên công ty

Địa chỉ

Điện thoại

Mã số thuế

Mã số chứng nhận

Đại diện

:

Chức vụ:

BÊN B: (Bên bán)

Ông (bà)

Địa chỉ

Số CMT/CCCD

Ngày cấp

:

Nơi cấp:

Hai bên cùng tiến hành nghiệm thu khối lượng gỗ được khai thác tại:cụ thể như sau:

TT	Tên hàng	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1					

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm đồng chẵn.)

Sau khi hai bên ký biên bản này đồng nghĩa với việc thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số TTU176/HĐMB/FSC-2024 ngày 17/12/2024

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Biểu mẫu 22 Hợp đồng khai thác kiêm vận chuyển gỗ keo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KHAI THÁC KIÊM VẬN CHUYỂN GỖ KEO

Số: /HĐKTVC/FSC-

“V/v: Khai thác kiêm vận chuyển gỗ rừng trồng”

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tại nhà (địa chỉ:), chúng tôi gồm có:

BÊN CHỦ RỪNG (BÊN A): , là thành viên thuộc Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, Mã số chứng nhận:

- Năm sinh:

- Số CMND/CCCD:

- Nơi cấp:

- Địa chỉ:

BÊN KHAI THÁC (BÊN B):

- Năm sinh:

- Số CMND/CCCD: . Ngày cấp:

- Nơi cấp:

- Địa chỉ:

Sau khi bàn bạc cụ thể, hai bên thống nhất ký hợp đồng khai thác kiêm vận chuyển gỗ keo rừng trồng với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung

Bên B đồng ý nhận và bên A đồng ý giao khai thác kiêm vận chuyển gỗ Keo rừng trồng có chứng nhận FSC 100% tại địa chỉ: , diện tích FSC: ha, năm trồng: , diện tích khai thác: ha

Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán

2.1. Đơn giá thanh toán: khoán đ/tấn (bao gồm giá khai thác và vận chuyển)

2.2. Hình thức thanh toán: Căn cứ theo số lượng bán cho nhà máy, hai bên tiến hành thanh toán bằng tiền mặt.

2.3. Thời gian: từ ngày đến hết ngày

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

3.1. Trách nhiệm của bên A



- Bàn giao địa điểm/khu vực rừng trồng để bên B khai thác và vận chuyển, đảm bảo lô rừng bàn giao đúng tên, đúng chủ sở hữu.
- Đánh dấu đường biên, khu vực rừng khai thác, chừa lại (đai xanh vùng đệm, khu rừng để lại...) bằng sơn đỏ hoặc ranh giới rõ ràng.
- Phổ biến hoặc nhắc nhở những quy định về an toàn lao động, bảo hộ lao động cũng như yêu cầu về sử dụng lao động cho bên B (đúng tuổi lao động, không sử dụng lao động cưỡng bức, lao động trẻ em, trả lương hợp lý...)
- Thanh toán cho bên B theo đơn giá quy định tại Điều 2 dựa trên khối lượng gỗ đã khai thác và vận chuyển.
- Chịu trách nhiệm mở đường và các chi phí khác để tạo điều kiện cho bên B khai thác gỗ.
- Lập bảng kê lâm sản theo quy định của Thông tư số 25/2025/TT-BNNMT đưa người vận chuyển mang đi đường.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Cắm các biển báo thông báo hoạt động khai thác đang diễn ra tại lô rừng.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo về an toàn lao động cho lao động khai thác.
- Luôn đảm bảo đầy đủ các loại thuốc và phương tiện sơ cấp cứu ban đầu để sẵn sàng cho việc cứu thương.
- Thực hiện đúng kỹ thuật khai thác, quy trình khai thác tác động thấp và đúng tiến độ. Các vùng đệm ven sông, suối, ao, hồ, đập cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Không săn bắt, sử dụng động vật hoang dã làm thức ăn, không có hành vi vi phạm pháp luật.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng và an toàn lao động trong suốt thời gian khai thác.
- Sử dụng lao động hợp pháp đúng theo quy định của Pháp luật. Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.
- Cam kết trả lương cho người lao động (công nhân khai thác) theo giá cả công bằng, hợp lý. Thực hiện chấm công và thanh toán đủ tiền công, đúng thời hạn cho người lao động.
- Khai thác đảm bảo đúng phạm vi khai thác, tránh sự lẫn lộn các nguồn nguyên liệu khác không phù hợp.
- Đảm bảo thời gian khai thác như điều 2 của hợp đồng.
- Chịu mọi trách nhiệm và tất cả chi phí phát sinh cho tổ khai thác.
- Sắp xếp xe vận chuyển theo đúng tiến độ. Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, an toàn cho phương tiện vận chuyển, không quá khổ, quá tải và phải đảm bảo vận chuyển đúng lịch trình, không để thất thoát hàng hóa của bên A.
- Khi vận chuyển phải mang theo giấy tờ vận chuyển gồm bảng kê lâm sản theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT do chủ rừng tự khai báo.



- Kiểm soát chặt chẽ gỗ vận chuyển từ rừng về nhà máy, tránh sự lẫn lộn các nguồn nguyên liệu khác không phù hợp trong quá trình vận chuyển.
- Không được kết hợp để chở các loại hàng cấm như: Động vật hoang dã, vật liệu dễ cháy nổ, gỗ rừng tự nhiên không rõ nguồn gốc...
- Đảm bảo thời gian vận chuyển như điều 2 của hợp đồng.
- Chịu mọi trách nhiệm và tất cả các chi phí phát sinh cho các xe vận chuyển.

Điều 4. Hiệu lực hợp đồng

Nếu một trong hai bên, bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho bên kia trước ít nhất 03 ngày.

Điều 5. Điều khoản chung

- Không bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, mất mát đã gây ra cho bên còn lại.
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và đúng theo các điều khoản trong hợp đồng này. Mọi thay đổi đối với hợp đồng, hai bên cùng nhau bàn bạc và xác nhận bằng văn bản cụ thể.
- Trường hợp tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trước hết hai bên phải thỏa thuận để dàn xếp. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và ràng buộc 2 bên. Chi phí Tòa án và các khoản chi phí khác liên quan do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN THANH TOÁN TIỀN

Căn cứ theo Hợp đồng khai thác kiêm vận chuyển gỗ Keo số : /HĐKTVCFSC- ngày

Hôm nay, ngày tại nhà (địa chỉ:), chúng tôi gồm có:

BÊN CHỦ RỪNG (BÊN A): , là thành viên thuộc Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, **Mã số chứng nhận:**

- Năm sinh:
- Số CMND/CCCD:
- Nơi cấp:
- Địa chỉ:

BÊN KHAI THÁC (BÊN B):

- Năm sinh:
- Số CMND/CCCD: . Ngày cấp:
- Nơi cấp:
- Địa chỉ:

Chúng tôi cùng tiến hành xác nhận việc thanh toán tiền khai thác và vận chuyển gỗ Keo rừng trồng, cụ thể như sau:

Khối lượng:	tấn
Đơn giá khoán:	đ/tấn
Thành Tiền:	đ

(Bằng chữ:).

Sau khi hai bên ký biên bản này đồng nghĩa với việc cùng xác nhận việc thanh toán tiền khai thác kiêm vận chuyển gỗ Keo rừng trồng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



QTQLN – 08: QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ THẦU

1. Định nghĩa

“**Nhà thầu**” Là người đại diện đứng ra nhận thực hiện một hoặc nhiều nội dung công việc nhất định (ví dụ: trồng mới; khai thác; vận chuyển...)

“**Công nhân**” Là những lao động hoạt động theo nhiệm vụ công việc được giao bởi nhà thầu.

“**Dịch vụ**” có nghĩa là dịch vụ được nhà thầu cung cấp khi thực hiện công việc trong qui định của hợp đồng.

2. Các luật và các qui định tham khảo

Tài liệu tham khảo để về pháp lý bao gồm tài liệu tham khảo về các quyết định và thông tư pháp luật được ban hành.

VD: Bộ Luật Lao Động 2019 - Có hiệu lực 01/01/2021

3. Các yêu cầu cần kiểm tra trước khi đưa nhà thầu vào nhóm FSC

3.1. Ban quản lý nhóm tiến hành kiểm tra hiện trường về hoạt động lâm nghiệp của nhà thầu để đảm bảo nhà thầu có đủ năng lực (vd: nguồn lao động và máy móc) cũng như kiến thức để thực hiện dịch vụ lâm nghiệp nhất định (vd: khai thác, trồng mới...) và hoạt động theo tiêu chuẩn quản lý rừng FSC và các quy trình của nhóm yêu cầu dành cho nhà thầu.

3.2. Mỗi nhà thầu lâm nghiệp muốn tham gia một nhóm sẽ ký một hợp đồng, bao gồm cả cam kết đồng ý. Trong hợp đồng, nhà thầu phải:

- Cam kết tuân theo Tiêu chuẩn Quản lý Rừng hiện hành và các Quy định của Nhóm, và đảm bảo rằng bất kỳ nhà thầu phụ nào của nhà thầu chính cũng sẽ tuân theo các tiêu chuẩn đó;
- Đồng ý cho phép quản lý nhóm, cơ quan cấp chứng chỉ, FSC và ASI thực hiện trách nhiệm của họ;
- Đồng ý rằng quản lý nhóm sẽ là người liên hệ chính với chứng chỉ;
- Bao gồm các điều khoản đã thỏa thuận giữa nhà thầu lâm nghiệp và quản lý nhóm.

4. Khi một nhà thầu lâm nghiệp muốn chuyển từ một nhóm này sang một nhóm khác được quản lý bởi cùng một quản lý nhóm, quản lý nhóm sẽ thực hiện đánh giá này để cho phép di chuyển.

5. Các yêu cầu cần kiểm tra đối với nhà thầu đã gia nhập nhóm

Các nội dung cần kiểm tra (Biểu 22. Giám sát nhà thầu lâm nghiệp)

Bao gồm các nội dung:

- Hợp đồng công việc
- Chi trả tiền công
- An toàn lao động

Giám sát nhà thầu phải được thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ.

Các thành viên nhóm, nơi có công việc được thực hiện bởi các nhà thầu lâm nghiệp tham gia nhóm, quản lý nhóm sẽ áp dụng công thức dưới đây để tính số mẫu tối thiểu của hộ thành viên được kiểm tra hàng năm để giám sát:



- Các lô rừng có hoạt động: $X = 0.6 * \sqrt{y}$
- Các lô rừng không có hoạt động: $X = 0.1 * \sqrt{y}$

Trong đó: X = số hộ thành viên được lấy mẫu;

y = số hộ thành viên đang có hoạt động rừng hoặc không hoạt động rừng trong mỗi hạng mục.

Quản lý nhóm sẽ thực hiện đánh giá nội bộ đối với tất cả các nhà thầu tham nhóm, ít nhất một lần trong thời gian chứng chỉ còn hiệu lực.

Quản lý nhóm sẽ tăng cường độ đánh giá nội bộ này khi xác định được các rủi ro cao (ví dụ: sự không tuân thủ thường xuyên của nhà thầu, các khiếu nại của các bên liên quan đã được xác thực về hiệu quả hoạt động yếu kém của nhà thầu).

Quản lý nhóm sẽ ban hành các yêu cầu hành động khắc phục lỗi để giải quyết những lỗi không tuân thủ được phát hiện trong quá trình giám sát các nhà thầu lâm nghiệp và theo dõi việc đóng lỗi của họ.

5. Quy trình báo cáo công việc:

Nhà thầu có trách nhiệm báo cáo với quản lý nhóm về công việc của họ.

Các nội dung báo cáo: Địa điểm và kết quả thực hiện công việc

Hình thức báo cáo: Trong suốt quá trình thực hiện có thể báo cáo qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp, nhưng khi hoàn thành quá trình thực hiện phải thực hiện báo cáo bằng văn bản. Trong đó, tổng kết nội dung đã thực hiện, bao gồm: địa điểm (lâm phần rừng của ai?) và kết quả (quả (ví dụ như sản lượng khai thác, số lượng cây trồng mới)).

Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và thanh toán tiền lương đúng hạn cho công nhân. Ban quản lý nhóm sẽ tiến hành kiểm tra để xác nhận.

Chuỗi hành trình sản phẩm của nhà thầu phải được tuân thủ, bao gồm

- Hồ sơ về sản lượng khai thác và khối lượng bán gỗ có chứng chỉ FSC hàng năm trong phạm vi chứng chỉ của nhóm phải được lưu giữ
 - Quản lý nhóm phải lưu giữ bằng chứng về những hồ sơ này
 - Các nhà thầu lâm nghiệp phải đảm bảo rằng tất cả các hóa đơn bán lâm sản có chứng nhận FSC phải bao gồm các thông tin được yêu cầu (theo Tiêu chuẩn Quản lý Rừng hiện hành) và cung cấp một bản sao của những hóa đơn này cho quản lý nhóm.
- Khi bán lâm sản có chứng nhận FSC, nhà thầu phải ghi trong hóa đơn bán gỗ: Mã chứng chỉ của nhóm mà lâm sản được khai thác từ đó.

6. Lưu trữ thông tin nhà thầu:

Khi các nhà thầu lâm nghiệp được tham gia nhóm, quản lý nhóm sẽ lưu giữ các hồ sơ cập nhật, bao gồm:

- a) Tên nhà thầu và chi tiết liên lạc;
- b) Ngày gia nhập nhóm và nếu có liên quan, ngày rời nhóm và lý do rời nhóm;
- c) Toàn bộ hồ sơ đào tạo nhà thầu do quản lý nhóm thực hiện;



- d) Kết quả giám sát của nhà thầu thông qua kiểm tra thành viên quản lý rừng được lấy mẫu và đánh giá nội bộ;
- e) Hồ sơ về sản lượng khai thác và bán lâm sản, ít nhất hàng năm, nếu có, là kết quả từ các hoạt động được thực hiện bởi các nhà thầu trong chứng chỉ nhóm.

Biểu 22. BIỂU GIÁM SÁT NHÀ THẦU

Họ và tên nhà thầu.....		
Nội dung công việc.....		
Hợp đồng với HGĐ.....		
Ngày kiểm tra.....		
STT	Hạng mục	Miêu tả
Tiến độ	Công việc có đang triển khai đúng kế hoạch không?	
	Có hợp đồng cụ thể nội dung công việc không	
	Có vấn đề phát sinh nào không	
	Công nhân có được làm hợp đồng lao động không?	
	Hình thức hợp đồng:	
An toàn lao động	Quy trình lao động có đúng như kỹ thuật (đã ghi trong hợp đồng) không?	
	Có sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức không	
	Công nhân có được trang bị bảo hộ phù hợp theo từng vị trí không	
	Công nhân có được tập huấn phù hợp theo từng vị trí không	
	Công nhân sử dụng xe cơ giới có đủ chứng chỉ vận hành không?	
	Có tai nạn nào xảy ra không?	
	Có túi sơ cấp cứu trên rừng không?	
Chi trả tiền lương	Mức lương trả cho công nhân có phù hợp?	
	Hình thức chi trả có phù hợp	
	Có phản nản nào liên quan đến chi trả tiền lương không	
Khác	Có vệ sinh rừng trong và sau khi hoàn thành công việc không (rác thải)	
	Có xung đột nào với người dân xung quanh không?	
Khuyến cáo/đề xuất:		
..... \\		
		Người kiểm tra



QTQLN – 09: QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC

(Căn cứ vào Tiêu chuẩn FSC-STD-50-001 V2-1)

1. Các nguyên lý nền về sử dụng thương hiệu FSC

Hội đồng Quản lý rừng A.C (FSC) sở hữu ba thương hiệu đã đăng ký: logo “dấu mark và cây, Chữ đầu “FSC” và tên “Hội đồng Quản lý rừng”

Để sử dụng **thương hiệu FSC**, **tổ chức** phải ký **hợp đồng về giấy cấp phép thương hiệu FSC** và giữ **chứng nhận** có hiệu lực.

Người giữ chứng nhận dự án, đa điểm và nhóm sẽ tham khảo Phụ lục 2 về các yêu cầu cho việc sử dụng thương hiệu FSC.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng liên quan đến bán hàng hoặc quảng cáo gỗ có kiểm soát.

Mã cấp phép thương hiệu FSC được chỉ định bởi FSC phải bao gồm tất cả các ứng dụng mô tả trong tiêu chuẩn này.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng theo cách có thể gây xáo trộn, hiểu sai hoặc gây mất tín nhiệm đối với chương trình chứng nhận FSC.

FSC có quyền ngưng hoặc chấm dứt cho phép sử dụng thương hiệu FSC nếu tổ chức không tuân theo các yêu cầu thương hiệu FSC như đã đưa ra trong tiêu chuẩn này. Giải thích những nguyên tắc này chỉ theo ý duy nhất của FSC.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng theo cách hàm ý rằng FSC xác nhận, tham gia vào hoặc chịu trách nhiệm về các hoạt động do công ty thực hiện, ngoài phạm vi của chứng nhận

Sử dụng thương hiệu FSC sẽ không hàm ý rằng FSC chịu trách nhiệm về sản xuất bất cứ sản phẩm, tài liệu hoặc vật liệu để quảng cáo.

Sản phẩm dự định dán nhãn hoặc quảng cáo được chứng nhận FSC phải bao gồm trong **kế hoạch nhóm sản phẩm** được chứng nhận của tổ chức và sẽ đáp ứng các yêu cầu thích hợp về dán nhãn theo qui định của tiêu chuẩn FSC tương ứng

Chỉ có ảnh và minh họa **nhãn FSC** được cung cấp trên **dịch vụ phát nhãn** hoặc nếu không thì được phát hành hoặc duyệt bởi **cơ quan chứng nhận** hoặc FSC mới được sử dụng

2. Yêu cầu chung

Để thực hiện một tuyên bố trên sản phẩm, tổ chức phải chọn đúng nhãn FSC dựa trên việc tuyên bố FSC mà sản phẩm được cung cấp hoặc được cấp chứng nhận.

Nhãn hiệu phải thể hiện rõ loại sản phẩm được chứng nhận khi sản phẩm cuối cùng hoặc nội dung hoặc đóng gói của nó bao gồm vật liệu được chứng nhận không phải FSC ngoại trừ những chi tiết nhỏ. Loại sản phẩm luôn phải được thể hiện cụ thể trên xuất bản phẩm được in được chứng nhận FSC.

Ví dụ: “Gỗ từ rừng được quản lý tốt” đối với một sản phẩm gỗ có chứng nhận FSC đóng gói trong bao bì chứng nhận không phải FSC (Nhãn 100%) hoặc “Đóng gói bao bì từ nguồn gốc có thể chịu trách nhiệm” trong trường hợp là sản phẩm chứng nhận không phải FSC trong bao bì



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

chứng nhận FSC (nhãn mix) hoặc “Giấy làm từ vật liệu tái chế” đối với xuất bản phẩm (nhãn recycled)

Nhãn FSC phải được nhìn thấy rõ trên sản phẩm, trên bao bì hoặc cả hai.

Nơi đặt nhãn bình thường trên một loại sản phẩm không phải ở mặt bên hông (chẳng hạn như bên hông panel hoặc bên trong cuốn sách) bản sao của logo có thể được sử dụng ở một nơi nổi bật hơn.

Nhãn không được sử dụng để làm tuyên bố một phần của sản phẩm. Nơi các phần thường xuyên của sản phẩm (ngoại trừ vật liệu đóng gói hoặc các vật liệu khác không phải từ sản phẩm rừng) không được chứng nhận FSC, nhãn FSC sẽ không được sử dụng.

Loop Moebius sẽ không được sử dụng mà không tính số phần trăm. Con số này sẽ phản ánh nội dung vật liệu được tuyên bố lại của khách hàng trước và khách hàng sau, có thể là quan trọng thông qua qui trình nội bộ hoặc thông tin từ nhà cung cấp dựa trên qui trình chuỗi hành trình sản phẩm.

Khi thương hiệu FSC được sử dụng làm nhãn hiệu sản phẩm, các điểm khác về kế hoạch chứng nhận rừng sẽ không được sử dụng trên cùng một sản phẩm.

Khi các sản phẩm được sản xuất để bán cho người bán lẻ, người bán lẻ có thể muốn sử dụng thương hiệu FSC để quảng cáo sản phẩm, họ có thể để nhãn FSC trên sản phẩm hoặc trên bao bì để cho khách hàng thấy.

GHI CHÚ: Xem phần IV: Nguyên tắc đồ họa cung cấp đầy đủ thông tin về màu sắc, kích thước, vị trí đặt, v.v...

Loại nhãn FSC

Có ba loại nhãn hiệu FSC mô tả nội dung vật liệu FSC. Nhãn đúng nên được chọn phụ thuộc vào tuyên bố mà sản phẩm hay vật tư được cung cấp. Mỗi loại có hai lựa chọn thiết kế, được chọn theo không gian có sẵn của nhãn.

Loại nhãn FSC

Nhãn FSC là:



Nhãn 100% dành cho sản phẩm bao gồm 100% vật liệu từ rừng



Nhãn Recycled dành cho các sản phẩm bao gồm duy nhất sợi tái



Nhãn Mix dành cho các sản phẩm có sự kết hợp vật



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

được chứng nhận FSC. Nội dung nhãn là “[loại sản phẩm] từ rừng được quản lý tốt”

chế. Nội dung nhãn là “[loại sản phẩm] làm từ vật liệu chế”

liệu từ rừng được chứng nhận FSC, gỗ được kiểm soát FSC và sợi tái chế thích hợp. Nội dung nhãn là “[loại sản phẩm] từ các nguồn có thể chịu trách nhiệm

Nhãn nhỏ có thể được sử dụng khi không có đủ không gian trống rõ ràng đối với nhãn tiêu chuẩn ở khu vực nơi nhãn phải được đặt. Chỉ duy nhất cơ quan chứng nhận mới có quyền duyệt việc sử dụng nhãn nhỏ.

Yếu tố yêu cầu cho nhãn nhỏ là:



Logo FSC

Tên nhãn

(Loại sản phẩm, nếu được yêu cầu)

Mã cấp phép thương hiệu FSC

Nếu không có tùy chọn nhãn nào được đưa ra để sử dụng, vì lý do không gian hoặc loại sản phẩm, giải pháp riêng lẻ được đề xuất cho đơn vị Thương hiệu FSC thông qua Tổ chức chứng nhận.

Yêu cầu về các tình huống và cách sử dụng riêng biệt

Sử dụng nhãn FSC trên văn phòng phẩm và trên brochure

Văn phòng phẩm và brochure được in trên giấy chứng nhận FSC sẽ không được dán nhãn hoặc có nhãn ở vị trí nổi bật để xuất hiện tổ chức đại diện trong xuất bản phẩm, hoặc sản phẩm của nó, được xác nhận bởi FSC. Ví dụ, nhãn sẽ không được đặt ở bìa trước của brochure hoặc ở đầu phần đầu giấy viết thư hoặc các mẫu chứng từ khác, hoặc bên cạnh hình ảnh sản phẩm từ rừng mà không có chứng nhận FSC.

Sử dụng nhãn FSC trên danh thiếp

Khi một danh thiếp được in trên giấy FSC, nhãn nhỏ sẽ được sử dụng ở kích nhỏ nhất. Sử dụng nhãn sẽ không hàm ý rằng tổ chức liên kết với FSC.

Logo FSC được sử dụng là nhãn nhiệt

Logo FSC có mã cấp phép có thể là nhãn nhiệt hoặc giấy Stängxin dán trực tiếp lên sản phẩm. Nếu không bao gồm tất cả các yếu tố nhãn được yêu cầu, một nhãn tiêu chuẩn cũng sẽ được sử dụng trên bao bì hoặc nếu không đính kèm như nhãn dán hoặc thẻ treo.

Tình trạng Quảng cáo người giữ chứng nhận FSC



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Các yêu cầu trong phần này chỉ áp dụng duy nhất đối với những vật liệu mà sản phẩm được chứng nhận FSC không được đề cập đến.

Tổ chức không được sản xuất, dán nhãn hoặc bán các sản phẩm được chứng nhận FSC do sự kiểm tra giám sát cơ quan chứng nhận hằng năm trước đó không sử dụng thương hiệu FSC cho quảng cáo chung của công ty.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng cùng với các tiêu chuẩn của kế hoạch chứng nhận rừng khác theo cách tương đương hoặc theo cách bất lợi cho thương hiệu FSC về mặt kích cỡ hoặc vị trí đặt.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng để ở đầu các mẫu tài liệu như đầu giấy viết thư, chứng từ bán hàng và email.

Thương hiệu FSC sẽ không được sử dụng trên danh thiếp để quảng cáo chứng nhận của tổ chức.

Nếu thương hiệu FSC được sử dụng trên các mẫu hóa đơn, phiếu giao hàng và các chứng từ tương tự mà có thể sử dụng cho sản phẩm FSC và không FSC, tuyên bố sau sẽ được bao gồm: “chỉ những sản phẩm được phân biệt rõ trong chứng từ này mới được chứng nhận FSC”.

Lưu trữ hồ sơ: Thời gian lưu trữ cho tất cả các hồ sơ ít nhất là 05 năm.

QTQLN – 10: KIỂM SOÁT, LƯU TRỮ VÀ CẬP NHẬT HỒ SƠ, VĂN BẢN

1. Mục đích

Quy trình này được xây dựng nhằm kiểm soát tất cả các thông tin dạng văn bản của Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2:

Kiểm soát việc phê duyệt và ban hành tài liệu.

Kiểm soát tài liệu để đảm bảo sự hiện hành, tài liệu luôn sẵn có ở các nơi làm việc có liên quan.

Kiểm soát được quá trình chỉnh sửa và việc phân phối tài liệu.

Kiểm soát và ngăn ngừa việc sử dụng tài liệu lỗi thời.

Kiểm soát trong quá trình lưu trữ hồ sơ.

2. Phạm vi áp dụng



Đối tượng áp dụng

-Tất cả các thông tin dạng văn bản như: các tài liệu nội bộ, các tài liệu có nguồn gốc bên ngoài, các hồ sơ.

- Không áp dụng cho: Văn bản đến - đi.

Trách nhiệm áp dụng

Ban quản lý Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.

3. Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt

a. Thuật ngữ và định nghĩa

Tài liệu nội bộ có kiểm soát: là những tài liệu do Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 biên soạn sử dụng trong hệ thống quản lý của Nhóm hộ như: sổ tay quản lý, quy trình, hướng dẫn công việc, biểu mẫu,...

Tài liệu có nguồn gốc bên ngoài: là những tài liệu sử dụng từ nguồn gốc bên ngoài được áp dụng vào trong hệ thống quản lý của Nhóm hộ như: Các văn bản quy phạm pháp luật; các quy định, quy trình; các tài liệu của khách hàng; nhà cung cấp,....

Tài liệu lỗi thời: là tài liệu không còn hiệu lực được nhận dạng bởi dấu đóng “Hết hiệu lực” trên dấu đóng có ghi ngày, ngày ghi trên dấu đóng được hiểu là sau ngày đó tài liệu không còn hiệu lực.

Lần đầu ban hành tài liệu: là lần soát xét lại tình trạng khả thi của tài liệu khi có những thay đổi về hoạt động, quy mô của tổ chức hoặc khi có yêu cầu cải tiến, sửa đổi và ban hành lại. Lần ban hành của tài liệu được nâng dần từ 1 đến n (n: số nguyên). Lần ban hành của biểu mẫu độc lập với lần ban hành của thủ tục, quy trình, quy định, hướng dẫn công việc. Kể từ lần ban hành thứ 2, sẽ cập nhật nội dung thay đổi lên trang kiểm soát của tài liệu.

Phân phối phát hành tài liệu: là đưa tài liệu kịp thời đến nơi sử dụng. Việc phân phối chỉ được thực hiện bởi đại diện Nhóm hộ, các thành viên khác trong Nhóm hộ không được tự ý photocopy phân phối mà không thông qua đại diện Nhóm hộ. Các biểu mẫu phải được phát hành đính kèm theo các quy trình hướng dẫn công việc để các bộ phận biết áp dụng. Khi soát xét và ban hành lại biểu mẫu, chỉ cần thay đổi và phân phối trang kiểm soát và biểu mẫu thay đổi đó.

b. Quy trình thực hiện

Bước 1: Xác định nhu cầu và mức độ để kiểm soát thông tin dạng văn bản

Ban quản lý Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 căn cứ vào quy mô và tình hình quản lý thực tế để xác định các thông tin dạng văn bản (gồm tài liệu nội bộ, biểu mẫu soạn thảo mới hay chỉnh sửa bổ sung) để chuẩn hoá thành văn bản áp dụng hay đưa vào áp dụng (tài liệu bên ngoài).

Bước 2: Xem xét yêu cầu

Căn cứ vào yêu cầu, Trưởng nhóm xem xét phê duyệt soạn thảo/sửa đổi/cung cấp, chỉ định người/bộ phận soạn thảo và thời gian hoàn thành.



Nếu nhận thấy không cần thiết phải soạn thảo hay sửa đổi tài liệu thì chuyển trả cho đơn vị yêu cầu.

Bước 3: Biên soạn/chỉnh sửa tài liệu

Biên soạn tài liệu:

Người được phân công tiến hành biên soạn tài liệu. Trường hợp tài liệu biên soạn liên quan đến nhiều phòng ban, thì phải phối hợp các trưởng phòng liên quan trao đổi thống nhất trước khi thực hiện.

Bố cục trình bày tài liệu:

- Trang thứ 1: Thể hiện tên tài liệu, người xem xét và người phê duyệt, ngày hiệu lực, lần ban hành.

Từ trang thứ 2 trở đi trình bày nội dung gồm:

Mục lục (đối với văn bản trên 10 trang)

Mục đích;

Phạm vi áp dụng;

Đối tượng áp dụng;

Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt;

Nội dung chính.

Định dạng văn bản:

Định dạng văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư.

Cách đánh mã số tài liệu:

Đối với quy trình: QT.QLN-xx. YY; trong đó xx là số thứ tự quy trình trong phòng, YY là tên quy trình;

Đối với tài liệu hướng dẫn hay quy định/tiêu chuẩn thì tương tự như quy trình thay QT bởi HD/QĐ.

Chỉnh sửa tài liệu:

Khi chỉnh sửa tài liệu phải có văn bản thông báo.

Bước 4: Xem xét và phê duyệt

Xem xét: Trưởng nhóm xem xét tài liệu đã chỉnh sửa trước khi ký duyệt.

Nội dung gồm: Hình thức trình bày, nội dung tài liệu, thể thức tài liệu (gồm: tên tài liệu, người xem xét và người phê duyệt, ngày hiệu lực, lần ban hành, đánh số trang,...)

Phê duyệt tài liệu: Trưởng nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 hoặc người được ủy quyền phê duyệt.

Bước 5: Phổ biến áp dụng và kiểm soát

Tài liệu sau khi được phê duyệt. Nhóm xác định các tài liệu cần phân phát cho các thành viên liên quan trong Nhóm, thành viên kiểm soát tài liệu phải tiến hành các bước:

Cập nhật các tài liệu vào Danh mục tài liệu nội bộ;

Photo tài liệu từ bản gốc (sau khi ký duyệt và đóng dấu);



Phân phối các tài liệu photo đến các phòng ban như đã xác định, còn bản gốc của tài liệu lưu tại Nhóm;

Tài liệu phải được phân phối đến các đơn vị trước ngày hiệu lực quy định trên tài liệu, Trưởng/thành viên đại diện phụ trách cấp xã phải phổ biến tài liệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu đến tất cả các thành viên để đảm bảo cho mọi thành viên thực hiện đúng theo tài liệu.

Bước 6: Kiểm soát và lưu trữ hồ sơ hệ thống quản lý

Lập danh mục hồ sơ:

Thành viên đại diện phụ trách cấp xã đại diện các xã xác định những hồ sơ có liên quan đến công việc của đơn vị mình quản lý và phân công thành viên kiểm soát hồ sơ tại phòng.

Thành viên kiểm soát hồ sơ, lập danh mục kiểm soát hồ sơ theo mẫu và soát xét lại bổ sung vào danh mục nếu có sự thay đổi.

Phân loại, sắp xếp hồ sơ:

Xem xét và phân loại hồ sơ theo nội dung hoặc theo thời gian.

Người lưu trữ hồ sơ của các đơn vị phải sắp xếp hồ sơ có trật tự, theo từng file hồ sơ riêng, mỗi tập hồ sơ phải ghi tên cụ thể để dễ dàng nhận biết và tra cứu.

Đối với hồ sơ có số lượng nhiều hay hồ sơ có kích thước lớn thì dùng ngăn tủ chứa.

** Lưu giữ, bảo quản hồ sơ:*

Thành viên kiểm soát hồ sơ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo quản và bảo vệ hồ sơ cẩn thận: cất giữ ở nơi khô ráo, sạch sẽ thoáng mát tránh độ ẩm cao và đủ rộng để chứa hồ sơ. Các tủ kệ chứa hồ sơ phải được đặt nơi thuận tiện cho việc tìm và truy xuất hồ sơ, không để những nơi dễ cháy, không để mối mọt, thất lạc.

Đối với các loại hồ sơ được lưu trữ trên máy tính, thành viên kiểm soát hồ sơ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và đảm bảo hồ sơ được lưu theo đúng quy định. Máy vi tính cần cài phần mềm chống virus.

Thành viên kiểm soát hồ sơ chịu trách nhiệm bảo toàn tình trạng hồ sơ đã được lập, không tự ý sửa chữa, tẩy xóa, sao chép, làm mất một phần hoặc toàn bộ nội dung. Nếu cần chỉnh sửa thì dùng thước gạch bỏ nội dung cũ (không dùng bút chì hay bút xóa), điền nội dung mới kế bên và có chữ ký xác nhận của Trưởng nhóm hoặc người được ủy quyền.

Tất cả các hồ sơ, tài liệu của Nhóm phải được lưu trữ trong vòng 5 năm.

Sử dụng hồ sơ, mượn hồ sơ:

Các đơn vị khác muốn tham khảo, tra cứu hồ sơ của nhóm thì phải được sự đồng ý của Trưởng nhóm. Khi sử dụng phải bảo quản và chịu trách nhiệm về hồ sơ đang giữ, không được tự ý sửa chữa tẩy xóa. Sau khi sử dụng xong, các đơn vị mượn phải có trách nhiệm trả lại hồ sơ đã cho mượn đúng như hiện trạng ban đầu.

Thành viên kiểm soát hồ sơ phải xuất trình hồ sơ khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền và không được cung cấp cho cá nhân, tổ chức ngoài Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự đồng ý của Trưởng nhóm.

Quản lý hồ sơ, hủy hồ sơ:



Tất cả các loại hồ sơ được kiểm soát, thành viên quản lý hồ sơ rà soát hồ sơ hết hạn, lập Biên bản hủy hồ sơ (*nếu cần*) và trình Trưởng nhóm phê duyệt.

Bước 7: Đánh giá và soát xét/cập nhật tài liệu:

Trong quá trình sử dụng tài liệu không được tự ý tẩy xóa, bổ sung tài liệu.

Khi nhận thấy tài liệu không còn phù hợp hay hết hạn thì phải thay đổi, bổ sung,... tiến hành đề xuất lên Trưởng nhóm để biên soạn hay chỉnh sửa.

Các đơn vị, thành viên lưu trữ và quản lý tài liệu theo hệ thống, dễ truy tìm, có sẵn nơi sử dụng.



QTQLN 11. QUY TRÌNH, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG; BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG, NGHỀ NGHIỆP

I. Căn cứ pháp lý:

- Bộ luật Lao động 2019
- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015
- *Thông tư 28/2021/TT-BLĐTBXH*

II. Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động

2. 1. Giải quyết tranh chấp lao động là gì?

Căn cứ khoản 1 Điều 179 Bộ luật Lao động 2019 quy định:

“Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.”

2.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

Theo quy định tại Điều 180 Bộ luật lao động năm 2019 cụ thể:

- Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động.
- Coi trọng giải quyết tranh chấp lao động thông qua hòa giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.
- Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.
- Bảo đảm sự tham gia của đại diện giữa các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.
- Việc giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được các bên tranh chấp đồng ý.

Lưu ý: Theo quy định tại Điều 186 Bộ luật lao động năm 2019 về cấm hành động đơn phương trong khi tranh chấp lao động đang được giải quyết, cụ thể:

“Khi tranh chấp lao động đang được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn theo quy định của Bộ luật này thì không bên nào được hành động đơn phương chống lại bên kia”.

2.3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân

Theo quy định tại Điều 187 Bộ luật lao động 2019, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân bao gồm:

- Hòa giải viên lao động.
- Hội đồng trọng tài lao động.
- Tòa án nhân dân.



2.4. Trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân của hòa giải viên lao động

Theo quy định tại Điều 188 Bộ luật lao động 2019:

- Tranh chấp lao động cá nhân phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải:
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hòa giải viên lao động nhận được yêu cầu từ bên yêu cầu giải quyết tranh chấp hoặc từ cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 181 của Bộ luật này, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải.
- Tại phiên họp hòa giải phải có mặt hai bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên họp hòa giải.
- Hòa giải viên lao động có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các bên thương lượng để giải quyết tranh chấp.

Trường hợp các bên thỏa thuận được, hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được, hòa giải viên lao động đưa ra phương án hòa giải để các bên xem xét. Trường hợp các bên chấp nhận phương án hòa giải thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.

Trường hợp phương án hòa giải không được chấp nhận hoặc có bên tranh chấp đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản hòa giải không thành phải có chữ ký của bên tranh chấp có mặt và hòa giải viên lao động.

- Bản sao biên bản hòa giải thành hoặc hòa giải không thành phải được gửi cho các bên tranh chấp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp một trong các bên không thực hiện các thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành thì bên kia có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết.

Trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải hoặc trường hợp hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc trường hợp hòa giải không thành thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn một trong các phương thức sau để giải quyết tranh chấp:

- Yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;
- Yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Giải quyết tranh chấp lao động cá nhân của Hội đồng trọng tài lao động

Theo quy định tại Điều 189 Bộ luật lao động 2019

- Trên cơ sở đồng thuận, các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết tranh chấp trong trường hợp có quyền lựa chọn. Khi yêu cầu Hội đồng trọng tài



lao động giải quyết tranh chấp, các bên không được đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp quy định tại mục (4).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp theo, Ban trọng tài lao động phải được thành lập để giải quyết tranh chấp.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ban trọng tài lao động được thành lập, Ban trọng tài lao động phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên tranh chấp.
- Trường hợp hết thời hạn quy định ở mục (2) mà Ban trọng tài lao động không được thành lập hoặc hết thời hạn quy định ở mục (3) mà Ban trọng tài lao động không ra quyết định giải quyết tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. (4)
- Trường hợp một trong các bên không thi hành quyết định giải quyết tranh chấp của Ban trọng tài lao động thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải

Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động;

Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại.

2.7. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền: Tranh chấp về quyền là tranh chấp giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động phát sinh.

Thứ nhất: hoà giải tại hoà giải viên lao động.

Thủ tục và nội dung giải quyết của hoà giải viên lao động với tranh chấp lao động tập thể về quyền tương tự như giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. Biên bản hoà giải không thành sẽ được lập trong trường hợp các bên không nhất trí với phương án hoà giải của hoà giải viên hoặc triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà một bên tranh chấp vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đối với các tranh chấp về sự khác nhau trong hiểu và thực hiện quy định pháp luật hoặc người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử, thao túng tổ chức đại diện người lao động (điểm b, c khoản 2 Điều 179 Bộ luật lao động năm 2019) mà xác định có hành vi vi phạm pháp luật thì hoà giải viên lập biên bản và chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

Thứ hai: giải quyết tại hội đồng trọng tài lao động hoặc toà án. Trong trường hợp hai bên tranh chấp lao động tập thể về quyền tiến hành hoà giải tại hoà giải viên lao động không thành hoặc hoà giải thành nhưng một bên không thực thi biên bản hoà giải hoặc hết hạn giải



quyết theo quy định mà hoà giải viên lao động không giải quyết vụ việc thì hai bên có thể thoả thuận yêu cầu hội đồng trọng tài lao động giải quyết những tranh chấp, một trong hai bên hoặc cả hai bên được yêu cầu toà án giải quyết tranh chấp.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết, ban trọng tài lao động phải được thành lập để giải quyết tranh chấp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thành lập ban trọng tài phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên tranh chấp. Trường hợp phát hiện ra tranh chấp có hành vi vi phạm pháp luật thì không ra quyết định giải quyết mà lập biên bản, chuyển hồ sơ, tài liệu tới cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

2.8. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích:

Đây là tranh chấp giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động bao gồm: tranh chấp lao động phát sinh trong quá trình thương lượng tập thể hoặc khi một bên từ chối hoặc không tiến hành thương lượng trong thời hạn luật định. Trình tự thủ tục được quy định tại điều 196, điều 197 Bộ luật lao động 2019:

Thứ nhất: hoà giải tại hoà giải viên lao động. Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích tại hoà giải viên lao động tương tự như thủ tục giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, tập thể về quyền. Kết quả của bước hoà giải này là biên bản hoà giải thành hoặc biên bản hoà giải không thành. Trường hợp hoà giải thành, biên bản hoà giải thành có giá trị pháp lý như thoả ước lao động tập thể tại doanh nghiệp (Khoản 2 Điều 196 Bộ luật lao động năm 2019). Trong trường hợp hoà giải không thành hoặc hết thời hạn hoà giải mà hoà giải viên không tiến hành hoà giải hoặc một trong hai bên không thực hiện thoả thuận trong biên bản hoà giải thành thì có quyền lựa chọn phương thức yêu cầu hội đồng trọng tài lao động giải quyết hoặc tổ chức đại diện người lao động tiến hành đình công (Khoản 3 Điều 196 Bộ luật lao động năm 2019).

Thứ hai: giải quyết tranh chấp tại hội đồng trọng tài lao động. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích của hội đồng trọng tài lao động được quy định tại Điều 196 và Điều 197 Bộ luật lao động năm 2019. Trên cơ sở đồng thuận, các bên tranh chấp có quyền yêu cầu hội đồng trọng tài giải quyết, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp ban trọng tài lao động phải được thành lập và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập, ban trọng tài phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên. Khi lựa chọn phương thức giải quyết qua hội đồng trọng tài, tổ chức đại diện người lao động không được tiến hành đình công trong thời gian hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp.

Trong trường hợp hết thời hạn quy định mà ban trọng tài lao động không được thành lập hoặc không ra quyết định về vụ việc trong thời hạn luật định hoặc người sử dụng lao động không thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp của ban trọng tài, thì tổ chức đại diện người lao động là bên tranh chấp có quyền tiến hành thủ tục đình công.



III. Bồi thường tai nạn lao động, nghề nghiệp, các thiệt hại khác

3.1. Đối với các trường hợp về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp với mức:

+ Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

+ Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

+ Người lao động bị tai nạn do lỗi của chính họ hoặc gặp tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn. Khi đó họ sẽ nhận được ít nhất 40% mức bồi thường như trường hợp trên.

+ Nếu người sử dụng lao động đã mua bảo hiểm tai nạn cho người bị tai nạn lao động. Nhưng số tiền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm trả cho người bị tai nạn lao động thấp hơn mức quy định thì người sử dụng lao động phải trả phần còn thiếu để tổng số tiền người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân của người bị tai nạn lao động nhận được ít nhất bằng mức bồi thường, trợ cấp được quy định. Nếu người sử dụng lao động không mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động thì phải chi trả toàn bộ chi phí y tế cũng như các khoản bồi thường theo đúng quy định.

3.2. Đối với các trường hợp giải quyết khiếu nại hoặc các cá nhân bị ảnh hưởng do hoạt động quản lý của nhóm gây ra:

- Mức bồi thường thiệt hại giữa hai bên sẽ tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Ban quản lý nhóm sẽ xem xét trên cơ sở có tình có lý mà hai bên có thể chấp nhận được tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể về mức độ thiệt hại, ảnh hưởng mà đưa ra phương án bồi thường hoặc xử lý.

IV. Lưu hồ sơ

Việc lưu hồ sơ được thực hiện bởi ban quản lý trong thời gian 05 năm, hoặc khi có văn bản thay thế, bổ sung.



PHỤ LỤC B: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG

QTQLR - 01. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Xử lý thực bì và làm đất	
Xử lý thực bì (Không đốt)	- Có thể sử dụng máy cắt cỏ (nếu độ dốc $< 15^\circ$), hoặc thủ công bằng dao, rựa. - Phát thực bì toàn diện, hoặc theo băng (nếu độ dốc $> 20^\circ$) - Chừa lại hành lang ven suối (nếu có) tối thiểu 5 m tính từ mép nước theo quy trình bảo vệ hành lang ven suối. Bảo vệ các loài cây tái sinh tự nhiên nhằm đảm bảo ĐDSH. - Nếu trồng lại sau khai thác: băm nhỏ cành nhánh và rải đều trên rừng hoặc gom theo đường đồng mức.
Xử lý thực bì (Đốt có kiểm soát)	- Hạn chế đốt thực bì và cành nhánh sau khai thác - Nếu phải đốt thực bì, thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro ở các khu vực nhạy cảm: + Khoanh vùng khu vực cần đốt: thực bì được gom thành đống hoặc thành hàng, mỗi hàng rộng 2-3 m, hàng cách hàng 2- 3m trước khi đốt, và tránh các khu vực rủi ro cao như những nơi kiểm soát lửa khó khăn, các thảm thực vật dễ cháy lan, rừng vùng đệm, xung quanh hồ nước, nhà ở hoặc rừng tự nhiên; + Kiểm tra cấp dự báo cháy rừng của kiểm lâm; - Thời điểm đốt: Đốt lúc gió nhẹ, vào buổi sáng hoặc buổi chiều tối (Mùa hè đốt vào thời điểm từ 5 - 8 giờ và từ 16 - 18 giờ trong ngày; mùa đông đốt từ 6 - 9 giờ và từ 15 - 17 giờ trong ngày). - Kỹ thuật đốt: + Đốt thực bì để trồng rừng: đốt lần lượt từng đám thực bì, thứ tự từ trên đỉnh đồi xuống chân đồi; nơi đất bằng thì đốt lần lượt từ đám vật liệu cuối chiều gió cho đến dải vật liệu cuối cùng. + Đốt thực bì theo đường băng cản lửa: đốt lần lượt từng dải nhỏ, khống chế không cho ngọn lửa quá cao hoặc cháy lớn lan sang thực bì hai bên đường băng.
Mật độ trồng	- Nếu trồng rừng gỗ nhỏ: mật độ từ 2.500 cây/ha – 3.500 cây/ha (cây cách cây 2x2 m hoặc cây cách cây 1,8 x 2 m) - Nếu trồng rừng gỗ lớn: 2.000 cây/ha (cây cách cây 2x2,5m)
Cuốc hố	- Cuốc hố thủ công hoặc bằng máy (nếu độ dốc $< 15^\circ$), độ dốc lớn hơn phải cuốc hố thủ công - Kích thước hố tối thiểu 30×30×30cm - Cự ly hố tùy thuộc vào mật độ và mục đích kinh doanh đã lựa chọn - Hố cuốc theo đường đồng mức (nhằm hạn chế xói mòn), hàng trên và hàng dưới so le nhau theo hình nanh sấu. - Khi cuốc hố, gạt lớp đất mặt sang bên phải và đất ở tầng sâu hơn sang



	bên trái miệng hố. Khi lấp hố cho lớp đất mặt xuống trước sau đó đến đất ở tầng sâu.
Bón lót phân bón	- Bón lót: hạn chế sử dụng phân bón hóa học (nếu trường hợp phải bón thì bón 100 – 200 gram/hố), nên bón phân hữu cơ vi sinh hoặc phân chuồng hoai mục - Bón phân vào hố, lấp lớp đất mặt dày khoảng 5cm để phủ kín phân. - Tốt nhất nên bón phân khoảng 10-15 ngày trước khi trồng
2. Kỹ thuật trồng rừng	
Mùa vụ trồng	- Tốt nhất là vụ xuân: từ tháng 2 đến tháng 4; - Vụ thu: từ tháng 8 đến tháng 12.
Cây giống	- Cây con có bầu, kích thước bầu tối thiểu 6 x 10 cm. - Mua cây từ vườn ươm có nguồn gốc giống rõ ràng; - Cây khỏe mạnh, phát triển tốt, cân đối, không bị sâu bệnh, gãy ngọn - Tuổi cây mô: 02-05 tháng - Tuổi cây hom: 2.5- 4 tháng - Đường kính cổ rễ từ 0,3 – 0,4 cm, chiều cao 25-35 cm. - Cây một thân, rễ cây phát triển tốt, có 10 – 15 lá/cây. - Trước khi bóc cây phải tưới đủ ẩm tại vườn ươm; - Khi bóc xếp phải nhẹ nhàng, tránh làm vỡ bầu, che đậy cẩn thận
Trồng rừng	- Bóc bỏ vỏ bầu của cây con trước khi trồng, tránh làm vỡ bầu - Đặt cây ngay ngắn vào hố, mặt bầu thấp hơn miệng hố 3-4 cm - Lấp đất đầy hố, cao hơn cổ rễ 1- 2cm, ưu tiên lấp đất mặt trước; - Dùng chân nén chặt hai bên gốc cây, tránh làm vỡ bầu cây và giữ cây không bị nghiêng ngã; - Cây đã mang ra rừng phải trồng hết trong ngày, không để qua ngày - Sau khi trồng phải gom toàn bộ rác thải (túi bầu, túi đựng cây) để xử lý theo quy định.
Trồng dặm	- Sau khi trồng 7 – 10 ngày, tiến hành trồng dặm tại các vị trí cây chết, không để quá lâu hạn chế việc các cây trồng dặm không phát triển kịp với cây trồng trước.



QTQLR - 02. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Chăm sóc rừng	
Xới, phát cỏ	- Chỉ tiến hành khi rừng chưa khép tán (khoảng 2 năm đầu) - Chăm sóc năm thứ nhất: + Chăm sóc 2 - 3 lần/năm vào trước mùa mưa. + Dẩy cỏ xung quanh gốc đường kính 0,5 m. Xới đất vun gốc. + Phát dọn thực bì, cắt bỏ dây leo quấn quanh cây trồng - Chăm sóc năm thứ 2: + 1- 2 lần/năm, vào vụ xuân và hè thu. + Phát dọn thực bì, gỡ bỏ dây leo quấn quanh thân cây, tỉa cành nhánh tạo tán cho cây, khôi phục mọc lô, ranh giới lô đầy đủ.
2. Bảo vệ rừng	
Bảo vệ rừng	- Thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng. - Thực hiện theo dõi, giám sát, kiểm tra phát hiện kịp thời các dấu hiệu vi phạm, lập biên bản tình trạng vi phạm, có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời. - Phối hợp với các bên liên quan để phòng chống cháy rừng, bảo vệ tài sản, phòng ngừa khai thác trộm,... - Tuyên truyền vận động người dân sống trên địa bàn không lấn thả gia súc trên diện tích rừng trồng, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp răn đe, xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp thả rông gia súc phá hoại rừng trồng. - Phát hiện sớm sâu bệnh hại rừng để có biện pháp phòng chống kịp thời - Đối với việc xử lý thực bì, hạn chế và không khuyến khích dùng lửa. Tuy nhiên một số trường hợp bất khả kháng, yêu cầu phải đốt để xử lý thực bì, hộ gia đình cần thực hiện các hoạt động sau: + Tiến hành đánh giá tác động môi trường nhằm xác định các loài động thực vật có giá trị (khu vực rừng có giá trị bảo tồn cao). Khi phát hiện có các giá trị này thì diện tích sẽ được chừa lại, tách khỏi diện tích thiết kế rừng trồng. + Chừa lại những hệ sinh thái quý hiếm để bị tổn thương, chừa lại một số cây chết, cây gãy đổ làm nơi cư trú cho các loài côn trùng. + Phòng chống cháy rừng bằng cách triệt để quản lý lửa rừng trong phát



	dọn thực bì: vệ sinh rừng bằng cách gom cành cây lại thành đường băng song song với đường đồng mức để hạn chế xói mòn đất, hoặc gom thành từng khóm nhỏ ở nơi không thể làm đường băng và đốt thành từng khóm có quản lý lửa rừng, đốt vào chiều tối hoặc sáng sớm đốt từ trên xuống dưới, đốt ngược hướng gió thổi. + Thông báo với các bên liên quan, cơ quan xử quản lý và các đơn vị cá nhân về kế hoạch đốt xử lý thực bì. + Phát dọn đường ranh cản lửa giữa các khu vực với bề rộng ít nhất 5m, - Có kế hoạch bảo vệ động vật, thực vật các vùng lân cận nếu công tác trồng rừng, khai thác rừng trồng có ảnh hưởng. - Đối với những diện tích có độ dốc lớn, khe suối rộng cần phải chừa lại, quan tâm bảo vệ hành lang ven sông, suối. Diện tích bảo vệ phụ thuộc bề rộng mặt nước của dòng sông suối trên thực địa
--	---



QTQLR - 03. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục tiêu	Quy trình này hướng dẫn việc quản lý lửa rừng trong các hoạt động dọn dẹp thực bì để trồng rừng và các hướng dẫn phòng chống cháy rừng cũng như đối phó với các tình huống xảy ra cháy rừng
Nguyên nhân cháy rừng	- Do con người: Đốt thực bì, đốt ong, thấp hương, đốt vàng mã gần hoặc trong lô rừng, hút thuốc lá trong rừng, sử dụng chất nổ, ... - Do tự nhiên: Sấm sét, nắng nóng, khô hạn,...
Thời điểm dễ xảy ra cháy	- Vào mùa khô hạn (tháng 4 -8 hàng năm) - Mùa thu hoạch lâm sản ngoài gỗ trong rừng trồng hoặc thủy sản ven kênh rạch trong rừng trồng. - Mùa khai thác rừng, vật liệu cháy nhiều, người dân đốt thực bì
Địa điểm dễ xảy ra cháy rừng	- Khu vực gần khu dân cư, người dân hay đốt rác; - Khu vực gần nghĩa trang, người dân thấp hương, đốt vàng mã - Khu vực sau khai thác rừng, người dân đốt thực bì để trồng lại rừng
Biện pháp phòng cháy chữa cháy	- Tạo băng cản lửa: - o Lợi dụng các đường vận xuất gỗ để làm băng trắng cản lửa - o Có thể dùng những loài cây bản địa có vỏ dày, chịu lửa tốt ở địa phương trồng quanh lô làm băng cản lửa - o Tận dụng tối đa hệ thống hành lang sông suối, ao hồ, đường giao thông để làm băng cản lửa - Quản lý vật liệu cháy: - o Những nơi có nguy cơ cháy cao có thể làm giảm vật liệu cháy bằng cách thu gom bớt cành nhánh để làm củi đun; - o Sau khai thác nên chặt nhỏ cành nhánh rải đều trên rừng, không nên để dồn thành đống dễ xảy ra cháy lớn khó kiểm soát. - Phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng: - o Thường xuyên tuần tra, phát hiện sớm những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để có biện pháp ngăn chặn - o Tuyên truyền vận động người dân địa phương không sử dụng lửa trong và gần rừng, đặc biệt vào mùa khô hạn - o Cắm mốc, biển cảnh báo nguy cơ cháy rừng ở những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để người dân nâng cao ý thức phòng chống cháy - Đập đám cháy:



	○ Khi xảy ra cháy, kêu gọi người dân địa phương tham gia dập lửa, ○ Sử dụng các phương tiện tại chỗ để dập lửa ○ Liên lạc với kiểm lâm, chính quyền địa phương, và các cơ quan đoàn thể khác để tăng cường lực lượng tham gia chữa cháy ○ Đảm bảo an toàn tính mạng con người khi tham gia dập lửa - Sau khi xảy ra cháy rừng: ○ Tìm hiểu nguyên nhân cháy rừng, tiến hành thống kê thiệt hại ○ Báo cáo cơ quan quản lý để có giải pháp khắc phục ○ Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến đám cháy để đưa vào báo cáo
Giải pháp thực hiện	- Phối hợp với kiểm lâm, chính quyền và người dân địa phương cùng tham gia phòng chống cháy rừng; - Thành lập các tổ bảo vệ rừng, tăng cường tuần tra phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng; - Tạo bộ dụng cụ dập lửa tại chỗ để sử dụng khi xảy ra cháy rừng - Xây dựng phương án phòng chống cháy rừng hằng năm cho nhóm - Tập huấn phòng cháy chữa cháy cho chủ rừng và người dân xung quanh



QTQLR – 04: QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN

A. QUY TRÌNH QUẢN LÝ PHÂN BÓN

1. Nguyên tắc sử dụng hóa chất

Tuyệt đối không sử dụng hoá chất trong mục đích bón phân, BVTV, kích thích sinh trưởng thuộc danh mục cấm của FSC, WHO, tuân thủ và sử dụng phân bón được cấp phép lưu hành và sử dụng được quy định theo các văn bản pháp luật còn hiệu lực tại Việt Nam căn cứ Nghị định 84/2019/NĐ-CP và thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam.

Hạn chế sử dụng các loại phân bón là hóa chất, cho dù được cho phép bởi các tổ chức nói trên.

Tăng cường sử dụng phân vi sinh, phân hữu cơ, khi hiệu quả và giá thành tương đương.

Hoá chất sử dụng phải được mua hoặc cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, có chứng từ xác minh, có lưu nhãn mác .

Người sử dụng phải qua tập huấn, khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường

2. Quy trình kiểm soát sử dụng phân bón

Đối tượng áp dụng : Các khu rừng non từ 1 đến 3 tuổi, rừng sau khai thác canh tác từ 2 chu kỳ trở lên.

Nội dung : Kiểm tra giám sát, thu thập thông tin, tài liệu hóa về phân bón hóa học được sử dụng tại khu vực đảm bảo nguyên tắc của tiêu chí 10.6 của bộ tiêu chuẩn FSC

Quy trình kiểm soát sử dụng phân bón :

- Nguồn phân bón hóa học và phân vi sinh phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ mua bán tại cơ sở kinh doanh phân bón, cửa hàng phân bón. Loại phân bón phải được cấp phép lưu hành và đăng ký lưu hành theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP và thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT

- Lưu trữ, trích xuất thông tin phân bón hóa học được sử dụng và cơ sở đánh giá các giá trị môi trường khi sử dụng phân bón hóa học

B. QUY TRÌNH SỬ DỤNG PHÂN BÓN HÓA HỌC

1. Nguyên tắc

1.1 Đúng loại đất

Mỗi loại đất trồng có đặc điểm và các tính chất hoá học, lý học, sinh học khác nhau. Các yếu tố dinh dưỡng trong đất có mối tác động qua lại cũng khác nhau, khi thì tương hỗ, lúc lại đối kháng và có mối liên quan rất chặt với độ phì nhiêu tự nhiên/loại đất nên cần lưu ý khi sử dụng các loại phân bón khác nhau.



Đối với đất phèn, đất dốc, chua: cần lưu ý bón cân đối giữa các phân bón đạm và lân. Trên các loại đất này, hiệu lực của đạm chỉ có thể phát huy khi bón trên nền có phân lân thông qua việc giảm đáng kể lượng N tiêu tốn để tạo ra một đơn vị sản phẩm.

Đối với các loại đất nghèo kali: cần lưu ý bón cân đối giữa các phân bón đạm và kali. Trên đất cát biển, đất xám bạc màu thường nghèo kali nên hiệu lực phân đạm có thể tăng lên gấp 2 lần khi có bón kali.

Đối với những loại đất thiếu hụt các nguyên tố dinh dưỡng trung lượng, vi lượng (trung lượng, vi lượng là yếu tố hạn chế) thì cần phải lưu ý bón cân đối giữa các phân bón đa lượng, trung lượng và vi lượng, đặc biệt là các mối quan hệ P-Ca, N-S, N-Mg, và vi lượng. Ngoài ra, đất chua không bón các loại phân có tính axit. Ngược lại, trên đất kiềm không nên bón các loại phân có tính kiềm.

1.2 Đúng loài cây

Keo lai thuộc họ đậu (Fabaceae) họ phụ trinh nữ (Mimosaceae), là cây gỗ nhỏ, lá rộng thường xanh, mọc nhanh, có chu kỳ kinh doanh ngắn. Ngoài tác dụng về cung cấp gỗ, củi, do có nấm cố định đạm cộng sinh ở bộ rễ, bộ tán dày, keo tai tượng còn có tác dụng cải tạo đất và môi trường sinh thái.

Rễ có nhiều nốt sần có khả năng cố định đạm rất tốt, nên Keo tai tượng nói riêng và các loài keo nói chung, ngoài việc sử dụng để trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ, còn được trồng ở những nơi có đất khô cằn, bị thoái hoá để tận dụng khả năng cải tạo đất của chúng.

1.3. Đúng liều lượng

Bón phân tổng hợp (NPK) :

- Bón lót: Loại phân và lượng phân bón cho mỗi cây 100-200 gr/hố + (nếu có điều kiện) 500gr phân bón hữu cơ vi sinh.
- Bón thúc: phân NPK 100 -200 gr/hố

1.4. Đúng thời điểm

- Bón lót: bón trước khi trồng 7-10 ngày
- Bón thúc: bón ở lần chăm sóc đầu mùa mưa của năm thứ 2

1.5 Đúng cách

Kỹ thuật bón phân

Kỹ thuật bón phân tổng hợp NPK:

- Bón lót toàn bộ phân lân và kali dưới đáy hố, sau đó lấp đất dày khoảng 5 cm, phân hữu cơ vi sinh đã được trộn đều với đất được lấp lên trên cho tới khi đầy hố. Sau khi bón phân ít nhất 1 tuần tiến hành trồng cây.

Phân NPK được bón phân xuống một góc ở đáy hố với kích thước hố tối thiểu rộng 30 × 30 cm và sâu 30 cm, sau đó lấp đất dày khoảng 5cm, phân hữu cơ vi sinh đã được trộn đều với đất được lấp lên trên cho tới khi đầy hố. Sau khi bón phân ít nhất 1 tuần tiến hành trồng cây.

- Bón thúc: cuốc sâu 10 cm quanh gốc, cách gốc cây khoảng 0,8-1,0 m, bón phân xuống rồi lấp đất kín phân.



2. An toàn trong bảo quản và sử dụng phân bón

Phân bón phải được bảo quản một cách an toàn trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và sử dụng nhằm chống thất thoát, cháy nổ, suy giảm chất lượng, khối lượng, gây ô nhiễm môi trường và làm ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế và xã hội khác. An toàn trong bảo quản và sử dụng phân bón còn làm tăng hiệu quả kinh tế.

An toàn trong bảo quản phân bón là biện pháp, hoạt động trong quá trình bảo quản phân bón nhằm đạt các tiêu chuẩn qui định về an toàn bảo đảm hàng hóa nói chung và phân bón nói riêng. Các qui định cụ thể phụ thuộc vào số lượng, chất lượng phân bón, qui cách đóng gói và các biện pháp sử dụng về sau:

- Bao gồm an toàn kho chứa và vận hành
- An toàn khi bốc dỡ
- An toàn trước các nguy cơ cháy nổ
- An toàn trong việc bảo quản và lưu giữ số liệu (xuất, nhập)
- An toàn trong việc bảo đảm chất lượng và số lượng
- An toàn cho con người và môi trường tại nơi bảo quản và khu vực xung quanh An toàn khi có các nguy cơ, sự cố về môi trường.



QTQLR - 05. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG

I. MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần quản lý vấn đề về dịch hại?

Mục đích của hoạt động này là nhằm ngăn chặn các dịch bệnh hại rừng có thể xảy ra bằng cách thực hiện tốt các hoạt động quản lý rừng và vệ sinh rừng.

Quan trọng hơn nữa là để đạt được mục tiêu về chứng chỉ rừng thì cần quản lý tốt các vấn đề về môi trường do tổ chức cấp chứng chỉ rừng quốc tế và pháp luật hiện hành Nhà nước Việt Nam đặt ra.

II. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

Các biện pháp quản lý sau đây, theo thứ tự ưu tiên, sẽ được thực hiện để ngăn chặn và giảm thiểu các vấn đề dịch hại:

1. Chọn lập địa cùng các loài cây thích hợp cho phương thức trồng rừng bền vững (hỗn giao hay thuần loài).
2. Sử dụng biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp.
3. Điều tra các dịch bệnh có thể/thường xảy ra tại khu vực, đánh giá mức độ tác động của chúng, thường xuyên giám sát các quần thể dịch hại nghiêm trọng.
4. Đưa ra quyết định quản lý dựa trên tất cả các thông tin sẵn có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật lâm sinh và đặc tính của sâu bệnh hại rừng.

Phương pháp kiểm soát bùng phát dịch theo thứ tự ưu tiên là gì?

1. Kỹ thuật về lâm sinh hoặc sinh thái (chặt chọn, chặt làm sạch rừng).
2. Kiểm soát bằng biện pháp sinh học với tác nhân gây bệnh (ký sinh trùng, thiên địch)
3. Kiểm soát bằng cách sử dụng hóa chất cho phép trên cơ sở chọn lọc và tính hiệu quả. Nhóm thuốc trừ sâu 1A và 1B do Tổ chức Y tế Thế giới phân loại, thuốc trừ sâu có chứa hydrocarbon clo, thuốc trừ sâu độc hại hoặc bất kỳ loại thuốc trừ sâu bị hạn chế theo công ước quốc tế, sẽ bị cấm.

➤ **Sử dụng tác nhân kiểm soát sinh học:**

Bất cứ loại tác nhân kiểm soát sinh học nào đều phải được phê duyệt của tổ chức cấp chứng chỉ trước khi sử dụng. Nói chung sinh vật biến đổi gen không được phép sử dụng.

➤ **Sử dụng thuốc trừ sâu:**

Thuốc trừ sâu chỉ được phép được sử dụng nếu điều đó hoàn toàn cần thiết. Mọi hoạt động sử dụng phải được báo cáo cho Quản lý nhóm. Quản lý nhóm phải báo cáo việc sử dụng thuốc trừ sâu cho Cơ quan cấp chứng chỉ trước khi sử dụng chúng.

Lưu trữ báo cáo như thế nào?



Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh hại rừng dù được áp dụng như thế nào và bằng phương pháp nào thì đều phải được lưu trữ để làm bằng chứng sau này:

- Giữ lại một bản báo cáo về đánh giá rủi ro của quá trình sử dụng, chi tiết của qui trình đó cần được tuân thủ khi thao tác sử dụng thuốc trừ sâu, tuân thủ các luật và qui định hiện hành
- Ghi chép lại phương pháp sử dụng, người thực hiện, ở đâu và khi nào, và điều kiện thời tiết lúc đó. Dựa trên thông tin này, trong tương lai, vùng được cấp chứng có thể được hỏi đánh giá cho một bản báo cáo đơn giản tóm tắt việc dùng các phương pháp khác nhau và từng thành phần hoạt chất được sử dụng.
- Ghi lại quá trình quyết định và lý do để chọn phương pháp dùng hóa chất hoặc không có hóa chất.
- Lưu lại các hồ sơ này để có thể tra cứu sau này.



QTQLR- 06. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV AN TOÀN HIỆU QUẢ

Để sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả cần phải tuân thủ một số nguyên tắc sau: tuân theo nguyên tắc 4 đúng, đảm bảo thời gian cách ly, đảm bảo an toàn khi sử dụng, cất giữ

1. Kỹ thuật của 4 đúng trong việc dùng thuốc BVTV:

1.1. Đúng thuốc:

Trước khi chọn mua thuốc, nông dân cần biết loại sâu, bệnh, cỏ dại gây hại mà mình cần phòng trừ. Không nên sử dụng cùng một loại thuốc trong suốt vụ hoặc từ năm này qua năm khác. Nên ưu tiên mua loại thuốc ít độc nhất. ưu tiên chọn mua loại thuốc có thời gian cách ly ngắn nhất.

Nên ưu tiên mua những loại thuốc có tác động chọn lọc (có hiệu lực trừ sâu bệnh cao nhưng tương đối ít độc đối với sinh vật có ích).

1.2. Đúng liều lượng:

Dùng thuốc với liều cao hơn khuyến cáo càng làm gia tăng nguy cơ bị ngộ độc của người đi phun thuốc, người sống ở gần vùng phun thuốc và người sử dụng nông sản có phun thuốc. Ngoài ra còn có nguy cơ cây trồng bị hại do thuốc liều lượng cao gây ra (nhất là khi dùng thuốc trừ cỏ).

1.3. Đúng lúc:

Đối với dịch hại đúng lúc là phun thuốc vào thời điểm mà dịch hại trên đồng ruộng dễ bị tiêu diệt nhất. Sâu hại thường mẫn cảm nhất đối với thuốc BVTV khi chúng ở giai đoạn sâu non tuổi nhỏ. Đối với thuốc trừ cỏ thì phải tùy theo đặc điểm của từng loại thuốc và sử dụng vào lúc thuốc có tác động mạnh nhất đến cỏ dại và ít có nguy cơ gây hại cho cây trồng.

Phun đúng lúc cũng là tránh phun thuốc khi trời sắp mưa to có thể làm rửa trôi hết thuốc trên mặt lá, thân cây. Phun thuốc vào lúc trời mát, không có gió to để thuốc bay vào mặt hoặc bay vào nhà ở gần nơi phun thuốc.

Phun đúng lúc là không phụ thuộc vào quá gần ngày thu hoạch nông sản. Phải tùy loại thuốc mà ngừng sử dụng trước khi thu hoạch một thời gian nhất định.

1.4. Đúng cách:

Dùng thuốc đúng cách thể hiện trước hết ở khâu pha thuốc. Pha thuốc đúng cách là làm thế nào để cho chế phẩm sử dụng được hoà thật đồng đều vào nước, như vậy khi phun thuốc sẽ được trang trải thật đều trên vật phun (lá cây, mặt đất...). Khâu tiếp theo của việc dùng thuốc đúng cách là phun rải thuốc trên rừng cho đúng cách. Phun rải thuốc đúng cách là làm sao cho thuốc BVTV tiếp xúc được với dịch hại nhiều nhất. Có những loại sâu hại chỉ tập trung phá ở gốc (ví dụ rầy nâu), có những loài chuyên sống trên lá, trên ngọn, lại có những



loài chỉ sống ở mặt dưới lá, ... Do vậy khi phun thuốc phải hướng sao cho tia tập trung vào nơi quy định phun.

Dùng thuốc đúng cách còn có nghĩa là không tự ý hỗn hợp nhiều loại thuốc BVTV với nhau để phun trên rừng. Khi hỗn hợp 2 hay nhiều loại thuốc BVTV cũng có trường hợp do phản ứng với nhau mà hỗn hợp sẽ giảm hiệu lực trừ dịch hại, hoặc dễ gây cháy lá cây, hoặc dễ gây độc cho người sử dụng. Do vậy chỉ thực hiện việc hỗn hợp nếu như điều đó có hướng dẫn trên nhãn thuốc hoặc trong các tài liệu khoa học kỹ thuật hướng dẫn dùng thuốc BVTV.

2. Đảm bảo thời gian cách ly từng loại thuốc BVTV trên từng loại cây trồng:

2.1. *Dư lượng thuốc BVTV trên cây trồng:*

Sau khi một loại thuốc BVTV được phun rải lên cây hoặc bón vào đất thì thuốc sẽ để lại trên mặt lá, thân cây và thông thường là cả ở bên trong các mô thực vật một lượng thuốc (hoạt chất) nhất định. Sau phun rải một thời gian (vài ngày, một vài tuần) lượng hoạt chất bám trên cây và tồn tại bên trong cây sẽ giảm dần do tác động của nhiều yếu tố: Do thời tiết (nắng mưa), do hoạt động phân huỷ thuốc của các men thực vật, do sự tăng trưởng của cây được gọi là dư lượng thuốc BVTV trên thân lá, trái, củ của cây trồng. Càng xa ngày phun rải thuốc thì dư lượng của thuốc bên ngoài và bên trong cây càng giảm thấp.

2.2. *Mức dư lượng tối đa cho phép:*

Một loại thuốc BVTV chỉ gây độc cho cơ thể người và động vật máu nóng, nếu như loại thuốc thâm nhập vào cơ thể với một lượng thấp hơn lượng giới hạn nói trên thì chưa gây hại cho cơ thể. Loại thuốc nào có độc tính càng cao (thuộc nhóm I) thì giới hạn đó càng thấp. Ngược lại loại thuốc nào có độc tính càng thấp (thuộc nhóm III) thì giới hạn đó càng cao.

Những lương thực và thực phẩm chứa dư lượng một loại thuốc BVTV ít hơn mức dư lượng tối đa cho phép thì được xem như vô hại đối với sức khỏe của người tiêu dùng. Ngược lại, những nông sản chứa dư lượng một loại thuốc BVTV vượt quá mức dư lượng tối đa cho phép thì không được dùng làm lương thực, thực phẩm cho người tiêu dùng.

2.3. *Thời gian cách ly:*

Thời gian của một loại thuốc BVTV đối với một loại nông sản là thời gian kể từ ngày phun loại thuốc đó lần cuối trong vụ đến ngày thu hoạch nông sản đã có phun thuốc. Thời gian cách ly có thể thay đổi từ một vài ngày đến một vài tuần tùy theo đặc tính khoa học, tùy theo độc tính của thuốc và tùy theo loại cây lương thực, thực phẩm được phun thuốc, tùy theo lượng thuốc dùng trên đồng cỏ. Thời gian cách ly dài hay ngắn còn tùy thuộc vào điều kiện thời tiết trong thời kỳ phun thuốc.

3. Đảm bảo an toàn trong khâu cất giữ tại nhà những thuốc BVTV chưa sử dụng hết:



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Những thuốc BVTV mua về chưa sử dụng hoặc dùng chưa hết phải được cất giữ trong các phòng riêng biệt, không dột khi bị mưa, có khoá cửa chắc chắn, xa nơi ở và chuồng trại gia súc.

Những dụng cụ đựng thuốc, bình bơm thuốc, quần áo bảo hộ lao động phải được giặt giũ, rửa sạch sẽ sau mỗi đợt phun thuốc và phải cất giữ trong kho riêng (cùng với nơi lưu trữ thuốc BVTV của gia đình). Tuyệt đối không được dùng các đồ dùng trong sinh hoạt (xô chứa nước ăn, chậu rửa rau vo gạo, muống, thìa, chén ăn cơm, ...) để đựng, pha thuốc.

Không trút đổ thuốc dư thừa, chưa dùng hết sang bất kỳ đồ đựng khác (vỏ chai bia, chai nước mắm, ...). Sau khi đã dùng hết thuốc không được dùng bao bì thuốc BVTV (chai thuốc, bịch thuốc BVTV) vào bất kỳ mục đích nào khác. Phải huỷ và chôn những bao bì này.



QTQLR -07. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	- Điều tra trữ lượng rừng trước khai thác - Giám sát tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất rừng trồng hàng năm phục vụ công tác dự báo sản lượng - Lập kế hoạch khai thác rừng lâu dài theo hướng bền vững
Điều tra ngoại nghiệp	- Bước 1: Lập ô đo đếm: ○ Ô hình chữ vuông, diện tích 100 m^2 ($10\text{m} \times 10\text{m}$) ○ Ô đo đếm được lập ở giữ khu rừng, không sát với bìa rừng ○ Mỗi ô đại diện theo: mô hình thi công trồng rừng, tuổi cây, loài cây trồng. ○ Các OTC được bố trí ở các vị trí đại diện của từng lô và các ô được bố trí đều ở các loại lập địa tốt, xấu, trung bình, tránh phân bố ở các vị trí đầu lóp. - Bước 2: Điều tra sinh trưởng: Trên ô tiêu chuẩn đo toàn bộ $D_{1,3}$, H_{vn} và xác định cấp phẩm chất của cây: + Đường kính ($D_{1,3}$) được đo bằng thước kẹp hoặc đo chu vi bằng thước dây rồi tính ra đường kính. + Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}) bằng thước đo cao Blumleis hoặc ước tính dựa vào chiều cao người cộng Sào Nứa,... đứng đo chiều cao cây . + Tính thể tích từng cây (V_{TB}) và tổng trữ lượng của ô (M). Ghi chép số liệu chu vi ($C_{1,3}$, cm) và chiều cao (H, m) vào phiếu điều tra sinh trưởng và trữ lượng rừng (Biểu 9E)



QTQLR - 08. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	- Đảm bảo tính an toàn lao động - Tối ưu hóa chất lượng gỗ do khai thác đúng kỹ thuật - Tận dụng tối đa các sản phẩm khai thác - Áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp nhằm giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường, sinh thái
1. Chuẩn bị trước khai thác	
Hình thức khai thác	- Khai thác trắng; chừa lại các cây gỗ lớn bản địa, cây tái sinh tự nhiên trên rừng nếu có. - Diện tích khai thác của một lô hoặc nhiều lô liền khoảnh không được vượt quá 20 ha trên địa hình dốc (độ dốc >25°).
Đánh giá tác động trước khai thác	- Trước khi khai thác phải đánh giá tác động môi trường, xã hội và những rủi ro tiềm ẩn của hoạt động khai thác (Biểu 9D và 11A) - Dựa vào các điểm phát hiện được (ví dụ: xói mòn đất, đường vận chuyển...), cán bộ giám sát khai thác phải đề xuất các hoạt động để ngăn ngừa và giảm thiểu các thiệt hại đến môi trường và người lao động do khai thác rừng có thể gây ra. Đề xuất này được đưa vào phương án khai thác rừng, cần được Ban quản lý nhóm CCR xác nhận và đại diện chủ sở hữu phê duyệt.
Đăng ký khai thác	- Đăng ký khai thác lên các Thành viên đại diện (Trưởng thôn/xóm), sau đó Thành viên đại diện tập hợp gửi về Ban quản lý nhóm, để Ban quản lý Nhóm phê duyệt, cấp mã số khai thác. - Lấy mã số đăng ký khai thác do Ban quản lý Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 cấp (Mã số khai thác tương ứng với mã ký hiệu lô rừng)
Chuẩn bị dụng cụ khai thác	- Dụng cụ khai thác: Cưa xăng, phải đảm bảo an toàn theo quy định của nhà sản xuất, dụng cụ hỗ trợ như nêm, búa. - Dụng cụ bảo hộ lao động phải đầy đủ, đảm bảo đúng quy định về an toàn lao động cho hoạt động khai thác gỗ. + Thợ cưa: Mũ BHLĐ cứng chịu lực tốt, có tấm chắn, có dụng cụ giảm tiếng ồn cho tai; Quần BHLĐ chống vết cắt, cưa; Giày BHLĐ có mũi sắt, thép hoặc chất liệu cứng chống va đập, bảo vệ bàn chân; Găng tay thợ cưa + Các công nhân khác có đồ BHLĐ phù hợp theo từng vị trí làm việc. - Phương tiện hỗ trợ vận xuất gỗ (thủ công, vận xuất bằng xuồng, ghe, bằng máy,...) phải được chuẩn bị đầy đủ - Túi cứu thương chứa các dụng cụ, thuốc sơ cấp cứu tại hiện trường.
Công nhân khai thác	- Công nhân tham gia khai thác được tập huấn về ATLĐ, sơ cấp cứu, khai thác tác động thấp.
Vệ sinh rừng và mở đường vận xuất trước khai thác	- Phát dọn thực bì, bụi rậm, dây leo quấn quanh cây trước khai thác. Tránh làm ảnh hưởng đến nơi ở hoặc tổ các loài sinh vật hoang dã, dọn dẹp thực bì nên mật liếp gọn gàng. - Hệ thống đường vận xuất phải được hoàn thiện trước khi khai thác. - Tận dụng tối đa các đường vận xuất đã có, hạn chế mở đường vận xuất quá dày, dễ gây ảnh hưởng đến môi trường và xã hội



Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
	- Cắt hạ những cây nằm trên tuyến đường vận xuất trước khi tiến hành khai thác (nếu có).
Lán trại cho công nhân	Đối với lô rừng có vị trí xa khu vực dân cư, nhà thầu thường làm lán trại nghỉ trưa, việc làm lán trại được thực hiện theo quy trình "Quy trình yêu cầu về lán trại, chỗ ở và vệ sinh an toàn thực phẩm" đã được ban hành trong sổ tay này.
Ký kết hợp đồng mua bán	- Lập OTC, đo đếm và tính toán trữ lượng và sản lượng gỗ khai thác. - Thống nhất với bên mua về trữ lượng và thỏa thuận giá trị của lô rừng - Ký kết hợp đồng mua bán theo quy trình COC. - Bên mua và bên bán phải thực hiện việc kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) theo quy định – QTQLN 07 - Hợp đồng khai thác và hồ sơ lâm sản (CoC) phải được lưu thành hai bản, bên mua lưu một bản và chủ rừng lưu một bản để đưa vào hồ sơ của hộ gia đình và nộp lại cho hợp tác xã quản lý
2. Khai thác và vận chuyển	
Chọn hướng đổ	- Tùy thuộc và địa hình để xác định hướng đổ của cây, từ đó xác định vị trí bắt đầu khai thác - Trước khi cắt cần xem xét hướng nghiêng của cây để xác định hướng đổ an toàn nhất - Khi khai thác nên bắt đầu từ bìa rừng - Các cây được cắt lần lượt từ ngoài vào, do đó hướng đổ thường hướng ra ngoài khoảng trống nơi đã khai thác - Tránh chặt hạ cây đổ ngang dòng kênh, đường vận xuất, vận chuyển, giảm thiểu hư hại chi các cây bản địa tái sinh tự nhiên - Hướng đổ của cây phải thuận lợi cho công việc tiếp theo như cắt khúc, chặt cành ngọn, thao tác bóc vác và vận chuyển từ đường nhánh... - Đảm bảo không có người hoặc động vật nằm trong phạm vi hướng đổ
Kỹ thuật cắt cây	- Mở miệng: - o Miệng được mở theo hướng đổ - o Cắt mở miệng ở khoảng cách 5cm hoặc thấp hơn so với mặt đất - o Cắt nhất đầu tiên vuông góc với thân cây, sâu 1/3 đường kính thân - o Góc cắt mở miệng, chéo từ trên xuống một góc khoảng 45°, gấp nhất cắt đầu ở điểm cuối (1/3 thân cây) tạo thành hình chữ "V". Tùy theo cấp kính của cây có thể mở miệng bằng 1 hoặc 2 mạch cưa: đối với những cây có đường kính $d < 20$ cm không cần cắt mở miệng - o Dùng búa hoặc tay để bẩy miếng gỗ hình chữ V nhằm mở miệng



Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
	- Cắt gáy: ○ Dùng cưa cắt gáy từ phía sau, hướng cắt vuông góc với gốc cây ○ Vị trí mũi cắt gáy cao hơn vị trí của lát cắt đầu tiên khoảng 2-3 cm (đường kính cây ≤ 30 cm) hoặc 3-5 cm (đường kính cây > 30 cm) ○ Để hạn chế tốc độ đổ của cây gỗ cần để lại một phần lõi gỗ giữa mạch cắt mở miệng và mạch cắt gáy gọi là bản lề có chiều rộng $2 \div 4$ (cm). ○ Cắt cho đến khi cây bắt đầu đổ thì rút cưa ra và tắt máy ○ Di chuyển ngay người ra hướng ngược với hướng đổ đã định sẵn để tránh cây bật gốc, đè lên người - Chiều cao góc chặt: Khoảng cách từ mặt đất đến mặt cắt gáy ($h = 1/3$ đường kính góc chặt). Nếu quá khó khăn do địa hình mà chiều cao góc chặt (h) có thể cao hơn nhưng không quá $1/2$ đường kính cây. Chiều cao góc chặt càng thấp càng tốt vì nó giúp tăng được sản lượng rừng. - Cắt cành, cắt khúc: ○ Sau khi hạ cây, dùng cưa hoặc dao cắt toàn bộ cành nhánh của cây: - Đối với những cây có kích thước nhỏ, khi đổ cây gỗ thường nằm sát mặt đất tiến hành cắt từ gốc đến ngọn. - Đối với những cây gỗ lớn khi đổ thường nằm chênh vênh, cách mặt đất một khoảng rất cao, cần hạ độ cao của tán lá để cho thân gỗ rơi xuống sát đất. Tiến hành cắt từ phía ngoài vào phía trong cành ○ Cắt khúc thân cây theo quy cách sản phẩm đặt hàng ○ Khi cắt không được đứng lên thân cây, hoặc phía căng thớ của cây gỗ. ○ Cây nằm ngang dốc phải kê gỗ chắc chắn mới được tiến hành cắt và khi cắt mạch cuối phải đứng trên dốc. - Bóc vỏ: Khuyến khích bóc vỏ trên rừng trước khi vận xuất gỗ ra ngoài <u>(riêng với gỗ sản xuất viên nén không cần bóc vỏ)</u>
Vận chuyển gỗ ra khỏi rừng	- Trên địa hình bằng phẳng có thể sử dụng máy để vận chuyển - Nếu địa hình dốc ($> 20^\circ$) nên áp dụng biện pháp vận xuất thủ công để giảm thiểu tác động đến môi trường - Bảo dưỡng đường vận xuất sau khai thác, tránh gây xói mòn đất, tắc nghẽn suối, kênh.
3. Vệ sinh rừng sau khai thác	



Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Vệ sinh rừng sau khai thác	- Vật liệu hữu cơ sau khai thác (cành nhánh, lá cây, vỏ cây,...) nên được chặt ngắn và rải đều trên lô để làm phân cho rừng - Thu gom rác thải bỏ đúng nơi quy định - Hạn chế đốt thực bì sau khai thác - Nếu buộc phải đốt thực bì thì tuân thủ theo quy trình xử lý thực bì (QTQLR – 01) - Kiểm soát cẩn thận khi đốt để không bị cháy lan sang lô rừng khác - Thu gom toàn bộ cành nhánh trong khu vực hành lang sông suối, ao hồ, ruộng vườn, đường xá xung quanh khu vực khai thác - Có giải pháp tu sửa, bảo vệ hoặc trồng cây khu vực đường vận xuất để giảm thiểu sồi mòn sau khai thác

QTQLR – 09: QUY TRÌNH YÊU CẦU VỀ LÁN TRẠI, CHỖ Ở VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Mục đích

- Đảm bảo những yêu cầu thiết yếu về điều kiện ăn, ở cho người lao động.
- Giúp cho người lao động có đủ sức khỏe cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ.

2. Yêu cầu

Lán trại phải đảm bảo những điều kiện tối thiểu về nơi ngủ nghỉ, sinh hoạt và dinh dưỡng của người dân, công nhân lâm nghiệp trong quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp như sau:

2.1 Lán trại

- Vị trí

- + Khu xây dựng lán trại phải ở vị trí thoáng mát, cao ráo, đảm bảo không bị ngập nước về mùa mưa, cách xa sông suối ít nhất 30 m.
- + Gần nguồn nước sạch có thể sử dụng cho sinh hoạt cá nhân;
- + Mỗi lều chỉ dành cho tối đa 16 người;

- Khu ngủ nghỉ

- + Mỗi nhóm công nhân được trang bị đầy đủ chiếu, màn chống muỗi, chăn;
- + Có hòm để đồ cá nhân;
- + Không chứa hóa chất, chất gây cháy, nổ, xăng, dầu trong khu lán trại của công nhân.

- Khu tắm giặt, vệ sinh

- + Có khu vệ sinh tắm giặt và vệ sinh
- + Nhà tắm, trang bị dụng cụ tắm giặt (*xà phòng, bột giặt, xô, chậu...*);
- + Nhà vệ sinh cầu phải thỏa mãn điều kiện: cự li không gây ô nhiễm đến lán trại, không gần sông suối, kín đáo, đào sâu xuống đất có mái che.



- Khu bếp

+ Có khu bếp trang bị xoong, nồi, bát, đũa, chậu rửa, lồng bàn, rổ rá cần thiết và phù hợp.

2.2 Nguồn nước phục vụ ăn uống, sinh hoạt

Người dân chủ động vận chuyển nước sạch từ nhà đi đến lán trại phục vụ nhu cầu cá nhân. Nguồn nước sông suối được tích trữ để tắm giặt, sinh hoạt.

2.3. Chế độ dinh dưỡng

- Khẩu phần ăn cho người lao động phải đảm bảo đầy đủ về chất lượng cần thiết thực phẩm giàu protein động vật (đạm động vật), có chất béo và có thực phẩm chứa cabonhydrat (*nhóm thực phẩm tinh bột*).

- Nguồn thực phẩm phải đảm bảo an toàn vệ sinh, các loại thịt phải qua kiểm dịch, không sử dụng nguồn hàng rong, không rõ nguồn gốc.

2.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Nhân viên cấp dưỡng phục vụ nấu ăn phải được đào tạo và/hoặc cung cấp các tài liệu dinh dưỡng cần thiết và tài liệu về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nguyên tắc quan trọng để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Lựa chọn thực phẩm an toàn:

Thực hiện tốt các quy định về phòng chống sinh vật gây hại, phòng chống lây nhiễm chéo trong quá trình sản xuất chế biến thực phẩm. Không sử dụng hoá chất, phụ gia thực phẩm nằm ngoài danh mục cho phép của Bộ y tế;

- Nấu chín thức ăn, trước khi ăn.

- Không tiếp xúc giữa thức ăn sống và chín.

- Thực hiện tổng vệ sinh tại khu vực nấu bếp, loại bỏ những vật dụng, đồ dùng không cần thiết, có đối sách với nguồn gốc gây bẩn. Yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm được đặt lên hàng đầu.

- Luôn luôn giữ gìn bếp ăn sạch sẽ, gọn gàng, vệ sinh

Quy định trên được áp dụng cho tất cả các hộ thành viên tham gia chứng chỉ rừng tuân theo nguyên tắc FSC. Hoạt động thực hiện chịu sự giám sát của đại diện nhóm chứng chỉ và tuân theo kế hoạch quản lý rừng bền vững đã được xây dựng.



QTQLR - 10. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

1. Quy định chung

- Quy trình áp dụng cho nhóm hộ nhằm xử lý rác thải từ hoạt động sản xuất lâm nghiệp của nhóm và rác thải vớt vào rừng do cộng đồng dân cư xung quanh.
- Các loại rác thải độc hại liên quan đến hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,... phải được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật và phải được thống kê và báo cáo hằng năm.
- Luôn tuân thủ bảo hộ và an toàn lao động khi phân loại và xử lý rác thải

2. Quy trình xử lý rác thải

Loại chất thải	Quy trình xử lý
Chất thải hữu cơ	- Gồm các loại rác thải từ nguồn gốc hữu cơ như rau củ, đồ ăn thừa, vỏ hoa quả,... - Các loại rác thải này được xử lý ngay tại rừng bằng cách cuốc hố, gom rác vào hố và lấp đất lại
Chất thải rắn thông thường	- Bao gồm túi nylon đựng cây, túi bầu, túi bóng đựng đồ ăn, hộp sữa, chai lọ bằng nhựa hoặc thủy tinh đựng đồ uống,... - Thu gom toàn bộ rác thải này, phân loại thành rác tái chế và rác không tái chế. - Rác tái chế có thể chuyển đến các khu thu mua rác thải tái chế - Rác không tái chế thì gom lại đưa ra bãi rác xử lý, hoặc bỏ vào thùng rác thải sinh hoạt gia đình
Chất thải rắn độc hại	- Bao gồm các loại túi bóng, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chai lọ đựng xăng hoặc dầu nhớt, pin,... - Thu gom toàn bộ các loại rác thải này cho vào thùng phi có nắp đậy và khóa cẩn thận. Khi đủ số lượng thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xử lý rác thải độc hại để thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật; - Tuyệt đối không được vớt rác thải độc hại bừa bãi, không được vớt rác thải độc hại ra bãi rác hoặc khu vực gần sông suối, ao hồ; - Toàn bộ số liệu về rác thải độc hại phải được ghi chép cẩn thận; các thông tin ghi chép gồm: Khối lượng, thời gian xử lý, nơi xử lý, đơn vị thu nhận,... và phải được tổng hợp vào báo cáo hằng năm.
Dầu, mỡ sử dụng cho các loại động cơ phục vụ sản xuất trong rừng.	- Dầu mỡ động cơ là chất khó phân hủy, dễ gây ô nhiễm nguồn nước và đất, phương pháp chủ yếu là phòng ngừa bằng cách: - Hạn chế sử dụng động cơ chạy bằng nhiên liệu xăng dầu mà thay thế sử dụng động cơ điện. - Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc để khi động cơ làm việc dầu, mỡ không rò rỉ ra môi trường - Khi thay dầu mỡ động cơ cần phải thực hiện đúng quy trình của nhà sản xuất. - Quá trình đổ xăng dầu phải được thực hiện trên bề xi măng hoạt lát tấm nilong kèm mùn cưa. Vị trí đổ phải bằng phẳng, cách xa khu vực sông suối, ao hồ.



Loại chất thải	Quy trình xử lý
	- Quy trình tiếp nhiên liệu cho các loại xe vận chuyển tại rừng như sau: + Chuẩn bị gồm: Quặng (phểu), giẻ lau bằng vải, bạc cao su, nhiên liệu, cát hoặc mùn cưa. + Tiếp nhiên liệu: trước khi tiếp nhiên liệu dùng bạc cao su lót dưới sàn xe, rải một lớp mùn cưa lên trên để hứng nhiên liệu đổ ra ngoài, dùng quặng để trên miệng bình dầu xe và tiến hành tiếp nhiên liệu. - Kết thúc: dùng giẻ lau khô nhiên liệu trên miệng bình dầu xe, túm lấy bạc cao su đổ nhiên liệu (nếu có nhiên liệu đổ xuống) cho vào can nhựa. Đem giẻ lau và nhiên liệu đổ ra về nơi tập kết chứa chất thải độc hại bỏ vào thùng chứa chất thải.. - Nếu không may dầu, mỡ chảy ra rừng thì xử lý bằng cách: Đào lấy đất bị thấm dầu, mỡ và đem đốt cho đến khi dầu, mỡ phân hủy hết. - Xử lý đối với dầu mỡ ô nhiễm nước: Ngăn vùng nước bị ô nhiễm và hút hết nước vào một bể chứa sau đó xả nước phía dưới để tách phần dầu nổi lên phía trên.
Rác thải sinh hoạt do người dân địa phương thải vào rừng hoặc tại hiện trường các khu vực khai thác, trồng rừng	- Có thể bao gồm tất cả các loại rác thải đã nêu ở trên - Bố trí các túi rác trong rừng, dọc theo các tuyến đường mòn người dân thường qua lại, hoặc gần khu vực hoạt động của công nhân trồng rừng, khai thác, tía thưa. - Gom lại và phân loại rác thải theo từng nhóm đã liệt kê ở trên - Xử lý rác thải riêng theo từng loại theo quy trình đã nêu ở trên - Cắm biển cảnh báo cấm vứt rác vào rừng ở những nơi dễ nhìn, nhiều người qua lại - Phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền, vận động người dân địa phương không vứt rác vào rừng - Áp dụng các biện pháp xử phạt để răn đe



QTQLR -11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

MỤC ĐÍCH:

1. Tại sao cần đánh giá tác động môi trường và xã hội?

Đánh giá tác động xã hội và môi trường được thực hiện để xác định các hoạt động quản lý và trồng rừng đã có những ảnh hưởng như thế nào đến môi trường và tác động về xã hội trong khu vực rừng do Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 quản lý từ đó đề ra các hoạt động để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Đánh giá này được BQL Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 phối hợp với các xã thành viên (bao gồm 07 xã: Cát Ngạn, Hạnh Lâm, Hoa Quân, Tam Đồng, Xuân Lâm, Đại Đồng và công ty Lâm nghiệp Đô Lương) thực hiện định kỳ mỗi năm một lần.

2. Các bước đánh giá bao gồm?

Bước 1: Liệt kê các hoạt động dự kiến để đánh giá

Ví dụ trong diện tích trồng keo của các xã, các nhóm hoạt động cần được đánh giá tác động môi trường và xã hội gồm:....

Quản lý rừng	Hoạt động trồng và chăm sóc rừng, bảo vệ chống chặt phá rừng, phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy chữa cháy, quản lý rừng có giá trị bảo tồn cao
Sản xuất và thị trường	Khai thác và thu mua gỗ
Quản lý nhóm CCR	Quản lý các thành viên trong nhóm, đáp ứng các phản hồi, tham gia các hoạt động hội họp, tập huấn...

Bước 2: Thảo luận các tác động có thể có với các bên liên quan và người am hiểu ở địa phương

Thảo luận với người am hiểu ở địa phương và các bên liên quan để xác định các tác động về môi trường và xã hội hiện có. Đồng thời cũng cần lập danh sách các bên liên quan để có thể tham vấn khi cần thiết.

Bước 3: Thảo luận các tác động tác động tiềm năng với các thành viên nhóm

Dựa vào các thông tin và kinh nghiệm của các thành viên, nhóm đánh giá cùng thảo luận với Thành viên nhóm, Thành viên đại diện phụ trách cấp xã (phụ trách xã) và Quản lý nhóm để xác định các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội của các hoạt động đã thực hiện và xác định ở bước 1.

Bước 4: Phát triển các giải pháp để hạn chế các tác động tiêu cực và phát huy các tác động tích cực.



Dựa trên các tác động đã được xác định ở các bước trên, cùng thảo luận với các bên liên quan và các thành viên trong nhóm để phát triển các giải pháp phù hợp nhằm khắc phục các tác động tiêu cực trong quá trình trồng rừng.

QTQLR- 12. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

I. Các căn cứ pháp lý để xây dựng quy định

Quy định này được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015;
- Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động;
- Căn cứ Tiêu chuẩn TCVN 7547:2005 Phương tiện bảo vệ cá nhân và phân loại;
- Căn cứ Công ước ILO 1998 – An toàn và sức khỏe trong công tác lâm nghiệp.

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng quy định

1. Phạm vi: áp dụng cho tất cả các hoạt động có liên quan đến quản lý sản xuất, kinh doanh rừng trồng trong phạm vi của nhóm chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2.

2. Đối tượng: Áp dụng cho tất cả các lao động (gián tiếp, trực tiếp, nhà thầu, kiểm tra, giám sát, tham quan...) có tham gia hoạt động trên hiện trường rừng trồng của nhóm chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2.

III. Mục đích, ý nghĩa

Quy định này nhằm đảm bảo các điều kiện làm việc an toàn cho người lao động theo quy định của luật pháp Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) trong phạm vi của nhóm chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2.

IV. Các quy định, nguyên tắc chung

1. Sử dụng bảo hộ lao động là yêu cầu bắt buộc đối với người lao động cho tất cả các vị trí việc làm trong phạm vi của nhóm chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2.
2. Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương, Ban Quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2 có trách nhiệm đào tạo về An toàn lao động, hướng dẫn sử dụng bảo hộ cho người lao động tham gia các hoạt động trên hiện trường của nhóm chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2 và giám sát việc thực hiện.
3. Thành viên nhóm, nhà thầu,...có tham gia hoạt động trên hiện trường có trách nhiệm trang bị và sử dụng bảo hộ lao động theo đúng quy định.
4. Công ty hỗ trợ số lượng hạn chế các mẫu, loại BHLĐ cho một số hoạt động cụ thể với mong đợi giới thiệu, định hướng cho người lao động trang bị, sử dụng BHLĐ trong điều kiện đảm bảo an toàn nhất chứ không yêu cầu bắt buộc loại BHLĐ này, người lao động có thể sử dụng loại BHLĐ khác với các chức năng bảo vệ tương tự.



V. Các hoạt động và đối tượng cần đảm bảo an toàn lao động

Các hoạt động chính của Nhóm chứng chỉ FSC Thanh Chương số 2 bao gồm:

- Trồng rừng
- Chăm sóc rừng trồng
- Khai thác rừng trồng
- Vận xuất, vận chuyển gỗ

Tất cả lao động (gián tiếp, trực tiếp, nhà thầu, kiểm tra, giám sát, tham quan...) có tham gia hoạt động trên hiện trường rừng trồng của nhóm chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2.

VI. Ma trận đánh giá rủi ro về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp

Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương, Ban Quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2 đã thực hiện đánh giá các rủi ro trong lao động theo các hoạt động đã xác định tại Mục V theo bảng sau:

TTT	Hoạt động, công đoạn	Máy móc, trang thiết bị sử dụng	Rủi ro về tai nạn có thể gặp phải	Biện pháp phòng tránh/kiểm soát
1. Trồng rừng				
-	Xử lý thực bì (phát dọn thực bì toàn diện)	Dao rựa	Đứt tay, chân bị động vật và côn trùng cắn (rắn...)	Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...); Kiểm tra dụng cụ và bảo đảm trang thiết bị an toàn và không bị hỏng
-	Xử lý đất (làm đất cục bộ theo hố, đào hố thủ công)	Cuốc, thuổng	Gây thương tích trên cơ thể	Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...); Quan sát xung quanh để tránh gây tai nạn cho người xung quanh
-	Chuẩn bị cây giống	Bóc vác, vận chuyển	Trong quá trình bóc vác và vận chuyển có thể bị ngã, trượt chân; Bị động vật côn trùng cắn Xe bị sa lầy, hỏng xe	Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...); Kiểm tra và bảo đảm xe cộ vận hành và hoạt động tốt
-	Kỹ thuật trồng	Dao kéo để rạch vỏ bầu; cuốc để khơi rộng lòng hố	Gây thương tích trên cơ thể	Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...);



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- | | | | |
|-----------------------------|---------|--|---|
| - Phòng trừ sâu bệnh | Dao rựa | Côn trùng và động vật cắn; Bị nhiễm độc do hóa chất (nếu có) | Thường xuyên kiểm tra, theo dõi sâu bệnh và có biện pháp xử lý thực bì |
| - Bảo vệ rừng sau khi trồng | | Người và gia súc vào phá hoại rừng; phòng chống cháy rừng | Thường xuyên kiểm tra, theo dõi sâu bệnh và có biện pháp xử lý thực bì
Đặt biển báo cấm đốt lửa trong rừng, tuyên truyền ý thức bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng cho người dân xung quanh lô rừng; Quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng. Chuẩn bị đầy đủ những trang thiết bị, dụng cụ nhân lực cần thiết phòng khi có cháy rừng kịp thời |

2. Chăm sóc và bảo vệ rừng

- | | | | |
|---|----------------------|---|--|
| - Chăm sóc rừng trồng (tỉa thưa, cháy, dọn thực bì) | Cuốc xẻng, dao rựa, | Đứt tay, chân bị động vật và côn trùng cắn (rắn...) | Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...);
Quan sát hiện trường trong quá trình thiết kế khai thác
Đầy đủ các trang thiết bị y tế (thuốc men)
Các dụng cụ cho thiết kế phải đảm bảo chất lượng và an toàn trong thực hiện |
| - Tuần tra bảo vệ rừng | Dao, dụng cụ đi rừng | Đứt tay, chân bị động vật và côn trùng cắn (rắn...) | Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...);
Quan sát hiện trường trong quá trình thiết kế khai thác
Đầy đủ các trang thiết bị y tế (thuốc men)
Các dụng cụ cho thiết kế phải đảm bảo chất lượng và an toàn trong thực hiện |

3. Khai thác - Vận xuất, vận chuyển gỗ

3.1 Thiết kế

- | | | | |
|----------------------|-------------------------------|--|--|
| - Thiết kế khai thác | Dao, rựa, búa bài cây, bản đồ | Gây thương tích cho cơ thể Động vật và côn | Trang bị quần áo bảo hộ lao động (găng tay, giày, mũ, quần áo, xà cạp...); |
|----------------------|-------------------------------|--|--|



			trùng Trượt Sốt rét	cẩn ngã	Quan sát hiện trường trong quá trình thiết kế khai thác Đầy đủ các trang thiết bị y tế (thuốc men) Các dụng cụ cho thiết kế phải đảm bảo chất lượng và an toàn trong thực hiện.
-	Đánh giá trước và sau khai thác	Dao, thước dây, sơn xít, bản đồ, biểu mẫu	Gây thương tích cho cơ thể Động vật và côn trùng Trượt ngã Lạc đường	tích thể cẩn ngã	Trang bị quần áo bảo hộ (găng tay, giày, mũ) Đầy đủ các trang thiết bị y tế (thuốc men) Bản đồ và quan sát hiện trường xung quanh
3.2 Khai thác gỗ					
-	Mở đường (mở đường vận chuyển chính và đường vận xuất)	Xe ủi (DT55) máy xúc, cưa xăng, mìn, dao	Máy móc bị hỏng trong vận hành; Bị lật xe hoặc bị lao xuống vực; Bị sát thương do mìn nổ; Thương tích do cưa xăng khi chặt hạ cây trên đường; Cây đổ vào người		Đào tạo lấy máy móc với an toàn lao động; Xe cộ và máy móc bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn về lao động; Đào tạo về sử dụng cưa xăng; Đào tạo về sử dụng chất nổ; Trang bị các quần áo bảo hộ chuyên dụng; Quan sát hiện trường xung quanh
-	Chặt hạ	Cưa xăng	Lưỡi cưa sử dụng ko đúng cách sẽ gây thương tật Mặt cưa bay vào mắt Độ dốc lớn dễ bị ngã, cây đổ Máy cưa tiếng động lớn gây điếc tai		- Đào tạo sử dụng cưa với an toàn lao động - Đào tạo sơ cứu thương - Trang bị quần áo bảo hộ có lớp lưới thép. - Găng tay chống cưa - Mũ bảo hiểm có tai chống ồn, có mạng che mặt
-	Vận xuất	Xe ủi (DT55) và cưa xăng, dao, dây cáp	Máy móc bị hỏng trong vận hành; Bị lật xe hoặc bị lao xuống vực; Thương tích do cưa xăng khi chặt hạ cây trên đường; Dây cáp bị đứt		Tuân theo các tiêu chuẩn an toàn lao động; Kiểm tra máy móc và trang thiết bị đảm bảo an toàn trước khi vận hành; Đào tạo sơ cứu thương; Trang thiết bị bảo hộ lao động (mũ bảo hiểm có tai chống ồn); Các dụng cụ y tế và cứu thương; Hệ thống bộ đàm để liên lạc khi xảy ra sự cố.



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Vận chuyển Xe geo, dây Máy móc bị hỏng Tuân theo các tiêu chuẩn an toàn lao động; Kiểm tra máy móc và cáp, cửa xăng trong vận hành; trang thiết bị đảm bảo an toàn trước Bị lập xe hoặc bị lao xuống vực; khi vận hành; Đào tạo sơ cứu Thương tích do thương; Trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, mũ bảo hiểm có tai chống ồn); Các dụng cụ y tế và cứu hạ cây trên thương; Hệ thống bộ đàm để liên đường; lạc khi xảy ra sự cố.
Dây cáp bị đứt
- 4. Kiểm tra và giám sát**
- Giám sát khai Hồ sơ thiết Bị thương tích: Tuân theo các tiêu chuẩn an toàn thác kế khai thác, gãy chân, gãy tay, lao động; Đào tạo sơ cứu thương; sơ đồ bài cây, cây đổ, cành cây Trang thiết bị bảo hộ lao động; Các dụng cụ y tế và cứu thương; Hệ thống bộ đàm để liên lạc khi xảy ra sự cố.
roi, xe cán...
Thương tích do
mìn nổ trong quá
trình mở đường
Bị động vật và
côn trùng cắn
- Tuần tra bảo vệ Bản đồ, dao, Bị thương tích Được trang bị các trang thiết bị (súng, dao); Đào tạo và tập huấn về súng bị trượt ngã; kỹ năng tuần tra; Đào tạo sơ cứu thương; Hệ thống bộ đàm để liên hệ trong trường hợp khẩn cấp
Bị động vật và
côn trùng cắn;
Bị thương tích do
bắt lâm tặc
- Phòng chống Cuốc xẻo, Bị bỏng; Trang bị quần áo bảo hộ chống cháy rừng bình chữa Ngã gãy chân tay cháy; dao do bị trượt ngã; Tập huấn và đào tạo về phòng chống cháy rừng; Đào tạo sơ cứu thương
rựa, xô can,
thuốc y tế,
nước uống,
xe cộ

VII. Kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng ngừa

Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương, Ban Quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2 lập kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng ngừa tại nạn lao động như sau:

STT	Các biện pháp	Thời gian thực hiện	Yêu cầu	Thành phần tham gia	Trách nhiệm
-----	---------------	---------------------	---------	---------------------	-------------



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

1. Tập huấn an toàn lao động - Đã triển khai 26 lớp
 - Hằng năm tập huấn theo kế hoạch đã lập trong KHQLRBV của nhóm GD 2024-2029. 1-3 lớp/xã/năm
 - Xác định các yếu tố rủi ro và nguy hiểm có thể xảy ra;
 - Các biện pháp phòng chống;
 - Trang thiết bị bảo hộ
 BQL nhóm; BQL chứng chỉ nhóm
 thành viên
 Đơn vị khai thác;
 Đơn vị trồng rừng;
 Trạm bảo vệ rừng
2. Tập huấn sơ cứu thương - Đã triển khai 26 lớp
 - Hằng năm tập huấn theo kế hoạch đã lập trong KHQLRBV của nhóm GD 2024-2029. 1-3 lớp/xã/năm
 Tập huấn được thực hiện trước khi thực hiện khai thác;
 Các kỹ năng sơ cứu;
 BQL nhóm; BQL chứng chỉ nhóm
 thành viên
 Đơn vị khai thác;
 Đơn vị trồng rừng;
 Trạm bảo vệ rừng
3. Giám sát, đánh giá lại trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động - Giám sát theo biểu giám sát,
 - Hiện trạng được đánh giá và đưa ra một số giải pháp
 BQL chứng chỉ nhóm BQL chứng chỉ nhóm

VIII. Danh mục đánh giá biện pháp phòng ngừa rủi ro trong an toàn lao động

Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương, Ban Quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương số 2 sẽ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro

STT	Các biện pháp	Yêu cầu	Đạt (x) hay chưa đạt (o)	Đề xuất
1	Trang bị túi cứu thương	Bông, băng		
		Thuốc cảm, thuốc đau đầu, thuốc đau bụng		
		Côn sát trùng, thuốc sát trùng		
		Thuốc chống muỗi và côn trùng		
				
		...		
2	Trang bị mũ bảo hộ cho công nhân sử dụng cưa xăng	Hạn sử dụng		
		Chất lượng mũ		
		Tai chống ồn		
		Lưới che mặt		
3	Trang bị găng tay	Găng tay giảm rung		
		Găng tay chống cưa cắt		
4	Trang bị quần bảo hộ	Quần có lớp thép bảo hộ hoặc chất liệu vải chống cưa cắt		



5	Bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị trước khi thực hiện khai thác (máy cưa, xe ủi, xe xúc, xe geo...)	Máy cưa còn mới, không bị hỏng; Xích không bị hỏng, đảm bảo an toàn khi cưa; Xe hoạt động tốt, không bị hỏng hóc; Bảo dưỡng thường xuyên; Không bị rò rỉ dầu nhớt		
---	---	---	--	--

IX. Tham khảo một số loại trang thiết bị bảo hộ lao động các nhân

(Lược trích từ Tài liệu hướng dẫn về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp của Tổ chức lao động quốc tế ILO)

Những bộ phận cơ thể cần bảo vệ trong quá trình hoạt động lâm nghiệp	Bàn chân	Cẳng chân	Thân, cánh tay, cẳng chân	Bàn tay	Đầu	Mắt	Mắt/mặt	Thính giác
Phương tiện bảo hộ phù hợp	Ủng hoặc giày bảo vệ	Quần bảo hộ	Quần áo vừa sát người	Găng tay	Mũ bảo hộ	Kính đeo mắt	Lưới che mắt/mặt	Bảo hộ tai

Hoạt động lâm nghiệp

1. Trồng cây

Thủ công	X			X				
Cơ giới	X		X					X

2. Làm cỏ dại

Dụng cụ sắc nhọn	X			X		X		
Cưa tay	X			X				
Máy phát dọn cây bụi với lưỡi bằng kim loại	X	X	X	X	X	X	X	X
Máy phát dọn cây bụi với chổi nylon	X	X		X		X		X
Dao xoay	X		X	X				X

3. Tỉa cành

Công cụ cầm tay	X			X	X	X		
-----------------	---	--	--	---	---	---	--	--

4. Chặt hạ

Thủ công (dùng búa, rìu)	X		X	X	X			
Cưa xích/cưa xăng	X	X	X	X	X		X	X

5. Cạo vỏ

Thủ công	X							
Cơ giới	X			X	X	X		X



6. Vận xuất

Thủ công (sức người)	x		x	x	
Dùng trâu bò	x		x	x	
Cơ giới (máy cạp, máy kéo)	x	x	x	x	x

7. Xếp gỗ tại bãi

Cơ giới (máy cạp)	x	x	x	x	x
-------------------	---	---	---	---	---

X. Giới thiệu mẫu BHLĐ đối với thợ cưa

- Mũ bảo hộ vỏ cứng:** Có vỏ cứng, chịu lực tốt
- Bảo vệ tai:** Nút tai hoặc chụp tai chống ồn
- Tấm chắn bảo vệ mặt**
- Áo phản quang:** Áo khoác/áo phản quang
- Áo khoác bảo hộ lao động:** Áo dài tay, dày
- Găng tay bảo hộ lao động:** găng tay vải bạt, thoải mái và thiết thực.
- Quần bảo hộ lao động với kháng đỡ vết cưa cắt.**
- Giày bảo hộ:** Loại giày chịu lực, chống đập ngón, chống đâm xuyên và chống trơn trượt.



X. Biên bản bàn giao trang thiết bị bảo hộ lao động cho thợ cưa xăng

Stt	Họ tên	Công việc	Loại BHLĐ	Số lượng	Ký nhận
1			Mũ bảo hộ		
2					



3					

Ghi chú: Tổ khai thác được trang bị một túi thuốc sơ cứu khi đi làm nhiệm vụ tại hiện trường.

Ngày.....tháng.....năm

Người giao

QTQLR -13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG

I. MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần sơ cứu khi xảy ra tai nạn lao động?

- Trong quá trình sử dụng lao động trong nghề rừng có thể do một yếu tố chủ quan hoặc khách quan nào đó để xảy ra tai nạn đáng tiếc (trồng rừng, khai thác, vận chuyển...).

- Nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại về khỏe cũng như có thể đảm bảo tính mạng người khi tai nạn xảy ra thì bước sơ, cấp ban đầu là vô cùng quan trọng, nó có thể quyết định đến khả năng cấp cứu thành công ngay sau đó.



sức
con
cứu

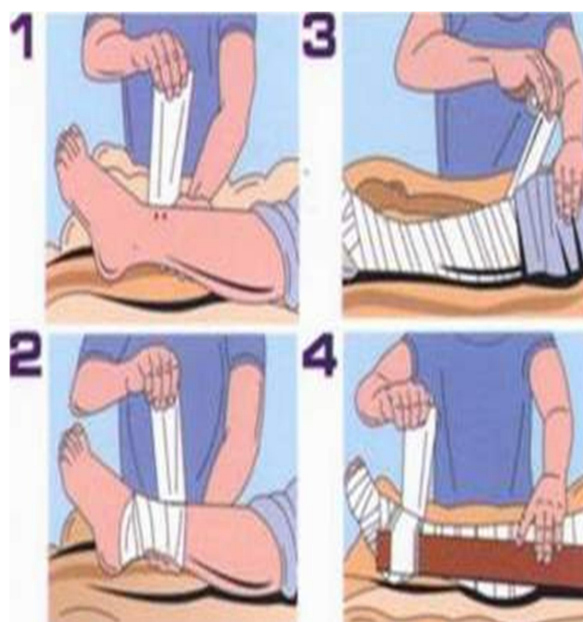
II. NỘI DUNG SƠ CỨU BAO GỒM:

1. Sơ cứu khi xảy ra tai nạn là gì?

Tất cả các hoạt động cần phải được thực hiện đảm bảo rằng nạn nhân không bị mất nhiều máu, nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi tình trạng, khu vực nguy hiểm, kéo dài thời gian trước khi nạn nhân bị đuối sức và đến khi gặp bác sĩ cứu. Toàn bộ công việc được tiến hành một cách phù hợp gọi là sơ cứu.

2. Những nguyên tắc khi tiến hành sơ cứu là gì?

Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một



cấp

nạn



nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.

3. Các bước nên làm khi tiến hành sơ cứu là gì?

- Điều đầu tiên bạn nên làm trong bất cứ trường hợp nào mà cần đến sơ cứu đó là tuân theo quy tắc 3C: Coi và kiểm tra sơ, Cuộc gọi, Chăm sóc.



- Luôn luôn nhớ một nguyên tắc quan trọng rằng: Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.



4. Những tình huống tai nạn lao động nào cần được sơ cứu?



Hầu hết các tai nạn xảy ra trong lao động cần tiến hành sơ cứu ban đầu. Ở đây chúng tôi xin trình bày một số vấn đề chính (tai nạn thường thấy) cần tiến hành sơ cấp cứu kịp thời để đảm bảo tính mạng và hạn chế di tật sau khi tai nạn xảy ra:

4.1. Vết thương bị chảy máu:

Đây là chấn thương thường gặp nhất khi bị tai nạn. Nguyên nhân là do va đập hoặc bị vật sắc nhọn đâm vào da, xương gãy đâm ra ngoài làm rách da, đứt mạch máu, dập chi. Dấu hiệu có thể quan sát bằng mắt như dập nát hoặc rách da, thịt dẫn đến máu chảy. Nếu mất quá nhiều máu sẽ dẫn đến choáng, bất tỉnh, tử vong.



Cần làm gì khi sơ cứu vết thương chảy máu?

Trong trường hợp vết thương có dị vật, **Không nên rút dị vật ra vì có thể làm cho máu chảy ra nhiều hơn.**

➤ Cần xử trí theo các bước sau:

- Mang găng tay hoặc túi nilon sạch khi sơ cứu để tránh lây bệnh truyền nhiễm từ nạn nhân (nếu có).

- Dùng tay ép chặt mép vết thương. Chèn băng, gác quanh dị vật cho cố định. Lưu ý không băng trùm lên dị vật. Chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế.

➤ Với vết thương chảy máu dập nát hay đứt cần:

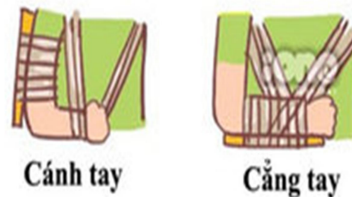
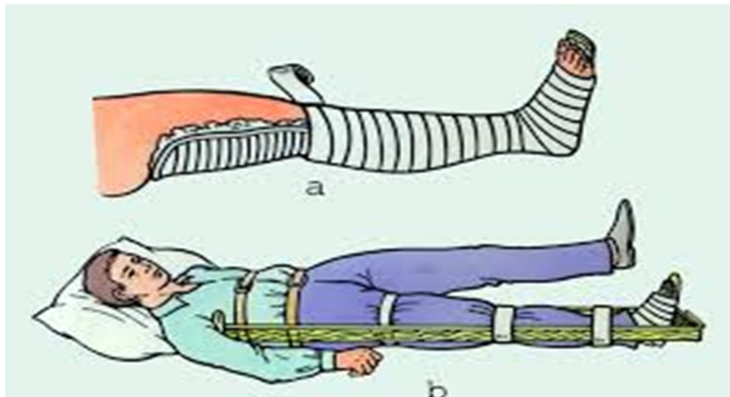
- Đeo găng tay. Làm garo cầm máu bằng cách quấn thật chặt ở vị trí trên vết thương 3-5cm. Có dùng vải sạch làm garo nếu không có sẵn dụng cụ

- Xoắn garo từ từ cho đến khi máu hết chảy. Đưa bệnh viện.



4.2. Tai nạn làm gãy xương nạn nhân?

Khi xương bị gãy, dấu hiệu điển hình là đau ở gãy, đau hơn khi sờ ấn hoặc cử động, giảm hoặc không thể cử động chỗ bị thương, kèm theo sưng nề, chảy máu. Trong một số trường hợp da





bị bầm tím. Nếu gãy xương hở đầu, xương có thể đâm thủng da.

Việc đầu tiên cần làm là cố định tạm thời bộ phận bị gãy. Tránh làm xương dịch chuyển, không thể xảy ra thêm tổn thương về mạch máu, thần kinh, cơ. Có thể dùng các loại nẹp tự tạo từ gỗ, tre, đòn gánh để cố định vùng xương gãy.

Nếu gãy xương ở gần các khớp, phải cố định cả khớp; chẳng hạn gãy xương đùi cần cố định các khớp háng, khớp gối, khớp cổ chân. Với xương cẳng chân cần cố định khớp gối, khớp cổ chân; Gãy xương cẳng tay cần cố định khớp khuỷu và khớp cổ tay.

➤ Riêng khi gãy xương hở, không được rửa mà chỉ lau xung quanh vết thương, bôi thuốc sát trùng và băng ép vô khuẩn. Tuyệt đối không ấn đầu xương gãy vào trong.

➤ Sau đó nhanh chóng đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Có thể dùng xe máy chở nạn nhân gãy xương chi ở tư thế ngồi. Tuy nhiên trong trường hợp gãy xương cột sống hay xương đùi cần vận chuyển trên cáng nằm.

4.2.1. Gãy xương cẳng tay

- Để cẳng tay vuông góc cánh tay, lòng bàn tay ngửa.

- Dụng hai nẹp: Nẹp trong từ lòng bàn tay đến nếp khuỷu tay, nẹp ngoài từ đầu các ngón tay đến khuỷu.

- Dùng 3 dây rộng bản buộc cố định nẹp bàn tay, thân cẳng tay (trên, dưới ổ gãy).

- Dụng khăn tam giác đỡ cẳng tay treo trước ngực.

4.2.2. Gãy xương cánh tay

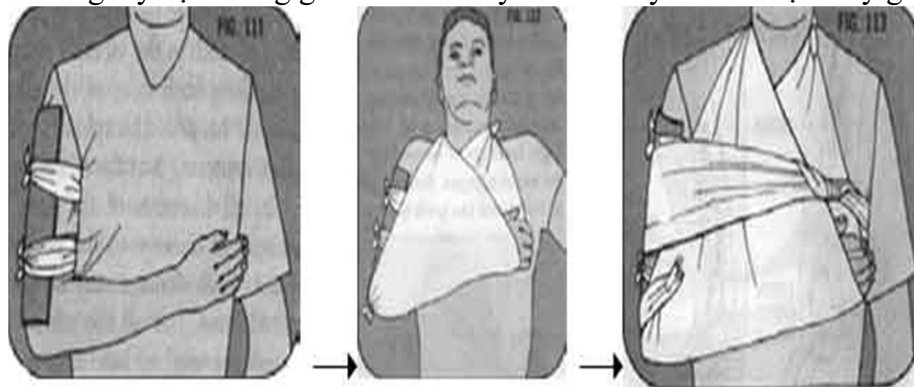
Dùng 2 nẹp (thanh ván cứng):

- Thanh 1: Đặt từ hõm nách tay đến khuỷu tay.

- Thanh 2: Đặt ở ngoài (thanh ngoài thông thường sẽ là thanh dài hơn).

+ Cố định trên và dưới ổ gãy bằng cách thắt 2 nút buộc ở ổ gãy trước, các nút còn lại buộc sau.

+ Cẳng tay đặt vuông góc với cánh tay và làm dây treo cố định tay gãy



4.2.3. Gãy xương đùi

Xương đùi là phần xương giới hạn từ xương chậu xuống đến đầu gối.

Gãy xương đùi thường có 2 loại:

+ Gãy ngang

+ Gãy vụn



* Cố định bằng nẹp gỗ: cần 3 người làm.

+ Người thứ nhất: luồn tay đỡ đùi ở phía trên và phía dưới ổ gãy.

+ Người thứ hai: đỡ gót chân và giữ bàn chân ở tư thế luôn vuông góc với cẳng chân.

+ Người thứ ba: đặt nẹp.

* Cần đặt 3 nẹp:

+ Nẹp ngoài từ hố nách đến quá gót chân.

+ Nẹp dưới từ vai đến quá gót chân.

+ Nẹp trong từ bẹn đến quá gót chân.

Dùng 9 dải dây rộng bản để buộc cố định nẹp ở các vị trí:

+ Trên ổ gãy

+ Dưới ổ gãy

+ Cổ chân: băng kiểu băng số 8

+ Ngang ngực

+ Ngang hông

+ Dưới gối

+ 3 dải băng buộc 2 chi vào nhau ở các vị trí: Trên đầu gối, dưới đầu gối, cổ chân.

Lưu ý: Phải đệm lót tốt ở phần giữa 2 đầu gối và 2 cổ chân.

- Không được buộc nút ở phía chân gãy.

- Phòng chống và xử trí tốt (xem phần cấp cứu sốc).

- Sau khi cố định chân gãy xong, nâng chân cao lên một chút để giảm sự sưng nề và khó chịu cho bệnh nhân.

- Chuyển nạn nhân tới bệnh viện: Phải coi đây là một cấp cứu ưu tiên.

- Trong khi vận chuyển phải giữ tư thế đúng của nạn nhân, theo dõi sát nạn nhân và xử trí kịp thời những diễn biến xảy ra.

4.2.4. Gãy xương cẳng chân

- Xương cẳng chân là phần xương từ bàn chân đến bánh chè.

- Xương cẳng chân có 2 phần.



- Xương Mác

- Xương Chày

Đặt 2 nẹp: Nẹp trong từ giữa đùi đến quá gót.

- Nẹp ngoài từ giữa đùi đến quá gót

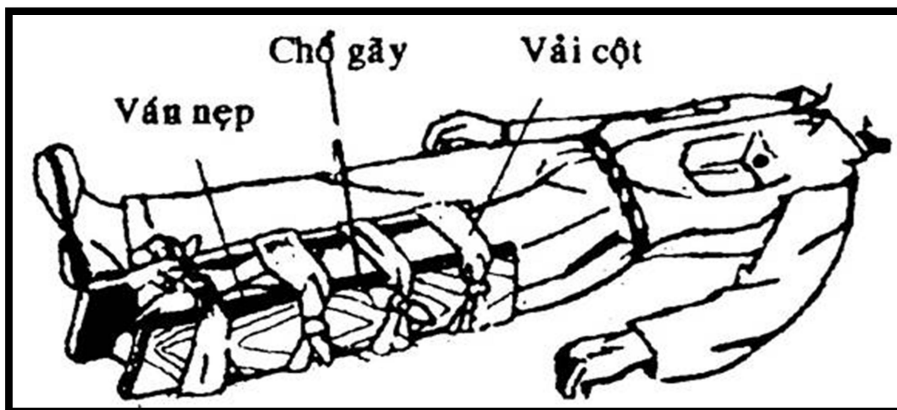
- Buộc dây cố định nẹp ở các vị trí: Trên ổ gãy, dưới ổ gãy, đầu trên nẹp và băng số 8 giữ bàn chân vuông góc với cẳng chân.

- Buộc chân vào với nhau ở các vị trí: Đầu trên nẹp, ngang đầu gối và cổ chân

- Giảm đau cho bệnh nhân



- Phòng chống và xử trí sốc
- Trường hợp cố định bằng nẹp: cần 2 nẹp dài bằng nhau và 3 người làm:
- Người thứ nhất: đỡ nẹp và căng chân phía trên và dưới ổ gãy.
- Người thứ hai: đỡ gót chân, cổ chân và kéo nhẹ theo trục của chi, kéo liên tục bằng một lực không đổi.
- Người thứ ba: cố định gãy xương.



4.3. Tai nạn làm chấn thương sọ não hoặc co giật?

- Khi quan sát thấy nạn nhân bị va đập ở vùng đầu, đừng tự ý di chuyển mà hãy nhờ sự giúp đỡ của những người khác. Nếu nạn nhân hôn mê, không nên cho uống bất kỳ loại nước nào vì dễ bị sặc.

- Nạn nhân chấn thương sọ não có thể bị vỡ sọ, vết thương xuyên thấu, dập não, xuất huyết trong hoặc phù não, co giật. Khi đó, nên đặt nạn nhân nằm ở nơi thoáng khí với tư thế chân kê cao hơn đầu khoảng 20 cm nếu không thấy chảy máu đầu cổ, không bị nhồi máu cơ tim. Cần ủ ấm cho bệnh nhân. Nếu nạn nhân ngưng tim, ngưng thở, nên ưu tiên hô hấp nhân tạo, xoa bóp lồng ngực ở vùng tim.

- Sau khi xử trí tổn thương ban đầu, gọi xe cấp cứu ngay. Nếu nghi ngờ nạn nhân bị tổn thương cột sống, phải thật cẩn trọng khi khiêng cáng ra khỏi hiện trường. Trong quá trình di chuyển, cần cố định nạn nhân bằng cách chèn vải, chèn gối ở phần đầu, cổ và thân.

- Khi nạn nhân co giật: Cần đặt nạn nhân nằm trên vùng đất an toàn, nâng đỡ đầu, nới rộng quần áo, đặc biệt ở vùng cổ. Nếu có nôn ói, hãy xoay nạn nhân nằm nghiêng một bên để tránh hít chất nôn vào phổi. Sau đó gọi số 115 để được hỗ trợ.

4.4. Tai nạn làm bong gân, trật khớp?

Đối với bong gân: Hạn chế cử động vùng bị tổn thương. Băng, ép nhẹ vùng tổn thương và chườm đá. Nếu thấy các đầu chi có tái nhợt, nên nới băng lỏng.

Trật khớp: Không cử động khớp mà cần cố định khớp ở đúng vị trí sai lệch. Không thoa dầu nóng hay nắn khớp mà chỉ nên chườm lạnh vùng tổn thương.





4.5. Sơ cứu rắn độc cắn

Tai nạn rắn cắn thường xảy ra bất ngờ, khiến nạn nhân và những người trong gia đình lúng túng, chậm trễ... nhiều khi không cứu nổi. Sau khi cắn người, con rắn thường chạy mất, nạn nhân không kịp nhận diện để biết là rắn lành hay rắn độc, nhất là trong đêm tối...

Do vậy, khi không may bị rắn cắn, nạn nhân phải thật bình tĩnh, nhanh chóng làm các việc dưới đây:

- Cố gắng xác định sơ bộ xem đó là rắn lành hay rắn độc. Nếu tại vết cắn thấy cả hai hàm răng với nhiều vết chấm hình vòng cung, không thấy vết răng nanh là rắn lành. Còn nếu tại nơi bị cắn có hai vết răng nanh cách nhau 5mm và một số vết răng nhỏ là rắn độc.
- Nếu đúng là bị rắn độc cắn hoặc không xác định được chắc chắn là rắn lành hay rắn độc, cần ngồi yên, tuyệt đối không cử động phần cơ thể (chân, tay...) bị rắn cắn vì cử động sẽ làm cho chất độc lan nhanh trong cơ thể. Nếu bị cắn ở chân, nạn nhân không được đi, hay chạy.
- Tiến hành băng ép bất động với một số loại rắn hổ (rắn cạp nong, cạp nia, hổ mang chúa, rắn biển và một số giống rắn hổ mang thường), băng ép bất động để làm chậm sự xuất hiện triệu chứng liệt.
- Dùng các băng chun giãn, băng vải hoặc tự tạo từ khăn, quần áo. Băng tương đối chặt nhưng không quá mức (còn sờ thấy động mạch đập). Bắt đầu băng từ ngón chân, tay đến hết toàn bộ chân, tay bị cắn. Dùng nẹp cứng (nẹp, miếng gỗ, que, miếng bìa cứng,...) cố định chân, tay bị cắn.
- Nếu có phương tiện sơ cứu có thể làm như sau: Rửa sạch vết rắn cắn bằng xà phòng và nước sạch. Dùng dao sạch (đã khử khuẩn bằng cách hơ trên ngọn lửa) rạch một đường dài khoảng 10mm, sâu độ 3mm tại vết răng nanh, sau đó nặn ra ít máu. Sát khuẩn vết rạch bằng cồn 70 hoặc thuốc tím 0,1%, nước oxy già 12 thể tích, nước muối, rồi băng vết thương bằng gạc vô khuẩn.

Điều cần lưu ý:

- Nạn nhân và những người có mặt không được sờ vào miệng rắn cho dù rắn đã bị đánh chết hoặc đầu rắn đã bị chặt rời khỏi thân.
- Sơ cứu xong, cần bất động chi bị cắn, chuyển nạn nhân đi bệnh viện ngay. Nên chuyển nạn nhân bằng cáng, hoặc ô tô, không nên chở bằng xe đạp, xe máy nhất là khi nạn nhân có dấu hiệu bị sốc hoặc liệt phần chi bị rắn cắn.
- Theo dõi sát mạch, huyết áp, nhịp thở của nạn nhân. Chú ý phát hiện sớm các dấu hiệu suy hô hấp, trụy tim mạch để có cách xử trí kịp thời. Nếu do rắn hổ (hổ mang, cạp nong, cạp nia...) cắn, sẽ có dấu hiệu viêm nhiễm rất sớm, thường chỉ sau 5 phút đến 1-2 giờ, nạn nhân thấy đau buốt tại chỗ, người mệt mỏi, chóng mặt, buồn nôn, khó há miệng, sụp mi, giãn đồng tử, mạch nhanh, huyết áp tụt, rồi ngừng tim, ngừng thở và tử vong.



- Nếu do rắn lục cắn, nơi bị cắn sưng tấy nhanh, chỉ sau 6 giờ toàn chi bị cắn sẽ sưng to, tím tái, sau 12 giờ vết cắn bắt đầu hoại tử, nạn nhân bị truy tìm mạch, viêm thận, suy thận cấp.

QTQLR – 14. QUY TRÌNH BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI

I. Mục đích

- Mục đích của việc quản lý, bảo vệ các khu vực ven sông suối là để ngăn chặn tác động tiêu cực của các hoạt động rừng đến sự ổn định dòng chảy của sông, suối, chất lượng nước không bị tác động, năng suất và tính đa dạng của hệ sinh thái nước được ổn định hạn chế thay đổi và để bảo vệ đa dạng các loài động vật hiện đang sinh sống liên quan đến các vùng trong và ven sông suối, hồ, đất ngập nước vv.
- Nhằm giúp hộ nhận khoán, chủ rừng hộ gia đình, công nhân tham gia các hoạt động sản xuất rừng và người dân địa phương xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình khi thực hiện các hoạt động trên diện tích rừng;
- Đảm bảo cho người lao động, hộ gia đình khi tham gia hoạt động lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác rừng, xử lý thực bì tại các diện tích rừng tham gia chứng chỉ nhóm tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý, kiểm soát và theo dõi hành lang ven sông suối theo đúng tiêu chuẩn quản lý rừng FSC quốc gia Việt Nam FSC-STD-VN-01-2018 và theo hướng dẫn Thông tư 28/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018, Thông tư 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023.
- Đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong sổ tay quản lý Rừng bền vững của Ban quản lý nhóm CCR Thanh Chương số 2.

II. KHÁI NIỆM

Các vùng đệm ven sông suối ở dọc các dòng sông, suối, xung quanh hồ và vùng đất ngập nước là: Thảm thực vật bên bờ sông, suối xung quanh hồ đập làm ổn định dòng chảy và bảo vệ hai bên bờ sông, suối, hồ, đập không bị xói mòn đất và thường là thảm thực vật nhiều loài cây, thảm thực vật cây bản địa có cây ở tầng cao hoặc rất đa dạng các loài động vật cư trú. Chúng tạo nơi ở quan trọng và hành lang di cư của nhiều loài động vật có vú, chim các loại và duy trì được các mối liên kết ngang và dọc quan trọng về mặt sinh thái thông qua cảnh quan rừng.

III. YÊU CẦU

- Phân vùng đệm ven sông suối, hồ, đất ngập nước được yêu cầu cụ thể như sau: Hộ nhận khoán, chủ rừng, nhà thầu khai thác hoặc nhà thầu trồng rừng phải cam kết tuân thủ các yêu cầu đối với khu vực vùng đệm dọc sông suối là diện tích nằm dọc hai bên bờ sông suối và xung quanh các hồ và khu vực đất ngập nước cụ thể như sau:
 - + Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;



- + Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;
- + Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;
- + Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào hiện trạng và hành lang ven sông, suối, hồ, đập để thiết lập khu vực bảo vệ ven sông, suối, hồ, đập và các biện pháp bảo vệ phù hợp.

- Đối với rừng tự nhiên: Mọi hoạt động trên các lô rừng có chứa hành lang bảo vệ ven sông, suối, hồ chứa nước... thì phải thiết kế, tác động phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng của 2 bên hành lang ven suối theo quy định như trên. Nghiêm cấm mọi tác động đến khu vực hành lang bảo vệ ven sông suối trong rừng tự nhiên.

- Thiết kế trồng rừng và thiết kế khai thác rừng hàng năm phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng 2 bên của Hành lang ven sông, suối, hồ đập tùy vào độ rộng hẹp của lòng suối mà chiều dài vùng đệm hành lang 2 bên được quy định để quản lý vùng đệm hành lang ven sông suối, hồ, đất ngập nước như sau:

- + Không khai thác gỗ, không vận xuất;
- + Được phép làm đường tiếp cận trong thời gian thi công cầu;
- + Phải dọn tất cả các cây bị đổ xuống lòng sông suối;
- + Trồng cây bổ sung ngay nếu có cây bị gãy, đổ do khai thác, mở đường;
- + Trong trường hợp cây đổ bắt ngồng vào dòng sông hoặc suối, thì phải chuyển cây đổ đó đi.
- + Các lô rừng đã trồng rừng đến sát mép sông, suối, hồ chứa nước bằng cây trồng kinh tế, tuổi thọ ngắn, dễ bị đổ gãy như Keo lai, Keo tai tượng... thì hộ gia đình trồng rừng phải thay thế bằng các cây bản địa (...,...) hoặc các loài cây có tác dụng phòng hộ khác như tre, luồng...



Không tuân thủ



Tuân thủ



QTQLR -15. QUY TRÌNH BẢO VỆ LĂNG MỘ, CÁC ĐỊA ĐIỂM CÓ Ý NGHĨA VỀ MẶT TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG

I. Mục đích của quy trình:

- Bảo vệ, giữ gìn và tôn trọng các địa điểm tâm linh, tín ngưỡng của người dân.
- Bảo vệ, giữ gìn và tôn trọng nơi an nghỉ cuối cùng của người dân và người thân của họ.
- Đảm bảo các hoạt động lâm nghiệp như trồng và khai thác rừng được diễn ra thuận tiện, không ảnh hưởng đến các khu lăng mộ trong hoặc gần rừng.
- Nâng cao mối quan hệ giữa chủ rừng, Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương và cộng đồng địa phương.

II. Đối tượng áp dụng:

Toàn bộ các khu vực có phần mộ, miếu thờ cúng, chùa chiền và các khu vực mang tính chất tín ngưỡng, tưởng nhớ của người dân đã có từ trước, hiện tại có trong và liền kề với diện tích rừng trồng của nhóm.

III. Các bước tìm hiểu lưu trữ thông tin

3.1. Tiến hành điền tra nhân dân địa phương

Thu thập thông tin và lập danh sách, tổng hợp số lượng, địa chỉ, tọa độ, ...

3.2. Thành lập hồ sơ có bản đồ miêu tả chi tiết vị trí các khu lăng mộ, bao gồm các lô rừng tiếp giáp. Số liệu có thể tổng hợp theo biểu sau:

Địa điểm	Tiểu khu/ Khoảnh/Lô	Tên chủ hộ	Số lượng	Miêu tả	Ghi chú
----------	------------------------	------------	----------	---------	---------

Các hướng dẫn cụ thể:

- Khi triển khai các hạng mục công việc có liên quan đến các khu lăng mộ, miếu thờ cúng, chùa chiền, các khu vực có ý nghĩa về tâm linh, tín ngưỡng khác cần đưa thông báo cho các gia đình với kế hoạch các nội dung công việc cụ thể và thời gian dự trù.
- Đối với công đoạn trồng rừng thì không xử lý thực bì bằng phương pháp đốt với những diện tích liền kề với các khu vực kể trên. Nếu có phải làm vành đai trắng cản lửa hoặc cách xa khu vực mộ từ 15-20m.
- Cuộc trồng rừng phải cách khu vực mộ 5-7m.
- Cần cập nhật, trao đổi thông tin để nắm bắt khi các hộ gia đình viếng thăm mộ và thực hiện các nghi thức thờ cúng, nhằm ngăn chặn khả năng cháy, xả rác bừa bãi. Nhắc nhở người dân việc thắp hương, đốt vàng mã phải có người đứng canh cho đến khi hết tàn hương, tàn tro mới được ra về.
- Nếu có xảy ra sạt lở, xuống cấp hay bị phá hoại thì cần thông báo với chủ gia đình.



- Sau thiên tai gió bão cần kiểm tra tình hình các hàng cây vành đai và có biện pháp khắc phục nếu có gãy đổ.
- Khi khai thác: mở đường vận chuyển cách xa khu vực lăng mộ, miếu thờ cúng, chùa chiền,tránh tác động. Đảm bảo không gặt ủi, che lấp phần lăng mộ... tránh tối đa sự ảnh hưởng tới tôn nghiêm tín ngưỡng của người dân.
- Không tập kết gỗ sát với khu vực lăng mộ, nên cách xa 10-15m để đảm bảo không tác động.
- Ngoài ra, các thành viên nhóm cần đảm bảo không tụ tập, không xả rác, và không lưu trữ dụng cụ lao động tại các khu vực lăng mộ.
- Luôn thể hiện tinh thần hợp tác, hỗ trợ giữa nhóm hộ và các gia đình thân nhân của phần lăng mộ.
- Nếu có bất cứ tranh chấp nào xảy ra cần báo ngay cho ban quản lý nhóm để có biện pháp giải quyết phù hợp.

IV. Đối với các địa điểm có ý nghĩa về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc hoặc cộng đồng người địa phương

Khu vực quản lý của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương không có các địa điểm có ý nghĩa về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc hoặc cộng đồng người địa phương. Tuy nhiên bất cứ địa điểm nào mới quan sát hay phát hiện có ý nghĩa về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tộc hoặc cộng đồng người địa phương, Ban quản lý nhóm yêu cầu dừng ngay các hoạt động quản lý trong vùng cho đến khi đạt được các biện pháp bảo vệ với người dân tộc hoặc các biện pháp bảo vệ được thống nhất với cộng đồng người địa phương, theo như quy định bởi địa phương và luật quốc gia.



QTQLR -16. QUY TRÌNH KIỂM SOÁT LOÀI THỰC VẬT NGOẠI LAI, XÂM LẤN

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị định 35/NĐ-CP ngày 18/03/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn chiến đến năm 2030.
- Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.
- Quyết định 4961/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NNPTNT ngày 17/11/2014 ban hành danh mục các loài cây chủ lực cho rừng trồng sản xuất và danh mục các loài cây chủ yếu cho rừng trồng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp.
- Chỉ thị 42/CT-TTg ngày 08/12/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai, xâm hại.
- Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ TN-MT về quy định tiêu chí xác định và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại

2. Định nghĩa

Theo từ điển tiếng Việt (1997), thực vật ngoại lai là loài thực vật từ bên ngoài vào nước ta. Như vậy nếu chỉ dừng ở từ ngoại lai thì có thể hiểu hai mặt tích cực và tiêu cực của nó.

- Xét về mặt tích cực, đó là loài cây trồng, những giống cây trồng đã được nghiên cứu hoặc đang nghiên cứu những đặc tính có lợi được đưa vào nội địa với mục đích nghiên cứu, làm đa dạng nguồn gen, không ảnh hưởng đến hệ sinh thái bản địa. Gọi đơn giản là cây trồng hoặc giống cây trồng mới.

- Xét về mặt tiêu cực, đó là loài cây trồng chưa được nghiên cứu (cây trồng lạ) được du nhập vào nội địa bằng nhiều hình thức không được phép của cơ quan quản lý nhà nước (nhập lậu) chưa từng có mặt hoặc chưa từng ghi nhận hay công bố ở trong nước.

Theo Công ước Đa dạng sinh học được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Trái Đất năm 1992 tại Rio de Janeiro (Việt Nam tham gia theo quyết định 279/ QĐ-CTN của Chủ tịch nước ngày 17 tháng 10 năm 1994 về việc phê chuẩn Công ước Đa dạng sinh học) thì sinh vật ngoại lai được định nghĩa như sau:

- Sinh vật ngoại lai (Ailen species) là một loài, phân loài hoặc taxon phân loại thấp hơn, kể cả một bộ phận cơ thể bất kỳ (giao tử, trứng, chồi mầm) có khả năng xuất hiện sống sót và sinh sản, bên ngoài vùng phân bố tự nhiên (trước đây hoặc hiện nay) và phạm vi phát tán tự nhiên của chúng.

- Sinh vật ngoại lai xâm lấn (Invasive Ailen species) là một loài sinh vật lạ đã thích nghi, phát triển, tăng nhanh số lượng cá thể trong hệ sinh thái hoặc nơi sống mới và là nguyên nhân gây ra sự thay đổi về cấu trúc quần xã, đe dọa đến đa dạng sinh học bản địa.



Đến cuối năm 2008 thuật ngữ sinh vật ngoại lai xâm hại mới được cụ thể hóa trong văn bản luật của nước ta.

Bộ luật Đa dạng sinh học 20/2008/QH12 đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ tư Quốc hội Khóa XII và chính thức có hiệu lực kể từ 01/07/2009. Theo đó tại khoản 19, điều 3, chương 1 định nghĩa:

+ Loài ngoại lai là loài sinh vật xuất hiện và phát triển ở khu vực vốn không phải là môi trường sống tự nhiên của chúng.

+ Loài ngoại lai xâm hại là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển.

3. Danh mục các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn

Trích một số loài sinh vật ngoại lai xâm lấn theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT có khả năng ảnh hưởng đến loài cây trồng trong khu vực.

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
A. Vi sinh vật		
1	Nấm gây bệnh thối rễ	<i>Phytophthora cinnamomi</i>
2	Vi khuẩn gây bệnh dịch hạch ở chuột và động vật	<i>Yersinia pestis</i>
E. Thực vật		
1	Bèo tây (bèo Lục bình, bèo Nhật Bản)	<i>Eichhornia crassipes</i>
2	Cây ngũ sắc (bông ổi)	<i>Lantana camara</i>
3	Cỏ lào	<i>Chromolaena odorata</i>
4	Cúc liên chi	<i>Parthenium hysterophorus</i>
5	Trinh nữ móc	<i>Mimosa diplotricha</i>
6	Trinh nữ thân gỗ (mai dương)	<i>Mimosa pigra</i>

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI CÓ NGUY CƠ XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
A. Động vật không xương sống		
1	Bướm trắng Mỹ	<i>Hyphantria cunea</i>
3	Giáp xác râu ngành pengoi	<i>Cercopagis pengoi</i>
4	Kiến Ac-hen-ti-na	<i>Linepithema humile</i>
5	Kiến đầu to	<i>Pheidole megacephala</i>
6	Kiến lửa đỏ nhập khẩu (kiến lửa đỏ)	<i>Solenopsis invicta</i>
7	Mọt cứng đốt	<i>Trogoderma granarium</i>



8	Mọt đục hạt lớn	<i>Prostephanus truncatus</i>
16	Sên sỏi tía	<i>Euglandina rosea</i>
22	Tuyến trùng hại thông	<i>Bursaphelenchus xylophilus</i>
23	Xén tóc hại gỗ châu Á	<i>Anoplophora glabripennis</i>
C. Lưỡng Cư-Bò sát		
1	Ếch ương beo	<i>Rana catesbeiana</i>
2	Cóc mía	<i>Bufo marinus</i>
3	Ếch Ca-ri-bê	<i>Eleutherodactylus coqui</i>
4	Rắn nâu leo cây	<i>Boiga irregularis</i>
D. Chim - Thú		
1	Chồn ecmin	<i>Mustela erminea</i>
2	Dê hircus (dê)	<i>Capra hircus</i>
3	Sóc nâu, sóc xám	<i>Sciurus carolinensis</i>
4	Thú opốt	<i>Trichosurus vulpecula</i>
Đ. Thực vật		
1	Bèo tai chuột lớn	<i>Salvinia molesta</i>
2	Cây cúc leo	<i>Mikania micrantha</i>
3	Cây cúc lợn (cỏ cúc heo)	<i>Ageratum conyzoides</i>
4	Cây hoa Tulip châu Phi (cây Uất kim hương châu Phi)	<i>Spathodea campanulata</i>
5	Cây chân châu tía	<i>Lythrum salicaria</i>
6	Cây cúc bò (cúc xuyên chi)	<i>Sphagneticola trilobata</i>
7	Cây đương Prosopis	<i>Prosopis glandulosa</i>
8	Cây kim tước	<i>Ulex europaeus</i>
9	Cây Miconia	<i>Miconia calvescens</i>
10	Cây thánh liễu	<i>Tamarix ramosissima</i>
11	Cây xương rồng đất	<i>Opuntia stricta</i>
12	Cây keo giậu	<i>Leucaena leucocephala</i>
13	Cây lược vàng	<i>Callisia fragrans</i>
14	Cỏ echin	<i>Cenchrus echinatus</i>
15	Cỏ kê Para	<i>Urochloa mutica</i>
16	Cỏ nước lợ	<i>Paspalum vaginatum</i>
17	Cỏ lão đỏ	<i>Ageratina adenophora</i> (<i>Eupatorium adenophorum</i>)
18	Chút chút nhật	<i>Fallopia japonica</i>
19	Gừng dại (ngải tiên dại)	<i>Hedychium gardnerianum</i>



20	Rong lá ngò	<i>Cabomba caroliniana</i>
----	-------------	----------------------------

4. Tác động tiêu cực của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại

- Đặc điểm chung là sinh sản nhanh chóng; khả năng cạnh tranh nguồn thức ăn, nơi sinh sống rất lớn; biên độ sinh thái của loài ngoại lai rộng, chúng thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của môi trường.
- Chúng cạnh tranh thức ăn, nơi cư trú với các loài sinh vật bản địa; làm giảm tính đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái; cản trở sự tái sinh tự nhiên của những loài bản địa do khả năng sinh trưởng và phát triển nhanh với mật độ dày đặc của loài ngoại lai; lai giống với những loài sinh vật bản địa, làm suy giảm nguồn gen.
- Đối với loài ngoại lai có khả năng thụ tinh chéo, sinh vật ngoại lai làm rối loạn hệ thống gen của sinh vật bản địa và cạnh tranh, tiêu diệt dần loài bản địa, dẫn đến sự thay đổi, suy thoái hoặc tiêu diệt luôn cả hệ sinh thái bản địa. Đặc biệt, sinh vật ngoại lai có thể truyền bệnh và kí sinh trùng.
- Gây thiệt hại lớn về kinh tế: Làm giảm năng suất cây trồng, tăng các chi phí phòng trừ....

5. Quy trình kiểm soát một số loài Thực vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại trong khu vực rừng trồng Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

5.1. Quy trình chung:

Đối với mỗi loài sinh vật ngoại lai xâm hại, biện pháp cụ thể để diệt trừ mỗi loài là khác nhau. Dựa vào dấu hiệu nhận biết sinh vật ngoại lai, có thể sử dụng các biện pháp sau:

- Biện pháp thủ công: Sử dụng sức người và các dụng cụ thô sơ để tiêu diệt, hạn chế sự phát tán và mở rộng quy mô của loài xâm hại. Biện pháp này đơn giản, dễ áp dụng, không làm ô nhiễm ô trường song tốn nhiều công lao động. Các biện pháp thủ công có thể áp dụng:
 - + Nhổ và cắt, bắt bằng tay; áp dụng tốt đối với các loài sinh vật lạ chưa đến giai đoạn sinh sản. Chú ý thu thập hết các cơ thể của sinh vật và không để lại bộ phận nào của chúng còn sót lại, đề phòng chúng có thể tái sinh bằng con đường vô tính hoặc hữu tính.
 - + Sử dụng các phương tiện cơ giới: máy móc, phương tiện kỹ thuật cao; đào cây, xới đất làm bật rễ, phát đốt, sản ủi, kéo lưới (loài thủy sinh) và nhiều biện pháp khác.
- Biện pháp sinh học: Sử dụng trên các cơ sở đặc điểm sinh và phát triển của loài. Biện pháp này thường dùng loài thiên địch của các loài sinh vật lạ để tiêu diệt chúng. Ưu điểm của biện pháp sinh học và không gây ô nhiễm môi trường nhưng rất bất lợi do khó kiểm soát được sự phát triển của các loài thiên địch sau khi chúng đã tiêu diệt hết các loài sinh vật lạ. Vì vậy, khi áp dụng biện pháp này, cần cân trọng và chỉ nhập các loài thiên địch khi đã biết rõ đặc tính sinh học của chúng.



- Biện pháp hóa học: Biện pháp này có lợi thế nhanh, ít tốn nhân công và rẻ tiền nhưng thường gây ô nhiễm môi trường hoặc đôi khi gây độc cho cả cây trồng và những loài sinh vật bản địa khác. Vì vậy, khi áp dụng biện pháp này, cần chú ý sử dụng hợp lý thuốc hóa học bảo vệ thực vật một cách có chọn lọc theo 4 nguyên tắc: đúng chủng loại, đúng liều lượng và nồng độ, đúng thời điểm và đúng kỹ thuật để đem lại hiệu quả cao nhất.

- Biện pháp tổng hợp: Sử dụng phối hợp cả 3 biện pháp thủ công – sinh học – hóa học nhằm phát huy ưu điểm và hạn chế yếu điểm của từng biện pháp riêng lẻ. Thí dụ như đối với việc tiêu diệt cây Mai dương, cần tiến hành nhổ, chặt, cày đất khi cây còn non và mới phát triển; dùng hóa chất khi cây phát triển mạnh và tìm được các loài thiên địch để tiêu diệt hoàn toàn chúng.

- Biện pháp kinh tế: Bao gồm các công cụ kinh tế để gián tiếp kiểm soát và tiêu diệt sinh vật ngoại lai xâm hại:

+ Khuyến khích người dân sử dụng loài ngoại lai làm nguồn thức ăn, làm nguyên liệu cho ngành thủ công nghiệp, làm chất đốt. Ví dụ như sử dụng thân cây mai dương làm củi và làm giá thể trồng nấm, làm thức ăn cho dê. Sử dụng lục bình để làm phân xanh, nấu cón, làm vật liệu đan thủ công mỹ nghệ.

+ Áp dụng nguyên tắc “Người gây hại phải trả tiền”. Khi một tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhập loài sinh vật lạ, các cơ quan chức năng sử dụng các công cụ pháp luật tiến hành quản lý, xử phạt hoặc yêu cầu ký cam kết đảm bảo. Trong trường hợp loài sinh vật phát tán và gây hại ra môi trường, yêu cầu trả phí khắc phục hậu quả môi trường do loài đó gây nên.

5.2. Quy trình cụ thể cho một số loài

5.2.1. Cây Cỏ Lào:

+ Tác động tiêu cực: Cỏ Lào có thể tạo thành các bụi cây rậm rạp, ngăn cản sự thiết lập quần thể của các loài khác do cạnh tranh về nơi sống. Khi thời tiết khô, cỏ Lào có thể trở thành vật liệu gây cháy. Chúng có thể gây dị ứng da hoặc hen suyễn đối với những người mẫn cảm. Đây là loài cỏ dại ở các khu bảo tồn, Vườn quốc gia và tác động làm thay đổi các quá trình phát triển tự nhiên của hệ sinh thái.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát:* Áp dụng biện pháp thủ công như cắt, cuốc và phơi khô và đốt;

5.2.2. Cúc liên chi:

+ Tác động tiêu cực: Cúc Liên chi có khả năng cạnh tranh với các loài bản địa gây ra thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, rừng tái sinh tự nhiên và là nguồn dễ xảy ra cháy rừng. Cúc Liên chi có thể gây ra dị ứng nghiêm trọng đối với người mẫn cảm.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát:* Áp dụng biện pháp thủ công như cắt, cuốc và phơi khô và đốt; phối hợp nhiều biện pháp như sinh học, hóa học.

5.2.3. Trinh nữ móc:



+ *Tên khác*: Trinh nữ thân vuông, cây xấu hổ thân vuông

+ *Tác động tiêu cực*: Trinh nữ mọc là loài cỏ dại nguy hiểm đối với cây trồng nông nghiệp, bao phủ chắn ánh sáng đối với các loài cây lâm nghiệp. Trinh nữ mọc thành một tấm màn gai góc che phủ lên thảm thực vật, ngăn cản các loài động vật tới kiếm ăn, hạn chế sự sinh trưởng và phát triển của các loài thực vật khác.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Áp dụng biện pháp cắt, phát cây Trinh nữ mọc thường xuyên để ngăn chặn sự phát triển của cây.

Sử dụng thuốc diệt cỏ trước khi cây con mọc. Loài này không bị tác động bởi thuốc diệt cỏ có thời gian tác động ngắn nhưng miễn cảm với thuốc diệt cỏ có tính thẩm thấu như sodium arsenite, fluroxypyr và glyphosate ở liều lượng bình thường

5.2.4. Trinh nữ thân gỗ

+ *Tác động tiêu cực*: Cây Mai dương mọc dày đặc thành các bụi rậm với nhiều gai nhọn xung quanh các thủy vực, đã cản trở hoạt động của các loài động vật xuống uống nước, tiêu diệt hầu hết các loài thực vật, làm mất nơi sinh sống của nhiều loài chim và bò sát, làm giảm diện tích đồng cỏ. Ngoài ra, cây Mai dương còn xâm chiếm đất canh tác gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

+ *Biện pháp phòng ngừa*: Áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp cây Mai dương với các hoạt động chủ yếu như: thường xuyên nhổ bỏ cây non, chặt đốn tận gốc cây lớn và đốt, làm ngập nước khu vực cần diệt trừ cây Mai dương trong một thời gian nhất định tùy theo loại hình khu vực bị xâm kết hợp với việc sử dụng thuốc hóa học thích hợp.

5.2.5. Cây cúc leo (*Mikania micrantha*)

+ *Tác động tiêu cực*: Gây hại hoặc làm chết các loài thực vật khác bằng cách che phủ và chiếm nguồn sáng Mặt Trời. Bên cạnh đó, loài này cũng cạnh tranh với các loài khác nguồn dinh dưỡng, nước và tiết chất ức chế sự phát triển của các loài cây khác ở kế cận; gây hại nghiêm trọng đối với chuối, ca cao, các loại cây trồng lâm nghiệp khác.

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Cây Cúc leo là loài cỏ dại khó diệt trừ do loài này có khả năng sinh sản rất mạnh mẽ: sản sinh rất nhiều hạt và khả năng tái sinh cao. Có thể sử dụng các biện pháp diệt Cúc leo bằng các loài côn trùng gây hại như *Liothrips mikaniae*, *Teleonemia* sp., *Acalitus* sp. và nấm gây bệnh. Biện pháp thích hợp được sử dụng nhiều là phun thuốc diệt cỏ như Glyphosate.

5.2.6. Cây cứt lợn

+ *Tên khác*: Cây hoa cứt lợn, Cỏ cứt lợn, Cỏ cứt heo, cây cỏ hôi, hoa ngũ vị

+ *Tác động tiêu cực*: Cây cứt lợn là loài cỏ dại gây hại đối với nhiều loài cây hàng năm, lâu năm, là vật chủ của nhiều tác nhân gây bệnh thực vật như vi-rút xoắn vàng lá cây cà chua (ở Tanzania).

+ *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát*: Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cây cứt lợn là thường xuyên xới, nhổ bỏ tận gốc, đốt bỏ cây.

5.2.7. Ốc sên châu phi



- *Tên khác:* Ốc ma

- *Tác động của loài:*

Trong nông nghiệp: tại vùng nhiệt đới, ốc Sên châu Phi gây ra thiệt hại cho nông nghiệp như làm giảm năng suất cây trồng. Ngoài ra, ốc Sên châu Phi còn là vật truyền các tác nhân gây bệnh cho cây trồng.

Ốc sên châu Phi là loài ăn tạp nên chúng phá hủy thảm thực vật, làm giảm năng suất cây trồng. Ốc sên châu Phi cũng là vật truyền các tác nhân gây bệnh cho cây trồng (như bệnh chùn ngọn chuối); mang một số loài sán ký sinh gây bệnh viêm não trên người nếu ăn phải thịt ốc sên không được chế biến kỹ.

- *Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát:* Sử dụng biện pháp thu bắt và diệt bằng tay. Trong trường hợp đặc biệt, có thể sử dụng thuốc trừ nhuyễn thể để tiêu diệt ốc. Thường xuyên vệ sinh vườn tược, tía bỏ những cành già, cành võng, cành bị sâu bệnh; trừ cỏ dại thường xuyên.

- Rải vôi bột trên mặt đất hoặc những khu vực nghi ngờ có ốc sên.

- Phun hóa chất thích hợp diệt trừ ốc sên theo chỉ định.

QTQLR -17. QUY TRÌNH SỬ DỤNG MÁY CẮT CỎ

Có nhiều loại máy cắt cỏ khác nhau, bao gồm máy cắt cỏ cầm tay, máy cắt cỏ xe đẩy,... Hiện nay người dân chủ yếu sử dụng máy cắt cỏ cầm tay.

Bước 1: Kiểm tra và pha nhiên liệu theo đúng tỷ lệ

Với máy cắt chạy bằng điện, chỉ cần kết nối với nguồn điện. Với máy cắt chạy bằng pin, chỉ cần sạc đầy pin. Còn với máy cắt cỏ chạy xăng, cần kiểm tra nhiên liệu và pha đúng tỷ lệ.

Dựa vào khuyến cáo của nhà sản xuất máy cắt mà chọn loại xăng và pha tỷ lệ cho phù hợp. Nên chọn dòng xăng chuẩn để máy không bị tắt xăng khi đang làm việc.

Bước 2: Bơm xăng vào máy cắt cỏ

Cách bơm xăng vào bình xăng con như sau: kiểm tra bằng cách ấn ngón tay vào bơm xăng và thả ra. Thực hiện liên tục cho đến khi thấy xăng chảy về ống hồi của bình xăng con thì dừng lại. Đây là thao tác quan trọng trong hướng dẫn sử dụng máy phát cỏ dùng xăng.

Bước 3: Đóng cần gió và đưa cần gar về vị trí

Để máy vận hành, đưa cần gió về vị trí off. Sau đó chuyển cần gar đến vị trí 1/3 cần.



Khởi động máy cắt cỏ

Bước 4: Khởi động máy cắt cỏ chạy xăng

Giật nhẹ bộ khởi động của máy từ 2 đến 3 lần. Sau đó giật mạnh để khởi động máy. Nhớ giữ máy cố định khi khởi động để tránh làm hỏng bộ khởi động của thiết bị.

Bước 5: Điều chỉnh gió và khởi động lại

Sau khi khởi động được máy cắt, gạt cần gió của máy về vị trí ON. Nếu động cơ dừng lại sau khi xoay vài vòng thì chỉnh cần gạt gió mở một nửa (ở khoảng giữa vị trí ON và OFF). Tiếp theo, kéo dây và giật mạnh để máy khởi động lại thêm lần nữa. Sau khi máy đã khởi động được thì để máy chạy 3-5 phút ở tốc độ chậm để máy dần làm quen.

⇒ **Nguyên tắc đảm bảo an toàn khi dùng máy cắt cỏ**

Khi sử dụng máy cắt cỏ cầm tay, cần ghi nhớ một số nguyên tắc đảm bảo an toàn sau:

+ Sử dụng đồ bảo hộ

Dù dùng máy cắt cỏ cầm tay hay máy cắt cỏ xe đẩy thì đều cần trang bị đồ bảo hộ. Bao gồm: khẩu trang, mắt kính, quần áo bảo hộ, giày, ủng bảo hộ,...



Sử dụng đồ bảo hộ khi dùng máy cắt cỏ

+ Chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu

Để tránh trường hợp hết điện, hết xăng khi đang làm việc, bạn cần chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu cho máy. Luôn chọn loại xăng, dầu chất lượng để đảm bảo tuổi thọ cho máy cắt.

Xem thêm: [Cách sử dụng máy cắt sắt cầm tay chi tiết, đúng kỹ thuật](#)

+ Kiểm tra máy cắt trước khi sử dụng

Trước khi vận hành máy, hãy nhớ kiểm tra thật kỹ. Đặc biệt chú ý các bộ phận như lưỡi cắt, vỏ máy, động cơ,... Nếu lưỡi cắt có dấu hiệu bị mẻ, nứt thì cần thay mới.

+ Chọn địa hình làm việc phù hợp

Chỉ nên dùng máy cắt cỏ ở những nơi có bề mặt bằng phẳng. Nếu dùng máy tại các khu vực có nhiều đá tảng, đá lớn thì dễ làm mẻ lưỡi hoặc làm văng lưỡi cắt rất nguy hiểm.

+ Chú ý đến tư thế làm việc

Để thực hiện cách sử dụng máy cắt cỏ cầm tay đúng kỹ thuật, cần chú ý đến tư thế làm việc. Khi điều khiển máy phải dùng cả hai tay. Ngoài ra cần chú ý tập trung làm việc, tránh gây ra những sự cố nguy hiểm không đáng có.



Chú ý đến tư thế khi dùng máy cắt cỏ

+ Một số vấn đề khác

Nếu bạn dùng máy mới, nên để máy chạy không tải khoảng vài tiếng. Điều này giúp động cơ của máy được bôi trơn để máy làm việc hiệu quả hơn.

Sau khi máy dùng hết 1 bình xăng thì bạn để cho máy được nghỉ khoảng 10 phút. Tránh để động cơ bị quá nóng.

Thời điểm thay nhớt cho máy cũng cần được chú ý. Với máy mới, bạn thay nhớt sau 9 - 10 tiếng làm việc. Với máy đã sử dụng, bạn thay sau khoảng 30 tiếng làm việc.

⇒ Cách bảo dưỡng máy cắt cỏ cầm tay

Bên cạnh việc hướng dẫn cách sử dụng máy cắt cỏ an toàn, bài viết còn gửi đến bạn cách bảo dưỡng máy cắt cỏ cầm tay. Để máy hoạt động ổn định và bền bỉ, tuổi thọ lâu dài, bạn cần chú ý đến những vấn đề sau:



Cách bảo dưỡng máy cắt cỏ cầm tay

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng máy cắt cỏ trước khi dùng. Bạn cần nắm vững quy trình vận hành máy cũng như biết được các bộ phận của máy.

Thay nhớt cho máy cắt cỏ sau 10 giờ đầu hoạt động. Sau đó thay nhớt định kỳ cho máy. Thời gian thay nhớt định kỳ là cách 50 giờ sử dụng.

Vệ sinh lọc gió định kỳ. Thời gian vệ sinh cũng là sau 50 giờ hoạt động hoặc sau một thời gian dài sử dụng.

Vệ sinh bugi của máy cắt cỏ và buồng đốt thường xuyên. Sau 300 giờ làm việc thì nên thay bugi cho máy.

Kiểm tra bình xăng và vệ sinh cho bình thường xuyên (khoảng sau 100 giờ làm việc). Nếu bình xăng bị đóng cặn thì bạn phải vệ sinh ngay lập tức.

Sau một thời gian dùng, bạn kiểm tra tất cả các bộ phận. Đặc biệt là các vị trí khớp nối, đai ốc, lưỡi cắt cỏ.



QTQLR - 18: XỬ LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁI PHÉP HOẶC BẤT HỢP PHÁP TRÊN LÔ RỪNG

1. MỤC ĐÍCH

- Nhằm ngăn chặn, hạn chế các hoạt động trái phép hoặc bất hợp pháp xảy ra trên lô rừng theo Điều 9 của Luật Lâm nghiệp.
- Bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn nguồn gen động thực vật quý hiếm.
- Hạn chế những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa các thành viên cũng như cộng đồng địa phương.

2. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

- Khi có xảy ra các hoạt động trái phép, các thành viên, thành viên đại diện báo với BQL nhóm để kịp thời phối hợp với chính quyền và cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Về phía BQL nhóm, phân công cụ thể như sau:

- Ông: Lê Phùng Diệu (Trưởng nhóm) chủ trì	SĐT	0986828968
- Ông: Nguyễn Xuân Hoan (Trưởng ban giám sát)	SĐT	0961409468
- Ông Nguyễn Tư Hùng (phụ trách xã Cát Ngạn)	SĐT	0987458320
- Ông Đặng Hữu Hạnh (phụ trách xã Hạnh Lâm)	SĐT	0945008999
- Ông Lê Văn Tý (phụ trách xã Hoa Quân)	SĐT	0983673747
- Ông Nguyễn Hoàng Hưng (phụ trách xã Tam Đồng)	SĐT	0989355588
- Ông Nguyễn Thị Chuyên (phụ trách xã Xuân Lâm)	SĐT	0974910468
- Ông Nguyễn Thị Thùy (phụ trách xã Đại Đồng)	SĐT	0979289760
- Ông Nguyễn Bá Sơn (phụ trách công ty Lâm nghiệp Đô Lương)	SĐT	

3. QUY TRÌNH PHỐI HỢP VÀ XỬ LÝ:

- Khi phát hiện hoạt động trái phép xảy ra trên các lô rừng tham gia nhóm thì các thành viên hoặc thành viên đại diện báo cho BQL nhóm biết.



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

- Khi có thông tin thì BQL nhóm sẽ phân loại các vi phạm, các hoạt động trái phép hoặc bất hợp pháp.

a. Nếu các vi phạm, các hoạt động trái phép trên các lô rừng thuộc thẩm quyền xử lý của BQL nhóm (*Những vi phạm liên quan đến tuân thủ quy chế nhóm, tiêu chuẩn của FSC...*) thì nhóm sẽ lập biên bản và đưa ra các hình thức xử lý vi phạm như:

- Nhắc nhở
- Cảnh cáo
- Khai trừ ra khỏi nhóm (*nếu người vi phạm là thành viên của nhóm, tuân thủ theo quy trình kết nạp và loại trừ thành viên của nhóm*).

b. Nếu các vi phạm, các hoạt động trái phép trên các lô rừng vượt thẩm quyền xử lý của BQL nhóm (*Những vi phạm về thông tư, quy định pháp luật hiện hành...*) thì nhóm sẽ liên hệ để phối hợp với chính quyền cấp xã (*Đại diện là địa chính lâm nghiệp xã*) và Hạt Kiểm lâm của khu vực (*theo công văn phối hợp giữa nhóm và chính quyền địa phương*) để lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Các hình thức xử lý:

- Xử phạt hành chính
- Thu giữ phương tiện và tang vật.
- Xử phạt lao động công ích
- Truy tố trách nhiệm hình sự.

Các hoạt động trái phép diễn ra trên lô rừng khi được phát hiện sẽ được lập biên bản theo các mẫu sau:



PHỤ LỤC QTQLR 18:

Biểu mẫu 1: BM-BBKT-Biên bản kiểm tra hiện trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

Hôm nay, vào lúc ... giờ ... phút ngày ..., tại lô ..., khoảnh ..., tiểu khu... thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông/bà:..., thôn... xã.....

Chúng tôi gồm:

*** Đại diện Ban quản lý nhóm CCR Thanh Chương số 2**

1. Ông:.....

2. Ông:.....

3. Ông:.....

*** Thành viên đại diện:**

1. Ông/bà:

2. Ông/bà:

*** Người chứng kiến của ông (bà):..... Tuổi:**

Nghề nghiệp: Địa chỉ:.....;

CMND số:..... ngày cấp:.....nơi cấp:.....

I. NỘI DUNG KIỂM TRA:

- Sau khi nhận được thông tin thông báo về các hoạt động trái phép xảy ra trên lô rừng, BQL Nhóm CCR Thanh Chương số 2 đã kịp thời tiếp cận hiện trường và phát hiện:

-

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

.....

.....

Việc kiểm tra kết thúc vào hồi ... giờ ... ngày

Biên bản lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; được đọc lại biên bản, những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng, ký, ghi rõ họ tên vào biên bản./.

ĐẠI DIỆN THÀNH PHẦN KIỂM TRA

BQL NHÓM CCR
THANH CHƯƠNG SỐ 2

THÀNH VIÊN ĐẠI DIỆN

NGƯỜI LÀM CHỨNG



Biểu mẫu 2: BM-BBVP-Biên bản vi phạm quả tang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN VI PHẠM QUẢ TANG

Hồi giờ ngày..... tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

Ông/bà: Chức vụ

Ông/bà:

Ông/bà:

Căn cứ quy chế, điều lệ hoạt động của nhóm CCR Thanh Chương số 2, Chúng tôi tiến hành lập biên bản vi phạm quả tang đối với:

Họ tên: Giới tính:

Tên gọi khác:

Sinh ngày tháng năm tại:.....

Quốc tịch:; Dân tộc:; Tôn giáo:.....

Nghề nghiệp:

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu:

cấp ngày..... tháng năm Nơi cấp:

Nơi cư trú:

.....

1. Tóm tắt nội dung sự việc, hành vi phạm tội quả tang và diễn biến quá trình như sau:

2. Lời khai của người vi phạm (*Chú ý ghi số điện thoại mà họ đã sử dụng trước khi bị bắt quả tang*):

3. Lời khai của người bị hại (*Chú ý ghi số điện thoại để liên hệ khi cần thiết*):



Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

4. Lời khai của người làm chứng/người chứng kiến (*Chú ý ghi số điện thoại để liên hệ khi cần thiết*):

5. Tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ (*nếu có*):

6. Thái độ chấp hành của người bị bắt:

Việc lập biên bản quả tang kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm.....

Biên bản này đã đọc cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng và cùng ký tên xác nhận dưới đây.

NGƯỜI VI PHẠM

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

NGƯỜI BỊ HẠI
(*Nếu có*)

NGƯỜI LÀM CHỨNG

NGƯỜI CHỨNG KIẾN